

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN CẢNH PHƯƠNG

**TANG MA CỦA NGƯỜI CÔNG
Ở XÃ NẬM KHAO, HUYỆN MUỜNG TÈ,
TỈNH LAI CHÂU**

Chuyên ngành : Dân tộc học

Mã số : 60 31 03 10

LUẬN VĂN THẠC SĨ DÂN TỘC HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

TS. NGUYỄN THỊ SONG HÀ

HÀ NỘI, 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của tôi. Các số liệu, kết quả trong luận văn là trung thực, chưa từng được ai công bố trong bất kỳ trình nào khác. Thông tin, tài liệu trình bày trong luận văn này đều đã được ghi rõ nguồn gốc.

Mọi sự giúp đỡ cho việc hoàn thiện luận văn này đều đã được cảm ơn.

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2016

Tác giả luận văn

Nguyễn Cảnh Phương

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình thực hiện luận văn thạc sĩ Dân tộc học với đề tài: “*Tang ma của người Cống ở xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu*” tôi đã nhận được sự giúp đỡ quý báu, hiệu quả của nhiều cơ quan, tập thể và cá nhân. Đặc biệt, để hoàn thành tốt luận văn này tôi đã thường xuyên nhận được sự khích lệ, động viên, chỉ bảo, hướng dẫn tận tình của người hướng dẫn là TS. Nguyễn Thị Song Hà. Nhân dịp này, cho phép tôi được gửi tới các thầy cô giáo lòng biết ơn sâu sắc nhất.

Nhân dịp hoàn thành luận văn, tôi xin chân thành cảm ơn: Ban lãnh đạo – Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam - nơi tôi công tác; Ban Giám đốc, Khoa Dân tộc học và Nhân học, Phòng Quản lý đào tạo của Học viện Khoa học Xã hội, đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để tôi được học tập các chương trình thạc sĩ khóa 2014 - 2016, cũng như giúp đỡ tôi các thủ tục cần thiết trong quá trình học tập và bảo vệ luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn Lãnh đạo các địa phương: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lai Châu, Ủy ban nhân dân huyện Mường Tè, Ủy ban nhân dân xã Nậm Khao. Đặc biệt, tôi xin chân thành cảm ơn đồng bào dân tộc Cống, nơi tôi đến nghiên cứu điền dã, đã giúp đỡ nhiệt tình, cung cấp cho tôi những thông tin, tư liệu quý báu để tôi hoàn thành luận văn này.

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2016

Tác giả luận văn

Nguyễn Cảnh Phương

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT, KÝ HIỆU

BVHTT:	Bộ Văn hoá Thông tin
BVHTTDL	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
CNH-HĐH:	Công nghiệp hoá - hiện đại hoá
DTH:	Dân tộc học
GS:	Giáo sư
H:	Hà Nội
KHXH:	Khoa học xã hội
NXB:	Nhà xuất bản
PGS:	Phó giáo sư
Ths:	Thạc sĩ
TS:	Tiến sĩ
[24, tr.59]:	Tài liệu số thứ tự 24, trang 59
VHDT:	Văn hóa dân tộc
UBND	Ủy ban nhân dân

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KHÁI QUÁT ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU	11
1.1. Cơ sở lý luận.....	11
1.2. Khái quát địa điểm nghiên cứu	17
Tiểu kết chương 1	27
Chương 2. CÁC NGHI LỄ TRONG TANG MA TRUYỀN THỐNG	28
2.1. Một số quan niệm liên quan đến tang ma.....	28
2.2. Các phong tục và nghi lễ trong tang ma của người Cống.....	31
Tiểu kết chương 2	55
Chương 3. MỘT SỐ GIÁ TRỊ VĂN HÓA TỘC NGƯỜI VÀ SỰ BIẾN ĐỔI TRONG CÁC NGHI LỄ TANG MA.....	56
3.1. Đặc trưng văn hóa thể hiện trong tang ma.....	56
3.2. Biến đổi trong nghi lễ tang ma.....	64
3.3. Ảnh hưởng của các nghi lễ trong tang ma đến quá trình Xây dựng nông thôn mới và cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”	69
3.4. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa trong tang ma của người Cống....	74
Tiểu kết chương 3	77
KẾT LUẬN.....	78

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài.

Người Cống là một trong 53 tộc người thiểu số sinh sống ở Việt Nam, thuộc nhóm ngôn ngữ Tạng - Miến và là một trong số các tộc người có dân số ít. Theo tổng điều tra dân số và nhà ở ngày 1/4/2009, ở nước ta người Cống có 2029 người, cư trú tập trung ở các tỉnh Lai Châu (1.134 người, chiếm 55,9%) và Điện Biên (871 người, chiếm 42,9%). Đây là một tộc người có tên gọi chung, ngôn ngữ chung, ý thức chung về tộc người, tự phân biệt mình với các dân tộc láng giềng bằng một nền văn hoá đặc sắc, bảo tồn được nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, trong đó có lĩnh vực tang ma.

Tang ma của người Cống biểu hiện sâu sắc đạo hiếu, đạo nghĩa của người sống dành cho người chết, người sống với người sống và giữa con người với thiên nhiên. Thông qua tang ma, những quan niệm về thế giới quan, những ý nguyện tâm linh và các quy tắc ứng xử gia đình, cộng đồng được biểu hiện rõ nét hơn bao giờ hết, nó chi phối đời sống xã hội tộc người Cống một cách lâu dài, bền bỉ, thậm chí trở thành những ràng buộc xã hội, tạo nên sức cố kết bền chặt của cộng đồng.

Từ trước tới nay, các công trình nghiên cứu về người Cống nói chung, văn hóa của người Cống nói riêng còn ít được quan tâm, nghiên cứu, do đó việc hiểu biết về tộc người này chưa được đầy đủ. Trong tâm thức của cộng đồng, người Cống luôn có ý thức bảo tồn, trao truyền việc thực hành các nghi lễ, đặc biệt là trong tang ma cho các thế hệ. Thông qua các nghi lễ được thực hành, nhân sinh quan, thế giới quan và đặc trưng văn hóa của tộc người phản ánh rõ nét. Trải qua quá trình lịch sử tồn tại và phát triển của mình, đời sống văn hóa của người Cống, trong đó có tang ma đã có nhiều thay đổi nhất định bởi nó chịu sự tác động của môi trường tự nhiên, xã hội, văn hóa, sự phát triển của đời sống kinh tế và qua môi trường cư trú cộng cư với một số tộc người

thiểu số khác như La Hủ, H'mông, Hà Nhì... trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ như hiện nay.

Từ khi Đảng và Nhà nước ta thực hiện công cuộc Đổi mới toàn diện đất nước (1986) đến nay, việc nghiên cứu văn hóa các tộc người thiểu số, trong đó có các tộc người thiểu số dưới 5.000 người như người Cống đã và đang được tìm hiểu, nghiên cứu với sự quan tâm chú ý đặc biệt. Việc hiểu biết đầy đủ về người Cống nói chung, văn hóa người Cống nói riêng là cơ sở để Đảng và Nhà nước ta có những chính sách phù hợp trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội đối với tộc người, đồng thời góp phần thực hiện tinh thần Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ 5 (khóa VIII) về việc “*Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*” và Nghị quyết lần thứ 9 (khóa XI) của Đảng “*Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*” là một việc làm hết sức cần thiết.

Bên cạnh thực tiễn nêu trên, bản thân tôi là một cán bộ công tác tại Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam, với mong muốn được tìm hiểu, nắm rõ hơn về phong tục tập quán và đời sống văn hóa của người Cống thông qua tang ma của họ để phục vụ cho công tác chuyên môn. Góp phần cung cấp cứ liệu khoa học giúp cho Đảng và Nhà nước cũng như chính quyền địa phương thấy được những yếu tố văn hóa tích cực để bảo tồn và phát huy, hạn chế những yếu tố văn hóa không còn phù hợp với thực tiễn hiện nay và góp phần thực hiện xây dựng nông thôn mới ở tộc người Cống tỉnh Lai Châu nói riêng và ở Việt Nam nói chung.

Xuất phát từ những lý do cơ bản nêu trên, tôi quyết định lựa chọn đề tài: “*Tang ma của người Cống ở xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu*” làm đề tài luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Dân tộc học của mình

2. Tình hình nghiên cứu của đề tài

2.1. Các nghiên cứu về tang ma của người Cống.

Người Cống là một trong các tộc người thiểu số thuộc dân số ít, có nền văn hóa đa dạng. Văn hóa của người Cống thể hiện đậm nét qua các phong tục, tập quán, nghi lễ của cộng đồng tộc người. Đồng thời, bên cạnh những đặc điểm riêng biệt thì văn hóa của người Cống lại có một số điểm tương đồng với các tộc người cùng nhóm ngôn ngữ. Do đó, dưới góc độ của ngành Dân tộc học và Nhân học, người Cống ở Việt Nam đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm, chú ý từ khá sớm. Tuy nhiên, các nghiên cứu đã được công bố chỉ tập trung giới thiệu sơ lược một cách tổng thể về đời sống của tộc người Cống mà chưa đi sâu, làm rõ các lĩnh vực cụ thể từ truyền thống đến biến đổi để luận giải các đặc trưng văn hóa của tộc người này.

Năm 1978, Viện Dân tộc học đã cho xuất bản cuốn sách *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*. Đây là cuốn sách mà các nhà nghiên cứu của Viện Dân tộc học đã dày công nghiên cứu để có thể cung cấp một cách khái quát về nguồn gốc lịch sử, dân cư, dân số, trang phục, một số loại hình kinh tế xã hội, phong tục tập quán của các tộc người cư trú ở các tỉnh miền núi phía Bắc, trong đó có tộc người Cống. Ở cuốn sách này, Vấn đề tang ma của tộc người Cống cũng được giới thiệu sơ lược trong 2 trang, qua đó, giúp cho những ai quan tâm về tộc người này có thể hiểu một cách sơ lược về các bước của nghi lễ trong tang ma.

Tác giả Phạm Huy trong công trình *Bước đầu tìm hiểu văn hóa dân tộc Cống* (1998) đã đề cập khá toàn diện về điều kiện tự nhiên và xã hội, hiện trạng và nguồn gốc, hình thái kinh tế và sinh hoạt vật chất, trang phục, gia đình hôn nhân – dòng họ, tín ngưỡng – cúng lễ - tục lệ, văn học nghệ thuật và tri thức dân gian của người Cống trong truyền thống. Trong nội dung cuốn sách này, tác giả Phạm Huy đã miêu tả một cách sơ lược về tang ma và các nghi lễ tang ma, trong đó có chú ý miêu tả về nghi lễ tắm rửa cho người chết đến việc cúng lễ, đưa tang, chọn đất và các nghi lễ tập tục thờ cúng sau tang ma dành

cho người chết. Song các miêu tả này chưa thực sự đầy đủ để có thể lí giải được đặc trưng văn hóa của cộng đồng tộc người này.

Năm 1999, cuốn *Lai Châu và các dân tộc Lai Châu* của tác giả Lê Đình Cúc đã thể hiện khá đầy đủ về bức tranh văn hóa của các tộc người thiểu số ở tỉnh Lai Châu. Trong phần nội dung của cuốn sách này, tang ma của người Cống đã được tác giả khái quát trong 2 trang sách, vì thế, các diễn trình trong nghi lễ tang ma chưa được tái hiện một cách đầy đủ, chưa thể hiện được vị trí và vai trò của tang ma trong đời sống văn hóa của cộng đồng tộc người.

Năm 2004, tác giả Nguyễn Minh Duy (Ủy ban Dân tộc) đã thực hiện *Báo cáo kết quả Dự án điều tra cơ bản dân tộc Cống*. Báo cáo này đã đề cập về thực trạng tình hình kinh tế xã hội và văn hóa, thực trạng chính sách, đề ra các giải pháp bảo tồn và phát triển dân tộc Cống tỉnh Lai Châu. Song cũng giống với các công trình nêu trên, báo cáo của Nguyễn Minh Duy mới chỉ đề cập một số diễn trình cơ bản trong tang ma của người Cống mà chưa chú ý đến các thành tố khác như vai trò của thầy cúng, các mối quan hệ trong gia đình, cộng đồng... và các yếu tố biến đổi trong tang ma.

Đáng chú ý nhất trong các công trình nghiên cứu về người Cống nói chung và tang ma của người Cống nói riêng phải kể đến bộ sách *Văn hoá dân gian người Cống tỉnh Điện Biên* (gồm 3 tập) của nhóm tác giả Chu Thuỳ Liên, Đặng Thị Oanh, Lại Quang Trung công bố năm 2014. Nội dung của bộ sách này đã đề cập một số vấn đề cơ bản trong truyền thống và bản sắc văn hoá dân tộc Cống trên các lĩnh vực văn hoá vật thể, tín ngưỡng dân gian, phong tục tập quán, lễ thức vòng đời và văn học nghệ thuật dân gian của người Cống ở tỉnh Điện Biên. Tuy nhiên, vấn đề tang ma và các nghi lễ được thực hành trong tang ma của người Cống mới chỉ mang tính khảo tả, nặng về cung cấp lời các bài cúng theo cách tiếp cận dưới góc độ nghiên cứu văn hóa dân gian mà chưa xây dựng đầy đủ quy trình tổ chức, chưa phân tích, đánh giá các giá trị văn hóa của

tộc người thông qua nghi lễ tang ma, đồng thời chưa chú ý đến vấn đề biến đổi của các nghi lễ.

Năm 2016, trong cuốn *Văn hóa các dân tộc vùng lòng hồ thủy điện Lai Châu* do tác giả Nguyễn Ngọc Thanh (chủ biên) đã được công bố. Trong nội dung cuốn sách này, tang ma của người Cống đã bước đầu trình bày khá đầy đủ quy trình tổ chức của một đám ma người Cống. Trong đó, các tác giả đã chú ý tính cố kết cộng đồng và sự biến đổi trong tang ma. Đây là một trong những chuyên khảo sâu, có hệ thống về tang ma của người Cống ở xã Nậm Khao, huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu mà chúng tôi có thể tham khảo, tiếp cận, sử dụng để làm rõ hơn trong nội dung của mình. Tuy nhiên, nội dung đề cập vẫn còn thiếu một số nghi lễ trong tang ma của người Cống đã và đang được thực hành, ý nghĩa của các nghi lễ, đồng thời chưa chú ý đến phân tích, đánh giá để làm nổi bật các giá trị văn hóa, vai trò của tang ma trong đời sống văn hóa tinh thần của người Cống, xu hướng biến đổi của tang ma trong tiến trình hội nhập và giao lưu văn hóa đang diễn ra mạnh mẽ như hiện nay.

Có thể nói, các công trình nghiên cứu đã được đề cập trên đây chủ yếu trình bày tang ma như một bộ phận cấu thành văn hóa tộc người và mang tính khảo tả. Vì vậy, các nghi lễ tang ma của người Cống chỉ được giới thiệu rất khái quát trong tổng thể văn hóa chung của người Cống, chưa chú ý phân tích để làm nổi bật vai trò, ý nghĩa của tang ma đối với đời sống của tộc người; chưa đề cập đến sự biến đổi và các nguyên nhân của sự biến đổi đó cũng như chưa nêu bật được các giá trị văn hóa tích cực, những hạn chế trong tang ma của người Cống; các kiến nghị và giải pháp bảo tồn văn hóa cộng đồng tộc người cũng như phát huy vai trò của văn hóa tộc người trong xây dựng nông thôn mới theo chủ trương của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

2.2. Một số nghiên cứu về tang ma của các tộc người thiểu số

Dưới góc độ nghiên cứu về tang ma và các nghi lễ trong tang ma của các tộc người thiểu số ở Việt Nam, có thể kể đến các công trình: *Tang ma của*

người Nùng Phần Lĩnh tỉnh Thái Nguyên [43], Tang lễ của người Chăm Bà La Môn trong bối cảnh phát triển nông thôn hiện nay [14], Tang ma của người Dao Quần Chẹt ở xã Quân Chu, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên [17], Tang ma của người Cao Lan ở huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang [20], Tang lễ của người Mường ở Hòa Bình [23], Tang ma của người Tày tại tỉnh Bắc Kạn [24], Tục lệ cũ và sự đổi mới trong tang lễ của người Sê Đăng (Gia lai – Kon Tum)[28], Tang ma dòng họ Giàng người Hmông Trắng, xã Sủng Trà, huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang [49]... Các công trình nghiên cứu này đã đề cập tang ma và các nghi lễ trong tang ma của các tộc người thiểu số ở Việt Nam khá đầy đủ và chi tiết. Đây là nguồn tài liệu tham khảo phong phú quý giá về tang ma và các nghi lễ trong tang ma giúp tác giả luận văn có cái nhìn bao quát về tang ma trong bối cảnh văn hóa chung tộc người để có thể nghiên cứu, bổ sung, góp phần quan trọng trong việc hoàn thành luận văn này.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

- Cung cấp nguồn tư liệu mới, toàn diện, có hệ thống về tang ma truyền thống và sự biến đổi trong tang ma của người Cống ở xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.

- Tìm hiểu những biến đổi trong tang ma của người Cống để từ đó làm rõ các giá trị văn hoá tộc người được thể hiện qua tang ma.

- Góp phần cung cấp những luận cứ khoa học để giúp cho Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương có cơ sở bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tiêu biểu, hạn chế được những nghi lễ, tập tục không còn phù hợp với xã hội hiện nay, góp phần xây dựng đời sống văn hoá mới ở địa phương hiện nay.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu:

Sưu tầm tài liệu, tư liệu thành văn, nghiên cứu trường hợp, khảo sát điền dã thực địa, tổng hợp tư liệu, hoàn thành luận văn về các vấn đề trong tang ma của người Cống ở xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu. Đề xuất các

giải pháp nhằm xây dựng nông thôn mới của người Cống nói riêng và của xã Nậm Khao nói riêng.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: luận văn tập trung nghiên cứu về các dạng thức tang ma truyền thống và những biến đổi của nó trong cộng đồng tộc người Cống ở xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.

Phạm vi nghiên cứu: Luận văn tập trung nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến tang ma của người Cống, bao gồm: các quan niệm, các nghi lễ, nghi thức, kiêng kỵ trong truyền thống (trước năm 1986) và quá trình biến đổi kể từ khi Đổi mới đất nước (từ 1986 đến nay).

Không gian nghiên cứu: Nghiên cứu chủ yếu tại các bản: Nậm Khao, Nậm Pục, Pô Lếch và Nậm Luồng thuộc xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu. Đây là những khu vực mà người Cống cư trú tập trung.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Thực hiện luận văn này, tác giả dựa trên cơ sở lý luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử để xem xét đối tượng nghiên cứu có mối quan hệ, sự vận động, biến đổi liên tục trong quá trình phát triển của lịch sử. Luận văn còn dựa trên các quan điểm của Đảng và Nhà nước trong vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của các dân tộc và xây dựng đời sống văn hóa, kinh tế, xã hội ở đồng bào các tộc người thiểu số.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp điền dã dân tộc học: Đây là phương pháp chủ đạo, nhằm khảo sát, đánh giá đối tượng nghiên cứu, thu thập tư liệu:

+ Quan sát tham dự: Việc quan sát được thực hiện trong suốt quá trình điền dã tại thực địa với các đối tượng chủ yếu là sinh hoạt văn hóa, hoạt động kinh tế, các nghi lễ trong đám ma của người Cống. Tác giả luận văn đã được tham gia vào một đám tang của người Cống vào tháng 5 năm 2016, điều này

giúp cho tác giả có cái nhìn đầy đủ và toàn diện hơn về tang ma của người Cống.

+ Phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm: Được sử dụng tùy thuộc vào nhóm đối tượng, trong đó chú trọng đến người già, thầy cúng, các gia đình đã và đang tổ chức đám tang. Đây là những người am hiểu phong tục tập quán, đang thực hành các nghi lễ của người Cống ở địa phương để tìm hiểu chi tiết. Tác giả đã tiến hành điền dã tại điểm nghiên cứu 02 chuyến, mỗi chuyến 7 ngày và đã thực hiện 21 cuộc phỏng vấn sâu, 05 cuộc thảo luận nhóm với các đối tượng nghiên cứu khác nhau. Điều này đã giúp cho tác giả đã thu thập được các tư liệu cần thiết để so sánh giữa đồng đại và lịch đại, so sánh giữa truyền thống và biến đổi... Phương pháp thảo luận nhóm được sử dụng để thu thập thông tin chung của cộng đồng và các ý kiến đánh giá dựa vào cộng đồng.

+ Chụp ảnh, khảo tả, vẽ kỹ thuật được sử dụng triệt để nhằm có được những tài liệu sinh động góp phần làm sáng tỏ các vấn đề trong tang ma của người Cống.

- Phương pháp tọa đàm, xin ý kiến chuyên gia: Tác giả đã thực hiện trao đổi trực tiếp với những chuyên gia, người nghiên cứu chuyên sâu về văn hóa và về người Cống, cán bộ tham gia quản lý văn hóa ở cơ sở để thu thập, tổng hợp các ý kiến, đánh giá cả về mặt nghiên cứu và góc độ quản lý nhà nước trong vấn đề tang ma của người Cống ở xã Nậm Khao.

- Tác giả luận án cũng đã tiến hành thu thập hệ thống hóa và xử lý các nguồn tư liệu đã có từ các sách, báo, tạp chí, kết quả nghiên cứu của các đề tài, dự án nghiên cứu ở trong nước, các báo cáo của cơ quan trung ương và địa phương có liên quan đến đề tài.

- Phương pháp tổng hợp, so sánh, phân tích cũng được tác giả sử dụng để có thể chọn lọc, đối chiếu nguồn tài liệu nhằm rút ra các nhận định, các điểm riêng và chung để có thể hoàn thành mục tiêu nghiên cứu mà đề tài đã đặt ra.

Một số vấn đề trong luận văn được so sánh cả lịch đại và đồng đại nhằm tìm ra sự biến đổi và những tác động của nó trong đời sống xã hội của người Cống.

- Bên cạnh đó, luận văn còn sử dụng phương pháp bảo tàng học trong quá trình nghiên cứu tài liệu hiện vật hiện có trong cộng đồng và tại Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

- Ý nghĩa lý luận:

Luận văn là công trình nghiên cứu tổng thể, có hệ thống, đầu tiên về các nghi lễ, các quy tắc ứng xử, vai trò của cộng đồng người Cống trong tang ma tại xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.

Luận văn bước đầu cung cấp tư liệu điền dã mới, qua đó phản ánh đầy đủ và chân thực về hệ thống nghi lễ trong tang ma, đời sống văn hóa của người Cống thông qua các quan niệm về vũ trụ, sự sống và cái chết, hệ thống tín ngưỡng và quá trình gắn bó thích nghi với môi trường tự nhiên. Đồng thời luận văn này cũng đưa ra các giá trị văn hóa tiêu biểu của tộc người được thể hiện qua tang ma truyền thống, cho thấy sự biến đổi và xu thế biến đổi của tang ma trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa hiện nay.

Luận văn bước đầu phân tích, đánh giá về tác động qua lại giữa các nghi lễ, tập quán trong tang ma của người Cống đối với chương trình xây dựng nông thôn mới, những mặt tích cực, hạn chế trong tang ma để bảo tồn, phát huy hoặc loại bỏ.

- Ý nghĩa thực tiễn:

Góp thêm nguồn tư liệu tham khảo cho các nhà nghiên cứu, hoạch định chính sách của Đảng và Nhà nước, chính quyền địa phương trong việc tìm hiểu phát triển xã hội, văn hóa, giáo dục phù hợp với cộng đồng người Cống tại địa phương.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu và kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, danh sách những người cung cấp thông tin, phụ lục, luận văn được bố cục thành 03 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và khái quát địa bàn nghiên cứu.

Chương 2: Các nghi lễ trong tang ma truyền thống.

Chương 3. Một số giá trị văn hóa tộc người và sự biến đổi trong tang ma.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KHÁI QUÁT ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

1.1. Cơ sở lý luận

1.1.1. Các khái niệm cơ bản

Tang ma: X.A.Tocarev trong cuốn *Các hình thức tôn giáo sơ khai và sự phát triển của chúng* [65, tr. 56] và Lê Sĩ Giáo trong cuốn *Dân tộc học Đại cương* [18, tr.186) sử dụng thuật ngữ “ma chay” khi đề cập đến vấn đề này. Theo đó “Ma chay được dùng để biểu thị toàn bộ các lễ nghi tôn giáo có quan hệ với người chết và những tín ngưỡng gắn liền với những nghi lễ đó”.

Hoàng Phê trong *Từ điển tiếng Việt* định nghĩa: “Tang lễ là các nghi lễ chôn người chết. Tang là sự đau buồn khi có người thân vừa chết, lễ là lễ chôn cất người chết (an táng, mai táng), là dấu hiệu (áo, mũ, khăn,...) để tỏ lòng tiếc thương người chết” [49, tr. 874].

Phan Kế Bính cho rằng: Xét về mặt hình thức, tang ma hay tang lễ, ma chay là một hoạt động nghi lễ, tín ngưỡng, nhưng xét về mặt nội dung thì nó là của người sống trao gửi cho người chết [4. tr.174]

Phan Xuân Biên trong *Văn hoá và xã hội người Raglai ở Việt Nam* đã nhận định: “*Tang ma* là hình thức phổ biến rộng rãi ở hầu hết các dân tộc, các nghi lễ và tín ngưỡng liên quan tới người chết hoặc ít hoặc nhiều chiếm vị trí quan trọng trong tất cả các tôn giáo, từ những hình thái nguyên thủy đến những tôn giáo phức tạp nhất”. [3, tr.227].

Đào Duy Anh trong cuốn: *Việt Nam văn hoá sử cương* cho rằng: Tang lễ là lễ đặt ra để tỏ lòng thương xót và kính thờ người chết [1, tr. 193]

Nguyễn Thị Song Hà trong cuốn *Nghi lễ chu kỳ đời người của người Mường ở Hòa Bình* cho rằng: “Tang ma là thuật ngữ dùng để chỉ cách thức và nghi lễ liên quan đến người chết và những tín ngưỡng gắn liền với nghi lễ đó mà trọng tâm là làm thế nào để đưa linh hồn người chết về “an cư” ở thế giới bên kia” [20, tr. 36].

Nguyễn Thị Ngân trong Luận văn Tiến sĩ: *Tang ma của người Nùng Phần Slinh tỉnh Thái Nguyên* cho rằng: ‘*Tang ma* là phức hợp các lễ nghi tôn giáo, tín ngưỡng gắn liền với người chết và các quy tắc ứng xử của người sống dành cho người chết. *Nghi lễ tang ma* là hệ thống các nghi lễ trong tiến trình tổ chức một đám tang’ [43, tr. 28].

Một số học giả nước ngoài như H.R.River đã tiếp cận tang ma trong mối quan hệ giữa người sống - người chết- linh hồn người chết thông qua hệ thống các nghi lễ. Theo River, linh hồn của người chết và cơ thể của người chết có thể liên quan mang tính ẩn dụ và đó là chìa khóa để hiểu thể thức của các nghi lễ trong tang ma [20, tr. 36,37].

Hay như khi nghiên cứu về tang ma, Durkheim cho rằng các nghi lễ và sự thờ cúng trong tang ma không chỉ đơn thuần là sự thể hiện sự tiếc thương và chuộc tội của người sống đối với người chết, để bình an tinh thần cho người chết mà còn có nguyên nhân xã hội, không chỉ trong phạm vi gia đình mà là cả toàn xã hội. Chẳng hạn tang ma của hầu hết các nền văn hóa không chỉ những người thân trong gia đình mà cả những người trong cộng đồng thậm chí mới quen biết cũng khóc lóc, buồn thảm... Đó là những hành vi chính thức, do phong tục đòi hỏi tất cả các thành viên trong cộng đồng, nhất là họ hàng, gia đình. Bởi khi có người chết, không chỉ gia đình bị suy yếu mà toàn bộ cộng đồng bị mất đi một thành viên, tức là một phần sức mạnh. Vào thời điểm đó, cộng đồng cần thông qua sự thờ cúng (nghi lễ tang ma) để tập hợp lại, để hồi sinh và để khẳng định bản thân [27, tr.15]

Như vậy, tùy theo cách tiếp cận mà nội hàm của tang ma được lý giải, đề cập ở các góc độ khác nhau. Trong luận văn này, chúng tôi tiếp cận khái niệm “Tang ma” với nội hàm rộng: bao gồm tất cả các quan niệm, nghi lễ và ứng xử của người sống với người chết, giữa người sống với người sống, giữa cá nhân với cộng đồng, giữa cộng đồng với từng cá nhân trong nó.

Nghi lễ: Theo Từ điển Tiếng Việt “Nghi lễ là nghi thức và trình tự tiến hành một cuộc lễ” [49, tr.866]. Từ điển Nhân học: “Nghi lễ là những hành động nghi thức diễn ra trong bối cảnh thờ cúng tôn giáo - ví dụ một đại lễ Thiên chúa giáo hay một buổi hiến tế tổ tiên. Thông thường, các nhà nhân học sử dụng “nghi lễ” để nói về bất kỳ một hành động nào có nhiều nghi thức và với mục đích bình quân chủ nghĩa. Theo nghĩa rộng nhất, nghi lễ liên quan không chỉ đến một loại sự kiện cụ thể đặc biệt nào mà cả với khía cạnh thể hiện của toàn bộ hoạt động của con người. Trong chừng mực nó chuyển tải các thông điệp địa vị văn hóa và xã hội của các cá nhân, bất kỳ hành động nào của con người cũng có khía cạnh nghi lễ” [66, tr.23,24].

Victor Turner coi *nghi lễ* là hành vi được quy định có tính chất nghi thức dành cho những dịp, không liên quan đến các công việc có tính chất kỹ thuật hằng ngày, mà có quan hệ với các niềm tin vào đáng tối cao hay các sức mạnh thần bí. Những cuộc diễn trình nghi lễ như là những giai đoạn riêng biệt của quá trình xã hội mà qua đó các nhóm người điều chỉnh để phù hợp với những thay đổi bên trong và thích ứng với môi trường bên ngoài [27, tr.242-243]

Trong luận văn này, chúng tôi đồng tình với cách tiếp cận nghi lễ của Nguyễn Công Hoan [25]: Nghi lễ có 4 yếu tố, trước hết, nghi lễ là một hoạt động xã hội lặp đi lặp lại gồm một loạt các động tác có tính chất biểu tượng dưới dạng múa, ca, lời nói, điệu bộ, thao tác trên một số các đồ vật... Thứ hai, nghi lễ tách riêng khỏi các hoạt động thường ngày trong xã hội; thứ ba, nghi lễ theo đúng một mô hình nhất định do văn hóa đặt ra, điều này có nghĩa là các thành viên trong một nền văn hóa nào đó có thể nhận ra nghi lễ qua một loạt các hoạt động, mặc dù có thể chưa thấy nghi lễ đó bao giờ; Cuối cùng, hoạt động nghi lễ liên quan chặt chẽ đến một số tư tưởng thường xuất hiện trong huyền thoại”

Văn hóa tộc người: Là tổng thể các yếu tố văn hóa mang tính đặc trưng và đặc thù tộc người, nó thực hiện chức năng cố kết tộc người và phân biệt tộc

người này với tộc người khác. Các yếu tố văn hoá tộc người là ngôn ngữ mẹ đẻ, trang phục, các tín ngưỡng và nghi lễ, là vốn dân gian truyền miệng, tri thức dân gian về tự nhiên, xã hội, về bản thân con người, tâm lý dân tộc... Mỗi tộc người có nguồn gốc lịch sử, ngôn ngữ, hoạt động sinh kế, lối sống, nghi lễ, tôn giáo tín ngưỡng riêng, tạo thành đặc trưng của mỗi tộc người và để phân biệt tộc người này với tộc người khác [60, tr. 229- 230].

Bản sắc văn hóa tộc người: là những biểu hiện cụ thể ở lối làm ăn, nếp sống, thể ứng xử thông qua các quan hệ và hoạt động xã hội tâm lý và ngôn ngữ.. trong một hoàn cảnh tự nhiên và “không gian xã hội” cụ thể [54, tr 6]

Kiêng kỵ: Theo từ điển tiếng Việt, kiêng kỵ là nể sợ, giữ gìn [49, 522], là sự cấm đoán được chấp nhận mang tính lễ nghi để ngăn chặn việc tiếp xúc với một đồ vật, một người hay một hoạt động. Thuật ngữ này có nguồn gốc từ Polinesia, nơi những cấm kỵ đóng vai trò quan trọng về mặt văn hóa. Những cấm kỵ thông thường gồm những điều ngăn cấm, một số thức ăn nhất định, chạm vào người vua hoặc những người bị xã hội ruồng bỏ, đụng vào xác chết hoặc quan hệ tình dục với một số người nhất định [20, tr.25]

Truyền thống: Là thói quen được hình thành từ lâu trong lối sống và nếp nghĩ của con người, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác [49, tr.1055]

Biến đổi: Biến đổi là sự thay đổi khác trước [49, tr. 536]. Biến đổi trong tang ma là những thay đổi về quan niệm, nhận thức của cộng đồng, thay đổi về ý nghĩa, quá trình thực hiện của các nghi lễ so với truyền thống. Việc biến đổi trong tang ma thường chịu ảnh hưởng của sự biến đổi xã hội.

1.2.2. Cơ sở lý thuyết

- *Thuyết chức năng – cấu trúc:* Theo A.Radcliffe Brown, khi tìm hiểu các nền văn hóa khác nhau, cần phải nghiên cứu văn hóa của họ từ bên trong, có ý thức đối với giá trị của các nền văn hóa khác. Chính vì vậy, thuyết chức năng có ý nghĩa với nhân học ở chỗ, bất cứ văn hóa nào cũng được các nhà khoa học nghiên cứu dưới cái nhìn hiện thực các chức năng khác nhau. Thuyết

chức năng cấu trúc đòi hỏi khi nghiên cứu văn hóa của tộc người, nhất là nghi lễ đòi người cần phải thấy được những giá trị văn hóa bên trong, những ý nghĩa sâu xa mà tộc người đó muốn thể hiện thông qua việc thực hành nghi lễ. Chẳng hạn, qua nghi lễ tang ma, có thể thấy được thế giới quan, nhân sinh quan, tình cảm, đẳng cấp xã hội... [20, tr.42]

Thuyết chức năng cấu trúc được sử dụng trong luận văn nhằm tìm hiểu các đặc trưng văn hóa được thể hiện qua tang ma. Tang ma của người Cống được tổ chức theo một quy trình tương đối chặt chẽ, khá riêng biệt so với với tang ma của các tộc người khác. Các nghi lễ, trò chơi trong tang ma của người Cống đều nhằm thể hiện những mục đích và ý nghĩa riêng cả ở góc độ cá nhân và cộng đồng.

Thuyết chức năng: Theo Malinowski, văn hóa là tổng thể những đáp ứng đối với nhu cầu cơ bản của con người và nhu cầu sản xuất. Lý thuyết chức năng là lý thuyết của sự chuyển tải các nhu cầu của cơ thể - tức là mang tính cá thể - thành những nhu cầu có nguồn gốc văn hóa. Nhờ việc sử dụng mang tính tập thể của bộ máy huấn luyện, xã hội uốn nắn cá thể thành các nhân cách văn hóa. Với các nhu cầu sinh lý và các quá trình tâm lý của anh ta, cá thể là nguồn gốc chính và là mục đích cuối cùng của mọi truyền thống, hoạt động và hành vi có tổ chức [52, tr.284]

Ngoài ra, thuyết chức năng nhìn nhận chức năng cơ bản của văn hóa là để thỏa mãn các nhu cầu cá nhân cả về vật chất (kể sinh nhai, nhà ở, quần áo...) lẫn tâm lý (phép thuật, tôn giáo, truyền thuyết, nghi lễ...). Chính vì thế, nếu triệt tiêu một yếu tố nào đó trong văn hóa thì toàn bộ hệ thống văn hóa tộc người sẽ bị suy thoái và hủy hoại. Điểm hạn chế trong thuyết chức năng là không nghiên cứu nguồn gốc, không giải thích được sự biến đổi văn hóa và lịch sử cụ thể của từng tộc người, chỉ xem tập tục đó còn được giữ lại và thể hiện thế nào, chức năng, tác dụng của nó ra sao mà không cần biết trước đây nó đã hình thành như thế nào [20, tr.41-42]

Trong luận văn này, lý thuyết chức năng sẽ được chúng tôi vận dụng để xem xét văn hóa tộc người Cống thông qua các nghi lễ tang ma và mối quan hệ tác động qua lại giữa con người – môi trường tự nhiên – xã hội (cả ở góc độ truyền thống và biến đổi) đối với cá nhân và cộng đồng người Cống ở xã Nậm Khao. Tang ma đã điều chỉnh con người như thế nào và ngược lại, con người đã làm thay đổi diện mạo của nghi lễ tang ma ra sao; để từ đó hiểu hơn về nhu cầu tâm lý, tình cảm và sự gắn kết giữa con người với con người, con người với thiên nhiên, con người với thế giới thần linh.

Lý thuyết về giao lưu tiếp biến văn hóa: Tiếp biến văn hóa là quá trình thay đổi văn hóa diễn ra do sự tiếp xúc của hai hệ thống văn hóa độc lập nhau, sự tiếp xúc đó làm tăng đặc tính của nền văn hóa này trong nền văn hóa kia. Khi các nền văn hóa tiếp xúc với nhau, nền văn hóa trao tặng không thể đưa ra được đầy đủ các yếu tố văn hóa của mình và hệ thống giá trị riêng của nền văn hóa tiếp nhận có thể đóng vai trò che chắn hoặc thay đổi những yếu tố nào đó. Tiếp biến văn hóa có thể có cấu trúc xã hội chặt chẽ làm xoay chuyển dòng chảy các yếu tố văn hóa giống như trong trường hợp đất đai xâm chiếm được hoặc các tình huống bất ổn chính trị - xã hội khác. Tiếp biến văn hóa gồm nhiều quá trình khác nhau như truyền bá, thích nghi, phản ứng lại, gồm nhiều kiểu tái tổ chức văn hóa xã hội sau quá trình tiếp xúc. Phạm vi điều chỉnh trong đó có giữ lại đặc điểm văn hóa chủ đạo [52, tr 12].

Lý thuyết về sự giao lưu, tiếp biến văn hóa cho thấy, biến đổi và xu thế tất yếu của văn hóa tộc người. Trong quá trình phát triển, toàn cầu hóa và hội nhập hóa, tuy chưa sâu sắc như ở một số tộc người khác song quá trình giao lưu và tiếp biến văn hóa đã, đang và sẽ tiếp tục trong cộng đồng dân tộc Cống. Mặt khác, trong quá trình nghiên cứu thực hiện luận văn, chúng tôi luôn xem xét tang ma và các nghi lễ trong tang ma của người Cống trong trạng thái động và dự kiến xu hướng.

1.2. Khái quát địa điểm nghiên cứu

1.2.1 Điều kiện tự nhiên:

Vị trí địa lý: Huyện Mường Tè là huyện vùng cao biên giới của tỉnh Lai Châu, có đường biên giới dài 143,5km với nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, giáp với các huyện Phong Thổ, Sìn Hồ (tỉnh Lai Châu), Mường Lay, Mường Nhé (tỉnh Điện Biên). Huyện Mường Tè nằm cách thành phố Lai Châu gần 200km với hệ thống tỉnh lộ 127, 12 và 4D [Nguồn: Phòng Văn hóa huyện Mường Tè cung cấp, 2015]

Huyện Mường Tè nằm trong tọa độ địa lý từ 19⁰54' đến 22⁰47' vĩ Bắc và từ 102⁰09' đến 103⁰06' kinh độ Đông. Theo số liệu thống kê của phòng văn hóa huyện Mường Tè năm 2015 thì huyện có diện tích 2.679,34 km²; Dân số 39,92 nghìn người; gồm 12 dân tộc: dân tộc Kinh 5,73%; dân tộc Thái 35,86%; dân tộc Mông 22,59%; dân tộc Dao 2,45%; dân tộc La Hủ 25,40%; Hà Nhì 22,32%; dân tộc Mảng 4,42%; dân tộc Cống 3,14%; dân tộc Khơ Mú 2,30%; dân tộc Giáy 2,35%; dân tộc Si La 1,36%; dân tộc Hoa 0,30%.

Địa hình: Do chịu ảnh hưởng lớn của hoạt động kiến tạo nên địa hình huyện Mường Tè khá phức tạp, mức độ chia cắt sâu và ngang mạnh mẽ bởi các dãy núi cao và chạy dài theo hướng Tây Bắc – Đông Nam, trong đó phổ biến địa hình núi cao và trung bình. Độ cao trung bình 900 – 1500m so với mặt nước biển, cao nhất là đỉnh Pu Si Lung (3.076m), thấp nhất là 200m. Độ dốc trung bình 25° – 30° có nơi trên 45° [Nguồn: Phòng Văn hóa huyện Mường Tè cung cấp, 2015]

Khí hậu: Mường Tè mang đặc điểm của vùng nhiệt đới núi cao Tây Bắc, ít chịu ảnh hưởng của bão, thời tiết quanh năm chia thành 2 mùa rõ rệt: mùa đông lạnh, mưa ít và mùa hạ nóng ẩm, mưa nhiều. Hàng năm mùa mưa bắt đầu từ tháng 4 và kết thúc vào tháng 10 trùng với kỳ thịnh hành của gió Tây Nam: vùng cao lượng mưa lên tới 3000mm/năm, vùng núi trung bình có biên độ từ 2000 – 2500mm. Vùng núi thấp và thung lũng từ 1500 – 1800mm. Mùa khô

bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau, lượng mưa ít (316,4mm), trong thời gian này thường có sương mù và suất hiện sương muối vào một số ngày trong tháng 1 và tháng 2. Lượng mưa trung bình năm là 2.531mm, tháng 7 chiếm 87,5% lượng mưa cả năm. Vùng núi cao nhiệt độ trung bình 15 độ C. Núi trung bình nhiệt độ bình quân đạt 20°C, vùng thấp 23°C. Nhiệt độ bình quân hàng năm là 22,4°C. Từ tháng 3 – tháng 7 thường có gió mùa Tây Nam, gió mùa Đông Nam thổi mạnh từ tháng 4 – tháng 10, gió mùa Đông Bắc xuất hiện từ tháng 11 – tháng [Nguồn: Phòng Văn hóa huyện Mường Tè cung cấp, 2015].

Thủy văn: Huyện Mường Tè có 1 con sông chính là sông Đà và 4 suối lớn: Nậm Na, Nậm Cúm, Nậm Sì Lường và Suối Nhé. Vào mùa khô, sông suối thường cạn kiệt, mùa mưa có lũ lụt gây xói mòn mạnh, khả năng sử dụng nước vào sản xuất bị hạn chế, giao thông đi lại khó khăn.

1.2.2 Một số đặc điểm dân số, dân cư

Xã Nậm Khao cách trung tâm huyện Mường Tè 23km về phía Bắc, phía Bắc giáp xã Pa Ủ, phía Đông giáp xã Bum Tở, phía Nam giáp xã Tà Tổng và xã Can Hồ, phía Tây giáp xã Mù Cả. Xã có diện tích 108,9 km², mật độ dân số đạt 7 người/km².

Theo số liệu năm 2015, xã Nậm Khao có 351 hộ với 1.516 nhân khẩu, cư trú tại 6 bản của xã, mật độ dân số đạt 14 người/km². Người Công tại Nậm Khao cư trú tại 4 bản: Nậm Khao, Pô Lếch, Nậm Luồng, Nậm Pục với số dân là 931 người (chiếm 61,4%). Người La Hủ cư trú tại 2 bản là Nậm Phìn và Huổi Tát với số dân là 570 người (chiếm 37,6%). Một số ít còn lại là người Thái và người Mông (đa phần theo hình thức cưới xin chuyển về đây sinh sống).

Tại khu vực Điện Biên, đến cuối tháng 12 năm 2009 và đầu năm 2010 dân tộc Công ở tỉnh Điện Biên cư trú tại xã Nậm Kè và xã Pa Tần thuộc huyện Mường Nhé, xã Pa Thơm thuộc huyện Điện Biên. Theo số liệu thống kê thực tế cả 4 bản có 184 hộ, 923 nhân khẩu [38, tr.25]

1.2.3. Vài nét về lịch sử tộc người.

Theo kết quả điền dã tại các bản tại xã Nậm Khao, người Cống ở tự gọi mình là “Xẩm Khổng”, tên gọi này khá thống nhất ở các bản được khảo sát. Ví dụ nói: “*Tôi là người Cống ở bản Nậm Khao*”, người Cống sẽ nói là “*Nga ở Xẩm Khổng, Nậm Khao na chang ê*”. Với người đồng tộc, họ sử dụng từ “*phia* - có nghĩa là đồng tộc Cống”. Ví dụ “*Nga ở phia chang à, Pô Léch na chang ê*”.

Về nguồn gốc của tộc người, trong cuốn *Nguồn gốc lịch sử tộc người vùng biên giới phía bắc Việt Nam*, các tác giả đã đưa ra nhận định: “Tộc Cống bên kia bên giới Trung Quốc được xếp vào tộc người Hà Nhì mang tên gọi là “Bạch Kông” có thể là một tộc người sớm từ bên kia biên giới thiên di vào Tây Bắc nước ta, phân bố ở một số vùng thuộc Phong Thổ, Bình Lư thuộc Lai Châu. Họ có thể từ vùng Màng Là - vùng đất thuộc tỉnh Vân Nam giáp liền với Phong Thổ Lai Châu thiên di tới, vì thế người Cống còn mang tên gọi là người Màng có liên quan đến tộc danh Mường Là. Từ thung lũng Phong Thổ, Bình Lư về sau, một bộ phận ra vùng sông Hồng và ngược trở lên trở lại Vân Nam, một bộ phận di chuyển lên phía Bắc sông Đà, trở thành nhóm Cống ở Mường Tè, một số lại sang Lào (người Lào gọi họ là người Pa Nội). Về sau một bộ phận lại trở lại Điện Biên trở thành nhóm Cống Màng Nhì ở Điện Biên ngày nay” [31, tr.188-189].

Theo một số nghiên cứu trước đây, một số người Cống được gọi là *Cống Lô Ma*. Đó là những người xưa kia cư trú ở bản Tá Lô Ma bên Trung Quốc. Con cháu của họ ngày nay đã hòa vào người Cống ở bản Nậm Khao [72, tr.330]. Tác giả Phạm Huy đưa ra nhận định “Người Cống – (Cống) có nguồn gốc di cư trực tiếp từ Lào sang” [28, tr.14]. Nhận định này được tác giả Nguyễn Minh Duy nhắc lại trong Báo cáo kết quả Dự án Điều tra cơ bản Dân tộc Cống [17, tr.10]. Qua phỏng vấn sâu các thầy cúng và những người cao tuổi của người Cống đang sinh sống tại các bản xã Nậm Khao thì họ khẳng định mình là

tộc người tại chỗ, cư trú ở khu vực Nậm Khao và Pô Lếch từ rất lâu đời. Tuy nhiên, tên các địa danh như Nậm Khao, Pô Lếch, Nậm Pục, Nậm Luồng mà người Cống đang sinh sống lại gắn liền với tên tiếng Thái nhiều hơn. Việc tìm hiểu địa danh qua quá trình đưa hồn người chết về tầng trời cũng không thực sự rõ ràng khiến cho việc xác định nguồn gốc của tộc người Cống ngoài các cứ liệu từ các nghiên cứu kể trên thì tại thực địa chưa đem lại kết quả.

1.2.4. Một số đặc điểm về kinh tế - văn hóa - xã hội

1.2.4.1. Đặc điểm về kinh tế:

Do đặc điểm cư trú của người Cống sinh sống dọc các con suối và ven sông Đà với địa hình chủ yếu là núi, đồi dốc nên khá thuận tiện cho người Cống phát triển làm nương rẫy, chăn thả gia súc và trồng rừng. Trước đây, người Cống ở Nậm Khao làm nương (*lǎng ti*) là chủ yếu với cây ngô nếp và lúa tẻ, lúa nếp. Phương thức canh tác trên nương chủ yếu phát, đốt, chọc lỗ tra hạt.

Ruộng (*nà*) của người Cống xuất hiện khá muộn so với các tộc người khác với loại hình ruộng bậc thang chờ mưa. Đồng bào chủ yếu trồng các loại lúa truyền thống như nếp đỏ, nếp trắng, tẻ đỏ... Gần đây, một số loại lúa tẻ lai mới được người dân ưa dùng, năng suất trung bình đạt 47 tạ/ha như giống lúa Nghi hương, Nam dương.... Ngô (*sa*) được trồng trên nương và xen canh với ruộng bậc thang với các giống ngô nếp (*sa tu mù*), năng suất đạt 26 tạ/ha. Ngoài cây trồng chính là lúa và ngô, người Cống còn trồng một số loại rau, đậu tương, sắn và khoai các loại. Trong khoảng vài năm trở lại đây, việc trồng cây cao su phát triển tương đối mạnh tại đồng bào Cống. Thống kê năm 2015 cho thấy, diện tích trồng mới cây cao su năm 2015 trên địa bàn xã đạt 234 ha (chiếm 0.2% diện tích tự nhiên toàn xã).

Chăn nuôi là hoạt động kinh tế phụ của người Cống. Do diện tích đất ruộng ít nên người Cống chăn nuôi gia súc để phục vụ việc cung cấp thực phẩm và bán ra ngoài thị trường. Việc chăn thả gia súc lớn thường thả rông, không có chuồng. Gần đây, số lượng đàn trâu, bò tăng mạnh, dần hình thành

hình thức chăn nuôi để bán. Chăn nuôi gia cầm chủ yếu mang tính tự cung tự cấp nhằm cung cấp thực phẩm hằng ngày và sử dụng trong các dịp lễ hội, đám ma, cưới xin...

Nghề thủ công của người Cống mang nặng tính tự cung tự cấp, trong đó đan lát và làm mộc khá phát triển. Với nguồn nguyên liệu sẵn có trong rừng như tre, mây... đồng bào đan lát được các loại chiếu, gùi, giỏ, mâm, các loại đồ dụng... để sử dụng trong cuộc sống hằng ngày, một số ít được trao đổi theo phương thức đổi hàng. Làm mộc tuy không phát triển thành nghề song hầu như nam giới người Cống ai cũng biết để có thể phục vụ cho cuộc sống hằng ngày như giúp nhau làm nhà, sửa nhà, chế tác cối giã gạo, chõ nấu rượu, chõ đồ xôi. Trước đây, người Cống khá thạo trong việc chế tác mảng, thuyền độc mộc và thuyền gổ để đi lại trên sông Đà, song hiện nay chỉ còn lại rất ít người lớn tuổi biết cách lấy gổ và chế tác các loại thuyền này. Sống tại gần sông suối, một số nam giới Cống thành thạo trong việc đan chài, lưới để sử dụng để đánh bắt cá hằng ngày.

Do môi trường cư trú gần rừng nên hoạt động “chiếm đoạt” tự nhiên của người Cống khá nổi bật, đồng bào thu hoạch các loại rau, củ ở trong rừng làm nguồn lương thực, thực phẩm bổ sung và là nguồn dược liệu để chữa bệnh. Các sản vật có từ rừng rất đa dạng như: các loại măng, củ mài, củ chuối, khoai môn, các loại nấm, mật ong... Bên cạnh đó, hoạt động săn bắn trong rừng và đánh bắt cá dọc sông Đà cũng là hoạt động kinh tế điển hình của người Cống.

1.2.4.2. Đặc điểm xã hội

Người Cống tại xã Nậm Khao sinh sống mật tập tại 4 bản: Nậm Khao, Pô Lếch, Nậm Luông, Nậm Pục với số dân là 931 người (chiếm 61,4% dân số toàn xã), trung bình mỗi bản có từ 35 đến gần 80 hộ. Theo báo cáo của UBND xã Nậm Khao năm 2015 thì bản Nậm Khao có 79 hộ với 359 nhân khẩu, bản Pô Lếch có 41 hộ với 172 nhân khẩu, bản Nậm Luông có 62 hộ với 220 nhân khẩu, bản Nậm Pục có 35 hộ với 180 nhân khẩu. Trước năm 1990,

đường xá đi lại giữa các bản rất khó khăn, quá trình giao lưu, trao đổi hàng hóa, nhu yếu phẩm chủ yếu là đi bộ và đi thuyền, mường dọc sông Đà.

Trong xã hội truyền thống, có sự phân chia người nghèo và người giàu. Người nghèo (*chang xà*) theo quan niệm của đồng bào là những người trong nhà cái gì cũng thiếu, không có tiền, bạc, không có trâu, lợn, thường phải đi làm thuê cho người khác. Người giàu (*xúc cà*) là người có của ăn của để, biết kiếm tiền, cái gì cũng có, cái gì cũng đầy đủ, có nhiều trâu, không phải đi làm thuê... Sự phân biệt này hiện nay còn tàn dư biểu hiện ở một số vấn đề liên quan đến cách giết thịt con vật và chế biến lễ vật trước khi cúng của người Cống.

Trước đây, trong một bản luôn có chủ bản (*Xu cà*) để quản lý, điều hành các hoạt động của bản. Các vấn đề nảy sinh trong cộng đồng đều được chủ bản giải quyết bằng luật lệ truyền thống. Hiện nay, vai trò của chủ bản khá mờ nhạt, song hành với vai trò và ảnh hưởng lớn hơn của các trưởng bản.

Dòng họ (*sín*) của người Cống gồm những họ chính như họ Chang, họ Cháo, họ Khoàng, họ Lý, họ Sếng.... Mỗi một dòng họ có một người là trưởng họ (*kim sung khừ mung*) là nam giới và có tính chất cha truyền con nối. Hiện nay, chức danh trưởng họ vẫn còn song vai trò khá mờ nhạt trong các hoạt động của dòng họ và cộng đồng.

Gia đình của người Cống là gia đình nhỏ phụ quyền với việc đề cao vai trò làm chủ của người đàn ông trong gia đình, con cái sinh ra được mang theo họ bố. Chủ nhà là người có toàn quyền quyết định các vấn đề lớn trong gia đình như tổ chức cúng, làm nhà... cùng tham gia các nghi lễ, quyết định của cộng đồng. Trong phân công lao động, nam giới gánh vác các công việc nặng nhọc như khai hoang, phát quang, chọc lỗ, cày bừa trên nương, mang, vác...; nữ giới tham gia các công việc gia đình và cùng thực hiện công việc tra hạt, thu hoạch, chăm sóc con cái... Hiện nay, người Cống vẫn duy trì hình thức đôi công trong các hoạt động canh tác nông nghiệp và các hoạt động khác.

Trong gia đình và cộng đồng, người Cống kính trọng người già và yêu mến trẻ nhỏ, có những vật dụng ngon, đồ dùng tốt đều ưu tiên cho người già và trẻ nhỏ sử dụng trước.

Trong xã hội truyền thống, việc hút thuốc phiện khá phổ biến, đặc biệt trong đám cưới và đám ma song tuyệt nhiên không trở thành các vấn đề tệ nạn trong cộng đồng. Khoảng gần 10 năm trở lại đây, được sự vận động của chính quyền địa phương, người Cống đã nhận thức rõ tác hại, việc hút, sử dụng thuốc phiện đối với cá nhân, gia đình và xã hội nên hiện tượng này đã được chấm dứt ở cộng đồng.

Hiện nay, các bản của người Cống đều được tái định cư và quy hoạch lại nên các hộ gia đình được quy hoạch trải dài theo các trục đường chính. Năm 2015, xã Nậm Khao đạt 12/19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới (các tiêu chí chưa đạt là điện, trường học, thu nhập, hộ nghèo, y tế, văn hóa, môi trường) [66].

1.2.4.3. Đặc điểm về văn hóa

* Văn hóa vật chất:

Trong truyền thống, người Cống ở nhà sàn, kiểu nhà ba gian hai chái với cầu thang lên xuống phía đầu hồi. Vách nhà được làm bằng nứa đan, sàn được lát bằng ống tre, bương đập dập. Mặt bằng sinh hoạt trong ngôi nhà sàn được chia làm 2 phần: Phần phía trên được làm cao hơn là nơi ngủ, nghỉ của gia đình. Ở khu vực này, phía bên trái thường là buồng ngủ của chủ nhà, bên trong là bàn thờ tổ tiên (*phụ lục ảnh số 3*); ở giữa là nơi ngủ của khách với một cửa sổ ở phía đối diện cửa chính, người Cống gọi cửa sổ đối diện với cửa chính là cửa ma nơi ra vào của ma tổ tiên. Hằng ngày, nếu “không có công có việc” thì cửa này luôn đóng. Trong quá trình thực hiện đám ma, cửa sổ này mở để ma có thể “ra vào” nhà; phía bên ngoài là nơi ngủ con cái trong gia đình. Phía bên dưới là khu vực sinh hoạt chung, có thể để các vật dụng dùng trong gia đình. Khu vực bếp được làm ngoài nhà sàn gồm có: Gian bếp, khu vực tắm và vệ sinh, chuồng nuôi gia cầm. Nguyên liệu để làm nhà được lấy sẵn có từ rừng như gỗ, tre, nứa. Ngoài ra còn có sàn phơi để đựng nước và phơi quần áo.

Người Cống sử dụng nước lã (theo các đường ống bằng tre dẫn từ trên núi xuống) để dùng trong sinh hoạt hằng ngày.

Trang phục truyền thống của người Cống khá đa dạng với trang phục nữ giới gồm khăn, áo, tạp dề, váy, vòng cổ, xà tích; trang phục nam giới gồm khăn, áo, quần; y phục trong tang ma gồm có: khăn trắng, áo trắng, quần (đôi với nam), váy (đôi với nữ), y phục của thầy cúng (khăn, áo, quần).

Trong ẩm thực truyền thống, người Cống sử dụng ngô là lương thực chính kết hợp với các loại nếp nương. Tuy nhiên gần 20 năm trở lại đây, người Cống sử dụng nguồn gạo tẻ trong hoạt động sinh hoạt gia đình thường ngày nhiều hơn. Thực phẩm gồm có các loại thịt, cá lấy từ rừng, suối, trên sông Đà và tự nuôi; rau, củ, quả có được thông qua hái lượm và trồng trên nương. Cách thức chế biến chủ yếu là đồ bằng ống bương, chõ gỗ (với ngô, gạo nếp, một số loại rau), nấu cơm lam; luộc, xào với các loại thực phẩm còn lại. Ngoài ra, đồng bào còn sử dụng hình thức phơi khô, để gác bếp đối với các loại thịt thú rừng, cá đánh bắt được. Người Cống thích uống các loại nước đun từ cây, lá rừng, bởi theo họ, uống các loại cây này sẽ tốt cho sức khỏe. Rượu gồm có rượu sắn và rượu gạo tự nấu dùng trong đón tiếp khách và thực hiện các nghi lễ trong cộng đồng và gia đình. Qua khảo sát ở bản Pô Lếch, người Cống trước đây còn có tục ăn đá như một hình thức ăn chơi và cung cấp khoáng chất cần thiết.

Hệ thống công cụ lao động sản xuất chính của người Cống có dao phát, dao quắm (sử dụng khi đi rừng, phát cỏ, làm rẫy...), cuốc bươm (chủ yếu sử dụng trên nương), cày, bừa (trên nương và ruộng bậc thang), gậy chọc lỗ (chỉ sử dụng trên nương), nạo cỏ...

Phương tiện vận chuyển lương thực thực phẩm của người Cống chủ yếu bằng gùi. Việc đi lại trên bộ chủ yếu bằng đôi chân, trên sông Đà là các loại thuyền độc mộc, thuyền ghép ván và mảng. Những năm gần đây, trong các phương tiện vận chuyển và đi lại, người Cống sử dụng xe máy, ô tô khá phổ biến.

Có thể nói, văn hóa vật chất của người Cống phản ánh rõ diện mạo kinh tế tộc người với việc tự cấp, tự túc là chính. Sống gần rừng, gần sông suối,

người Công lệ thuộc khá nhiều vào tự nhiên, dựa vào tự nhiên và trao đổi hàng hóa để đảm bảo cuộc sống.

* *Văn hóa tinh thần:*

Người Công thuộc nhóm ngôn ngữ Tạng - Miến nên họ có thể nghe và nói được tiếng các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Tạng Miến như Hà Nhì, La Hủ, Si La. Ngoài ra, người Công còn có thể nghe và nói được tiếng Thái, tiếng H'Mông và tiếng Mảng. Hiện nay, đồng bào vẫn sử dụng tiếng Công trong giao tiếp và sinh hoạt hằng ngày. Tiếng phổ thông được sử dụng nhiều ở thế hệ trẻ tuổi do quá trình đi học ở các cấp.

Tri thức dân gian của người Công ở đây khá phong phú với việc sử dụng các loại cây thuốc trong rừng để chữa bệnh và bồi dưỡng cơ thể. Trong việc đoán định thời tiết, người Công cũng đã tích lũy và đúc kết được nhiều kinh nghiệm trong việc dự báo thời tiết: chuyển mùa, nắng, bão, lũ trên sông/suối.... thông qua hình thái ở trời, các dấu hiệu nhận biết từ các con vật, cây cối trong rừng. Sống định cư và gắn với môi trường rừng, sông, suối, người Công đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm về lựa chọn đất (làm nhà, làm nương...), cách thức canh tác trên đồi, núi dốc cũng như các luật lệ bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước, đất đai.

Trong tín ngưỡng, người Công tin vào các loại ma (*nẻ già*) với ma tổ tiên (*xíp ne*) phù hộ cho gia đình nếu được cúng đầy đủ; ma ngoài rừng, sông, suối thường tìm cách gây hại cho người và súc vật. Người Công cũng tin vào các vị thần (*lang ê*) như thần núi, thần sông, thần suối. Đối với các vị thần, ma, người Công rất tôn trọng, có phần nể sợ. Nếu không có “có công có việc” thì tuyệt đối không được mời về hay tổ chức các nghi lễ liên quan.

Thờ cúng trong gia đình luôn được người Công coi trọng. Khu vực để bàn thờ tổ tiên (*xíp ne*) được coi là khu vực linh thiêng, cấm người lạ vào, thậm chí cấm người nhà khấn, động chạm vào nếu không phải làm các nghi lễ liên quan. Bàn thờ tổ tiên của người Công khá đơn giản với hai thanh tre kẹp ở giữa là các gói lá dong (bên trong có cơm và thịt) và ít lông gà. Số gói lá dong được

tích lũy dần dần theo các lần cúng của chủ nhà. Khi thờ cúng, lễ vật sẽ được để trang trọng trên một chiếc mâm đặt ở phía trước bàn thờ. Theo phong tục của người Cống, nếu chủ nhà chết, bàn thờ sẽ bị dỡ xuống và bỏ ra ngoài vườn. Đồng thời, người Cống cũng quan niệm, nếu người vợ chết trước chồng thì bàn thờ tổ tiên có thể được giữ nguyên trong nhà mà không phải gỡ bỏ. Theo các thầy cúng Chang Văn Sơn (bản Pô Lếch) và Lò Văn Hom (bản Nậm Luông) cho biết, việc dỡ bỏ bàn thờ vừa là phong tục truyền thống trong đám ma, vừa để báo với tổ tiên gia đình có người mất, việc dỡ bỏ bàn thờ còn vì bàn thờ do chủ nhà lập nên, nay ông ta mất thì bàn thờ cũng phải được đem dỡ bỏ và chủ nhà mới (những đứa con trai của ông ta) sẽ lập bàn thờ mới cho mình. Lễ lập bàn thờ mới chỉ được lập vào Tết Ngô (1/6 âm lịch). Ngoài bàn thờ tổ tiên, người Cống còn có bàn thờ bên ngoài (*pàn*) thường được đặt sát vách của gian giữa. Cả hai bàn thờ trên chỉ được đặt lễ vật và cúng vào hai dịp: Tết âm lịch và Tết Ngô. Ngoài ra, bàn thờ tổ tiên có thể cúng khi có gia đình có việc như cúng gọi vía, cúng trong đám cưới, đám tang, cơm mới, sửa chữa nhà...

Ngoài việc thờ cúng trong gia đình, trong một năm, người Cống còn nhiều các lễ cúng được thực hiện ở ngoài nhà như lễ cúng trên nương (cúng trước khi gieo trồng được thực hiện vào khoảng ngày 15/3 âm lịch và cúng khi cây lúa sắp trở bông vào khoảng cuối tháng 5 âm lịch) và lễ cúng mang tính chất cộng đồng (phạm vi cả bản) như cúng Thổ công bản và cúng Thần rừng/cây cỏ thụ (15/3 âm lịch), Tết Ngô (1/6 âm lịch), cúng Thần núi, thần sông (ngày 6/6 âm lịch). Trong đó, cúng Thổ công bản và thần rừng là những nghi lễ quan trọng nhất, nam giới cả bản phải tham gia.

Đời sống văn hóa dân gian của người Cống rất phong phú và đa dạng, họ có các bài hát đối đáp giao duyên, ru con, đi rừng, đi làm nương, hát trong cưới xin, mừng nhà mới... Dân vũ có điệu múa xòe *Già neo* đặc trưng với sự tham gia của cả cộng đồng.

Tiểu kết chương 1

Cho đến nay, đã có khá nhiều công trình nghiên cứu về người Cống ở Việt Nam nói chung và người Cống ở xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu nói riêng. Trong đó, đa phần là các nghiên cứu dưới góc độ tổng thể văn hóa của một tộc người, rất ít có chuyên khảo về một mảng, một lĩnh vực. Tang ma và các nghi lễ trong tang ma của người Cống cũng đã được một số nhà nghiên cứu đề cập đến nhưng nhìn chung tư liệu và thư tịch về vấn đề này không nhiều.

Trong quá trình thực hiện luận văn, chúng tôi sử dụng một số khái niệm cơ bản như: tang ma, nghi lễ, văn hóa tộc người, truyền thống...., một số lý thuyết nghiên cứu được sử dụng trong luận văn như: lý thuyết chức năng – cấu trúc, lý thuyết chức năng, lý thuyết giao lưu và tiếp biến văn hóa để phân tích và đánh giá các nội dung của luận văn.

Địa bàn nghiên cứu chính của đề tài luận văn là xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu. Người Cống ở đây chiếm 61.4% dân số toàn xã sống chủ yếu sống bằng nghề nông nghiệp với hình thức canh tác nương, kết hợp với chăn nuôi, nghề đan lát khá phát triển. Các đặc điểm kinh tế, văn hóa truyền thống của người Cống còn bảo lưu được khá rõ nét, thể hiện rõ tính tự cung tự cấp và sự gắn bó mật thiết với môi trường sống, tạo tiền đề và môi trường cho các hoạt động nghi lễ, tín ngưỡng của người Cống ở xã Nậm Khao nảy sinh, duy trì và phát triển.

Chương 2

CÁC NGHI LỄ TRONG TANG MA TRUYỀN THỐNG

2.1. Một số quan niệm liên quan đến tang ma.

2.1.1. Quan niệm về thế giới quan và hệ thống thần linh

Trong hệ thống chu kỳ đời người, tang ma được coi là nghi lễ cuối cùng dành cho một con người với nhiều nghi lễ được tổ chức cẩn trọng và tỉ mỉ, thể hiện được nhiều giá trị đặc trưng văn hóa của tộc người.

Trong quan niệm của người Cống, một trong những nghi thức phản ánh rõ nét nhất về nguồn gốc lịch sử, mối quan hệ dòng họ, cộng đồng, mối quan hệ con người và thế giới tự nhiên cũng như quan niệm về sự sống, cái chết chính là tang ma. Thông qua truyện “Con dũi” (*Cảm tính cơ hó pì*), một trong những tác phẩm dân gian của người Cống và một số bài cúng đưa đường dành cho người chết, có thể thấy: người Cống quan niệm thế giới gồm có 3 tầng: tầng trời (*Mùng gia nè già*), tầng đất (*Mung xà tào*) và tầng âm (*Tào à ma*). Ở cả ba tầng đều có sông, suối, núi, đồi, cây cỏ, làng bản, con người và có cuộc sống riêng của từng tầng.

Tầng trời là tầng trên cùng, theo quan niệm của người Cống đây là thế giới của những người đã khuất. Theo người Cống, “*Mùng gia*” có nghĩa là trời, “*nè già*” có nghĩa là ma, là tổ tiên nên tầng trời là tầng dành riêng cho ông bà tổ tiên, những người đã khuất. Khác với một số tộc người thiểu số khác, tầng trời trong quan niệm của người Cống chỉ là nơi ma tổ tiên (*xíp nè*) sinh sống, họ sinh hoạt trong các ngôi nhà sàn, làm nương và mặc những bộ trang phục đẹp, có cuộc sống sung túc và an nhàn... và không có các vị thần trú ngụ.

Mung xà tào là tầng đất, tầng này được coi là tầng giữa. “*Mung xà*” có nghĩa là đất, “*tào*” có nghĩa là chủ, chủ đất. Trong quan niệm của người Cống, đây là tầng có nhiều đối tượng cùng trú ngụ: thế giới của những người đang sống: con người, làng bản, nhà ở, rừng, sông, suối, các con vật...; các vị thần linh (*lang ê*) như các vị thần trú ngụ ở đỉnh núi (*minh xung lang ê*), vực sông,

suối (*ca tàng lang ê*), trong rừng (*xông lang ê*) và cũng là nơi “ma ngoài” trú ngụ. Ma ngoài theo cách hiểu của người Cống là những người chết ở ngoài đường, chết suối, chết sông, chết trong rừng, không phải chết ở trong nhà. Đây là những người chết không bình thường nên hồn của họ thường phải ở lại trần gian, không về với tổ tiên. Trong quan niệm của người Cống, tầng đất và tầng trời được ngăn cách bởi con suối *mà lẳng tèm ma*, muốn qua phải dùng dây thừng bện từ dây sắn rừng làm cầu.

Tầng âm là tầng cuối cùng trong thế giới ba tầng của người Cống. “À *ma*” nghĩa là ở phía dưới đất, “*tào*” có nghĩa là chủ, chủ của tầng âm. Theo quan niệm của người Cống, ở tầng âm, con người cũng có cuộc sống như ở tầng đất, cũng có làng bản, nhà cửa, nương rẫy, song cuộc sống ở đây khá buồn tẻ, không được ăn uống gì và lúc nào cũng phải đeo dao ở đầu gối. Người Cống cho rằng, khi xảy ra động đất ở thế giới mà con người đang sống là do người ở tầng âm tạo ra vì nhiều lý do khác nhau.

Như vậy, theo cách hiểu của người Cống, mỗi một tầng thế giới đều có một thế giới riêng và có người đứng đầu thế giới ấy. Cả ba tầng đều có sự tác động nhất định với nhau. Vì thế, khi con người chết đi, người ta phải tiến hành nghi lễ tang ma chu đáo để đưa hồn người chết được tầng trời và đảm bảo cho cuộc sống của những người đang sống được bình yên, hạnh phúc.

2.1.2. Quan niệm về linh hồn con người và cái chết.

Cũng giống như một số tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Tạng – Miến cùng sinh sống ở tỉnh Lai Châu như Hà Nhì, La Hủ... người Cống chịu sự ảnh hưởng của tín ngưỡng vạn vật hữu linh. Người Cống tin rằng con người và mọi vật đều có hồn, được gọi là “*ăn la*”, tương đồng với tiếng Hà Nhì gọi linh hồn là “*xu la*”, người La Hủ gọi là “*ha*”. Theo đó, linh hồn được xuất hiện từ khi con người được sinh ra và tồn tại cho đến khi con người chết đi để trở về với thế giới tổ tiên. Đối với con người bao giờ cũng tồn tại phần thể xác bên ngoài

và phần linh hồn ở bên trong. Hồn luôn giữ vị trí quan trọng nhất, điều khiển con người nói và làm như thế nào, quyết định sự sống, sức khỏe của người đó.

Giống với người Hà Nhì và người La Hủ, người Cống quan niệm con người có nhiều hồn và hồn cư ngụ ở khắp cơ thể nhưng trong đó có một hồn quan trọng nhất là hồn ở trên đầu. Tuy nhiên, về số lượng các hồn thì ba tộc người này lại có quan niệm khác nhau. Người La Hủ cho rằng con người có 12 hồn (trong đó chỉ có một hồn chính quyết định sự sống, còn lại là các hồn phụ), người Hà Nhì cho rằng mỗi người có 12 hồn và con người có sức khỏe như thế nào phụ thuộc vào trạng thái của 12 hồn đó. Đối với người Cống, số lượng hồn được quy định theo giới tính của con người, nếu là nam thì sẽ có 19 hồn (*chép puy la*), còn nếu là nữ có 12 hồn (*chép nhi la*) trong đó hồn ở trên đầu (*ăng la tu la chang ê*) là quan trọng nhất. Người Cống cho rằng, hồn là một phần rất nhẹ, rất dễ thoát ra khỏi cơ thể sống để đi lang thang hay về trời. Trong các trường hợp con người không may gặp phải rủi ro, bị tổn thương, bị giật mình lo sợ... hồn sẽ thoát ra khỏi cơ thể hoặc bị suy yếu làm cho người đó bị ốm đau, bệnh tật. Đặc biệt, khi đi xa hay đến chỗ lạ, linh hồn cũng rất dễ thoát ra khỏi cơ thể, nhất là đối với trẻ nhỏ do lúc đó linh hồn chưa cứng cáp nên rất dễ bị lạc đường. Chính vì vậy, trong cuộc sống hằng ngày, người Cống rất có ý thức bảo vệ linh hồn, đặc biệt là với trẻ nhỏ. Nếu linh hồn bị thất lạc, người ta phải tổ chức lễ gọi hồn để tránh “hồn đi quên đường về”, khiến người đó sinh ốm đau, bệnh tật hay thậm chí là cái chết. Theo thầy cúng Lý Văn Lam và Chàng Văn San ở bản Nậm Khao, nếu bị ốm đau, uống thuốc không thuyên giảm, ăn uống đều không được thì đồng bào cho rằng phần nhiều hồn đã bị đi lạc một phần, phải tổ chức cúng gọi hồn (*Ăn la xá*) (*phụ lục ảnh số 6*). Nếu hồn thực sự rời khỏi cơ thể một người thì người đó sẽ chết. Chỉ có thể ngăn hồn rời cơ thể bằng cách cúng gọi hồn rồi buộc chỉ cổ tay, số lượng người buộc càng nhiều thì hồn càng khó rời khỏi cơ thể.

Người Cống quan niệm, cái chết (*xi khạ*) xảy ra khi hồn rời khỏi cơ thể. Nếu người chết ở trong nhà, hồn sẽ quanh quẩn ở trong nhà, gia đình phải thực hiện các nghi lễ để đưa hồn người chết về tầng trời, sống với ông bà, tổ tiên để sống một cuộc sống sung sướng hơn. Những người chết ở ngoài đường, hồn không được đưa về tầng trời, không nhập vào bàn thờ, chỉ lang thang, đòi ăn, trêu ghẹo, níu kéo hồn vía của người sống làm cho họ ốm đau, bệnh tật. Những người chết ngoài đường thường chỉ được cúng mâm cơm ở ngoài đường vào dịp tết Ngô (1/6 âm lịch).

Khi chết, hồn của người chết khi qua khỏi cầu thang thì hóa thành trẻ con mới chập chững biết đi, được thầy cúng dẫn đi qua rất nhiều con đường, qua nhiều con suối, làng bản để về đến tầng trời để gặp tổ tiên, gặp lại người vợ (chồng) đã khuất của mình và ở lại, sinh sống, hưởng thụ cuộc sống an nhàn ở trên đó. Do đó, khi trong gia đình có người thân qua đời, người Cống phải mời thầy cúng làm lễ đưa đường để đưa hồn người chết trở về tầng trời để đoàn tụ với gia đình, tổ tiên.

Trong tang ma, người Cống rất coi trọng việc giữ lại hồn vía của những người đang sống cũng như bảo vệ hồn người chết bằng nhiều nghi lễ khác nhau.

2.2. Các phong tục và nghi lễ trong tang ma của người Cống

2.2.1. Tập quán và ứng xử trước tang lễ

Người Cống sử dụng cụm từ “*A pá na khua ê pé ê* - chăm sóc bố mẹ” để thể hiện sự hiếu kính đối với những người lớn tuổi. Trong cuộc sống hằng ngày, để thể hiện sự yêu thương, tôn kính của con cháu đối với ông bà, bố mẹ, người Cống luôn dành những vật dụng tốt nhất, đẹp nhất, đồ ăn ngon nhất để bồi dưỡng, cũng không để người già làm công việc nặng nhọc. Khi người già đau yếu hay nhức mỏi, người Cống sử dụng các loại thuốc, lá lấy từ trong rừng để chăm sóc cho người già. Chẳng hạn lá *à giống pên pạ* và lá *xà cà xăng nê a pạ* hơi nóng để xoa bóp chân tay cho người già; sử dụng củ *cô toòng pá thắm*

ăng xê để đun nước uống với mong muốn người già sớm khỏe, mau lành bệnh. Anh em trong họ hàng và làng xóm khi không có công có việc luôn qua thăm nom, chăm sóc, động viên mong người ốm mau lành.

Xuất phát từ quan niệm, người ốm một phần là do hồn vía đã bị thất lạc, do đó, để người ốm được khỏe lại, người Cống tổ chức lễ gọi hồn (*Ăn la xá*). Đồng bào cho rằng sau khi làm lễ gọi hồn thì linh hồn bị thất lạc sẽ biết tìm về và người ốm sẽ có đầy đủ hồn vía trong cơ thể nên sẽ mạnh khỏe trở lại. Trong các gia đình có người già, người Cống còn tổ chức lễ *Chi chuề chái* để kéo dài tuổi thọ. Mặc dù tổ chức nghi lễ kéo dài tuổi thọ này khá tốn kém, song người Cống vẫn cố gắng để thực hiện cho người thân của mình bởi họ quan niệm: “*Ông bà để ra mình, mình phải có nghĩa vụ chăm sóc, trả ơn*”, ông Chang Văn Phấn, trưởng bản Pô Léch, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè cho biết. Những nghi lễ này luôn có sự tham gia của cả gia đình, anh em họ hàng và bà con trong bản, vừa để chung vui, vừa để thêm người buộc chỉ cổ tay với mong muốn giữ hồn người già luôn mạnh khỏe, sống lâu với con cháu. Số lượng người buộc chỉ vào cổ tay cho người già càng nhiều thì người già càng sống lâu, sống thọ cùng với con cháu.

2.2.1.1. Lễ khâm liệm cho người chết (*Têm ma ca lê*)

Người Cống quan niệm, có cái chết bình thường (*xi tha kháy*) và những cái chết ngoài nhà (*mơ oa xi kháy*) hay còn gọi là cái chết không bình thường. Những cái chết bình thường là những người già do ốm đau, già yếu mà qua đời; những người chết ở trong nhà, được sự “chứng kiến” của tổ tiên. Trong trường hợp chết bình thường, người Cống tổ chức lễ tang chu đáo, được mổ nhiều lợn và trâu, thực hiện nhiều nghi lễ và có thể kéo dài từ 4 đến 7 ngày.

Khi trong nhà có người vừa qua đời, chỉ có người thân và người trong họ mới được phép vào nhà để soạn sửa và chuẩn bị các thủ tục có liên quan. Lúc này, người chết (*xăng há xí*) vẫn được để ở giường ngủ, theo phong tục, người con trai trưởng sẽ dỡ hai bên vách ngăn buồng. Nếu bố hoặc cả hai bố mẹ lần

lượt mắt thì người con trai trưởng còn phải đỡ bàn thờ tổ tiên và bỏ ra ngoài vườn. Người con trai trưởng tắm rửa cho người chết bằng nước lã cho sạch sẽ, khi lau cũng chỉ được lau từ trên xuống, kiêng lau ngược từ dưới lên vì sợ người chết mở mắt, không tốt cho con cháu sau này. Việc người Công không sử dụng lá thom để tắm cho người chết là bởi họ có quan niệm đây là một tập tục truyền lại từ các thế hệ trước, nay nếu làm trái thì người chết khi về với tổ tiên, tổ tiên sẽ không nhận ra. Đây là một đặc điểm khác biệt trong văn hóa của người Công với hầu hết các dân tộc khác ở nước ta cho rằng: các loại nước lá thom có khả năng khử mùi hôi, làm giảm hơi lạnh từ cơ thể người chết. Sau khi tắm rửa cho người chết, người con trai trưởng sẽ mặc 2-3 bộ quần, áo mới và quấn một chiếc khăn mới trên đầu nếu như người đó là bố, còn nếu như người chết là mẹ thì người con gái cả sẽ mặc cho mẹ 2-3 bộ váy, áo mới và được quấn một khăn mới ở trên đầu. Qua chi tiết này, chúng ta có thể nhận thấy trong quan niệm của người Công có sự phân biệt về giới khá rõ nét. Sau khi mặc quần áo, người chết được gia đình để vào mỗi tay một đồng bạc trắng ở cầm với quan niệm đây là tiền đi đường (*phiu cà mà la diu chái lệ*) để người chết có thể chi tiêu trên đường đi về tầng trời, nơi tổ tiên, ông bà và những người thân của người chết đang sinh sống.

Sau khi người chết được tắm rửa, mặc quần áo xong, người con dâu cả trong gia đình lấy hai đoạn vải mộc trắng dài 2,5 sải, khâu liền mép theo cạnh dài của hai sải vải, đặt người chết vào giữa rồi khâu kín hai mép phía trên thành bao (*xà là dô ê*). Người ta dùng kéo tạo lỗ hở ở 2 mắt và mồm cho người chết với quan niệm người chết trên đường về tầng trời cũng phải ăn, phải nói, phải nhìn và ứng xử với những người xung quanh. Bao được buộc ngang bằng 5 đoạn dây vải (vai, bụng, hông, đầu gối và chân). Người chết được đặt ở vị trí thường nằm, đầu hướng về cửa ma (*cô phi*), chân hướng ra ngoài, phía trên được để một ống tre đựng nước và một ống điều chưa sử dụng.

Theo như ông Chảo Văn Sơn, bản Nậm Luồng cho biết, do quan niệm đám tang thường không tốt, nếu không phải cùng họ, hôn vĩa người tham dự dễ bị thất lạc, đi theo người chết nên người Cống không có tục đến từng nhà trong bản để báo tin. Thay vào đó, theo truyền thống, để báo tang cho cộng đồng thôn bản, người Cống báo hiệu bằng việc người con trai trưởng sẽ dùng súng kíp ra trước hiên nhà bắn 3 lần. Nghe tín hiệu báo tang, anh em họ hàng biết việc kéo đến nhà tang chủ để cùng nhau lo liệu.

Người Cống có suy nghĩ, nếu trong làng có gia đình nào gặp chuyện buồn, các thành viên trong cộng đồng phải có trách nhiệm đến chia sẻ và giúp đỡ cho gia chủ. Những người tới đám, nếu là anh em trong nhà thì mang 20 cân gạo, 10 lít rượu, một con lợn 20 cân, 1 gói muối và 1 sải vải trắng (dùng để trải phía dưới cho người chết nằm) để cùng tang chủ lo liệu các nghi lễ đám tang cho người chết một cách chu đáo (*phụ lục ảnh số 15*). Đây là một nét văn hóa mang tính cộng đồng và nhân văn không chỉ có ở tộc người Cống mà nó còn phổ biến ở hầu hết các tộc người thiểu số ở Việt Nam.

Lúc này, các thành viên trong nhà sẽ cử ra một người làm chủ đám (*xãng xung*) để lo toan mọi việc trong đám tang. Chủ đám thường là anh trai (hoặc em trai) của người chết. Người ta phải lựa chọn chủ đám là người hiểu biết về phong tục, biết ăn nói để có thể “điều hành” nghi lễ đám tang một cách tốt nhất. Chủ đám sẽ cắt cử công việc cho từng người cụ thể: người đi mời thầy cúng, người đi báo tin cho họ hàng ở xa, hàng rể phụ trách nấu cơm, các chị em dâu chuẩn bị vải trắng để làm khăn và áo tang, kim chỉ để làm cầu vải dẫn hồn người chết (*xả lam cà kha lê*), anh em họ hàng sẽ phụ trách việc vào rừng tìm gỗ làm quan tài...

Vào sáng sớm hôm sau, anh em họ hàng được phân công vào rừng tìm gỗ tập trung tại gia chủ. Một trong những người con trai của người chết sẽ là người đại diện cho đoàn đi. Trước khi đi vào rừng để tìm gỗ làm quan tài, người con trai hông đeo dao, khăn trùm người chết với ý nghĩa mong người

chết phù hộ cho tìm được cây tốt, đi rừng được thuận lợi, sau đó phải lấy một đoạn que tre, đo cỡ của người chết để có thể biết được kích thước của quan tài định làm.

Trước đây, rừng ở gần nhà, chỉ cần đi 1 ngày là người ta có thể tìm và làm xong quan tài. Tuy nhiên, hiện nay, người Cống ở xã Nậm Khao cư trú xa rừng hơn nên thời gian tìm gỗ làm quan tài cũng lâu hơn, thường phải đi bộ hơn ngày đường, có khi tới 2 ngày mới tìm được cây để làm. Ông Lò Văn Hom, thầy cúng ở bản Pô Lếch cho biết *“trước đây đi tìm gỗ để làm quan tài không đến một cây số, giờ thì phải đi xa hơn, hai đến ba cây số cũng chưa chắc đã tìm được”*. Việc tổ chức lễ tang cho người chết bị kéo dài thời gian bao lâu một phần tùy thuộc vào công việc vào rừng tìm cây để làm quan tài. Người ta phải tìm được loại cây gỗ ưng ý và phù hợp cho việc đóng quan tài. Người Cống quan niệm, sau khi chết phải được nằm trong quan tài bằng gỗ và phải được đích thân con cháu trong gia đình lấy về làm, có vậy thì mới ra đi thanh thản, đúng truyền thống, về được với tổ tiên. Vì thế, hiện nay, người Cống về cơ bản ít khi sử dụng các quan tài đóng sẵn mua ở chợ. Đây có thể được coi là một nét văn hóa trong tang ma của người Cống.

Quan tài (*Tẻ ma*) của người Cống được làm từ thân cây nguyên khối. Cây được chọn để làm quan tài là loại gỗ dổi (*ma háam ăn chung*) hay gỗ sáu (*ha lù ăn chung*), gỗ bồ kết (*mạy xe*) với đường kính thân từ 1,3m trở lên. Trong quan niệm tìm gỗ, ngoài các loại cây trên, người Cống có thể sử dụng nhiều loại gỗ khác, miễn là thân cây to, không bị mục, không bị rỗng ruột, không có ngọn (vì quan niệm làm ăn không nên), cây chết khô (quan niệm là con cháu sẽ bị ốm đau nhiều)... Do tập quán kiêng không làm quan tài để chuẩn bị cho người già trong gia đình nên khi đi rừng, tìm được cây ưng ý, người nhà dùng dao chặt dấu (+) hoặc dấu (x) để đánh dấu dành cho bố mẹ già yếu ở nhà.

Sau khi tìm được cây gỗ, con trai của người chết sẽ hỏi anh em họ hàng có thể dùng được cây này để làm quan tài cho người quá cố được không?. Sau khi mọi người trong đoàn đi tìm gỗ nhất trí dùng được thì người con trai sẽ dùng rìu để chặt 3 phát đầu tiên cách gốc 40cm rồi mới trao rìu lại cho anh em họ hàng thay nhau chặt tiếp. Khi cây đổ, người con trai lấy que đo chiều dài của chiếc quan tài dự kiến, đánh dấu rồi chặt 3 phát rìu ở chỗ đánh dấu, những người còn lại rồi chặt tiếp. Sau khi lấy được đoạn thân cây làm quan tài, người ta dùng nêm gỗ để bở, tách quan tài làm 2 nửa, 1 nửa lớn ở dưới để làm thân, nửa trên nhỏ hơn để làm nắp. Trong truyền thống, phần cây còn thừa sau khi chặt sẽ kiêng không sử dụng để làm công việc khác. Ngày nay, do cây khan hiếm, nếu tìm được cây gỗ tốt có thể để dùng cho người chưa mất song cũng chỉ giới hạn ở vợ (hoặc chồng) ở lần sau. Cây gỗ để dành cũng không được đem về nhà mà phải để ở ngoài rừng.

Quan tài thường có chiều dài 1,7 đến 1,9m, thân được khoét rỗng xuống theo kiểu lòng máng 20cm, rộng 70cm, thành dày 4cm, nắp được khoét rỗng xuống 15cm. Quan tài được tạo hình cơ bản ở rừng, về đến nhà mới chỉnh sửa cho đẹp. Quan tài được dùng tre làm đòn khiêng, dùng dây rừng để buộc, chẳng mang về. Ra cửa rừng, người con trai phải là người đi cuối, anh ta làm lễ cảm ơn thần rừng đã cho gỗ tốt về làm ma cho bố (mẹ).

Theo phong tục của người Cống, quan tài chỉ được đem về nhà vào giờ tốt. Giờ tốt “*Chờ mà khai e*” trong tang ma của người Cống được xác định là sáng từ 08h đến 10h sáng, chiều từ 14h đến 16h. Đây là khung giờ có thể thực hiện được các nghi lễ quan trọng. Ngoài các giờ trên thì được coi là giờ không tốt “*mưng mà mù e*”, không nên thực hiện các nghi lễ. Người Cống quan niệm, làm các nghi lễ vào khung giờ tốt sẽ được thuận lợi, may mắn. Tuy nhiên, theo chúng tôi, đây là khung giờ nằm giữa các giờ nấu ăn và nghỉ ngơi, cơ bản thuận tiện cho việc thực hiện các công việc, trong đó có các nghi lễ tang ma.

Đến giờ tốt, quan tài khi mang về nhà được để ở dưới chân cầu thang. Theo phong tục, vợ, em dâu, con dâu dắt tay nhau đi vòng quanh quan tài, vừa đi vừa khóc “*Nay con cháu vất vả vào rừng mới tìm được cho ông chiếc quan tài vừa vặn, như ý. Ông vui về thì phù hộ cho gia đình mạnh khỏe, làm ăn cho tốt*”. Khấn xong, người vợ dùng một viên than đánh dấu “x” ở chính giữa quan tài. Từ đây, quan tài được xác nhận là dành cho người chết. Vì một lý do nào đó, quan tài không được sử dụng sẽ đem đốt bỏ, không dùng cho người khác hay thậm chí là người trong nhà.

Các thành viên trong nhóm đi lấy quan tài chỉnh sửa lại cho hết lỗi lỡm, cho tròn bên trong. Trước khi đưa quan tài lên nhà, người con trai thứ đi vòng quanh quan tài, dùng bó sa nhân quét bên trong và bên ngoài của quan tài với ngụ ý xua đuổi hết ma lạ đi theo từ rừng về và quan tài chỉ để dành cho người chết.

Người con gái cả hoặc em gái cả sẽ được phân công đi lấy đất trát quan tài (*lon tằm*). Đất được lựa chọn để trát quan tài phải nằm ở ngoài bản, thường nằm ở trên đồi, nằm ngoài chỗ chăn thả gia súc và ở những chỗ không có đá. Người ta tạo hố tại chỗ, đổ nước và dùng cây gỗ để giã nhuyễn. Theo tập quán, quan tài được để ở gia đình từ 4 đến 6 ngày (thậm chí trước đây còn nhiều hơn) do đó lượng đất lấy cũng phải chuẩn bị kỹ, đủ để trát, tránh mùi hôi trong nhà.

Việc nhập quan cho người chết hoàn toàn do các thành viên trong gia đình tự làm. Quan tài sau khi được đưa vào nhà sẽ để ở phía bên phải của người chết, phần đầu (ngọn) hướng về phía cửa ma, phần chân (gốc) ở dưới. Người vợ hoặc người con dâu lấy vải trắng lót ở dưới trước. Số lượng vải tùy theo số thành viên trong gia đình. Người Cống quan niệm, nếu ai nhanh tay lót lượt vải đầu tiên, người đó sẽ gặp may mắn trong làm ăn, được người chết phù hộ. Do đó, họ luôn ưu tiên các thành viên trong gia đình lót trước: đầu tiên là người vợ, các con dâu (từ trưởng đến thứ), các con gái (từ trưởng đến thứ) rồi mới đến các chị gái, em gái, cháu gái. Phía trên được đắp 4-6 tấm vải trắng.

Nếu số lượng vải nhiều, vải của các thành viên khác sẽ được gấp dài và lót ở hai bên thành của quan tài.

Trước khi đóng nắp quan tài, người con trai lấy một bó đóm làm từ tre, nửa làm nghi thức xua đuổi tà ma (*nê già hòì to e*) ra khỏi quan tài. Sau khi đóng nắp quan tài, quan tài được để đứng vào vị trí người chết vừa nằm, không kê chân. Trên quan tài được để ba chiếc đèn làm từ sáp ong: một chiếc ở trên đầu, một chiếc ở giữa và một chiếc ở dưới chân.

Sau khi đóng nắp quan tài, áo tang sẽ được người chị gái (hoặc em gái) của người quá cố phát cho các thành viên trong gia đình. Nếu là các con trai sẽ mặc áo trắng (không có túi), quần trắng và đầu đội khăn trắng, nếu là các con gái thì mặc áo dài trắng, váy trắng và đầu đội khăn trắng. Các thành viên khác trong gia đình chỉ cần đội khăn trắng. Đối với bậc bề trên không cần phải mặc tang phục như hàng con cháu trong gia đình. Trước đây, theo phong tục, con trai của người quá cố còn phải cạo trọc đầu để để tang cho bố (mẹ) mình như một hình thức báo hiếu và báo hiếu.

2.2.1.2. Lễ mời thầy cúng (*thăm te tụ pấp*)

Trong tang lễ của người Cống không thể thiếu vai trò của thầy cúng (*cá ma tụ pấp – thầy chỉ đường*) bởi thầy cúng là người có thể “giao tiếp” được với người chết, là cầu nối và dẫn đường cho người chết đến được tầng trời, về với ông bà tổ tiên của mình.

Sau khi khâm liệm cho người chết xong, người con trai trưởng mang theo một chiếc sàng nhỏ, trên có để 3 đồng bạc trắng (được gói trong khăn vải), một bát gạo và một quả trứng, hông đeo dao tới nhà thầy cúng để mời thầy về làm lễ. Trong quan niệm của người Cống, sau khi chết, hồn đã rời khỏi xác, việc dẫn hồn người chết đi cần có quả trứng để trú ngụ và bảo vệ cho hồn trước ma ngoài nhà; bát gạo như là lương thực, là vật phẩm nuôi dưỡng con người thì khi chết đi, gạo cũng có thể nuôi dưỡng được hồn vía; ba đồng bạc trắng là tiền công cho thầy cúng. Việc mang bát gạo và quả trứng là một cách thức để đưa

hồn vía người chết đến với thầy cúng, để ông ta có thể cảm nhận và dựa vào đó để tìm ngày giờ cho tốt, cho chuẩn.

Khi tới nhà, người con trai trưởng quỳ trước bàn thờ và khấn “*hôm nay, nhà tôi có bố (mẹ) vừa mới qua đời, phải nhờ đến thầy, mong tổ tiên, các bậc thầy giúp cho*”. Khấn xong, người con trai được giao nhiệm vụ đi mời thầy cúng phải đưa 3 đồng bạc trắng, bát gạo và quả trứng cho thầy cúng và nói “*Nhà tôi có bố (mẹ) vừa qua đời, phải mời đến thầy, mời thầy đến giúp gia đình, đưa bố (mẹ) về với tổ tiên được thuận lợi, may mắn*”. Thầy cúng tiếp lấy và để lên bàn thờ thầy (*bàn hàng pe*) và khấn trình “*Xin phép tổ tiên, xin phép các thầy cho đi giúp gia đình....., giúp cho tôi làm thật tốt, nói thật hay, thật đúng, đưa được ông (bà)..... về được tầng trời*”. Khấn xong, thầy cúng hỏi năm sinh của người chết rồi tính thời gian để chôn cất. Khi đi cúng, thầy cúng mặc trang phục cúng, dao đeo ngang hông và chiếc túi làm lý (bên trong chỉ để cuộn chỉ được dùng để giữ hồn vía cho các thành viên trong đám tang).

2.2.1.3 Mời cơm cho người chết (*hãy pí chạ*):

Mời cơm cho người chết là nghi lễ được thực hiện hằng ngày. Trong suốt quá trình diễn ra tang lễ, vào buổi sáng, trưa và chiều. Việc mời cơm cho người chết thường do thầy cúng thực hiện, nếu không có thể do anh em ruột hoặc anh em con chú bác ruột trong gia đình thực hiện (*phụ lục ảnh số 16*).

Tùy thuộc con vật nào bị giết thịt, người nhà sẽ lấy một ít cơm mới nấu, 1 miếng gan, một miếng thịt mỡ xiên qua que và nướng lên. Lễ vật được đặt trong một bát nhỏ được để bên cạnh quan tài. Có thể thấy, trong lễ vật cúng dành cho người chết, trong lễ cúng mời cơm, bao giờ chúng ta cũng thấy gia đình và con cháu thường lấy một ít gan, một ít thịt nhỏ ở mỡ rồi sau đấy xiên vào que nướng lên trước khi cúng. Giải thích hiện tượng này, ông Chang Văn Phần (trưởng bản Pô Léch) cho biết, trong quan niệm của người Cống, gan và thịt ở mỡ của các con vật là những phần ngon nhất, là phần chứa đựng “sức mạnh” của con vật, khi cúng bao giờ cũng phải dùng để cúng cho ma trước. Việc nướng lên không chỉ tạo độ thơm ngon của lễ vật mà còn là sự biểu hiện

cách chế biến qua lửa truyền thống của người Cống. Đây không chỉ là lễ vật cúng tiêu biểu cho người chết trong đám ma mà còn là lễ vật được cúng trong các nghi lễ cúng tổ tiên, cúng thổ công bản, cúng thần rừng... của người Cống ở đây.

Theo thầy cúng Lò Văn Hom (bản Pô Lêch), tùy theo thời gian và hoàn cảnh mà lời cúng trong lễ mời cơm cho người chết có sự khác nhau về nội dung: “*Gia đình giết thịt lợn (gà, trâu...) làm cơm sáng (trưa, chiều) cúng cho ông ăn, ông ăn cho no rồi phù hộ cho gia đình tìm được cây gỗ tốt (hoặc tìm được nơi chôn cất, dựng được nhà mồ, đưa ông ra mồ được tốt đẹp...), về với tổ tiên được thuận lợi, giúp cho con cháu luôn khỏe mạnh, làm ăn tốt*”. Vừa khấn, thầy cúng lấy một ít cơm trộn với một ít thịt trong bát rồi đút qua khe sàn với ý nghĩa cho người chết ăn. Kết thúc lời cúng, thầy cúng lấy chén rượu đổ qua khe sàn cho người chết. Sau khi thầy cúng làm xong nghi lễ, người con rể cả bày một mâm cơm (một gói cơm và một gói thịt) phía trước quan tài để các thành viên trong gia đình lần lượt mời cơm người chết (*phụ lục ảnh số 17*). Khi khấn mời cơm, các thành viên lấy một ít cơm trộn với một ít thịt vo lại rồi đút qua khe sàn để cho người chết. Người Cống quan niệm, các khe đó chính là cửa thông giữa thế giới của những người đang sống và thế giới của những người đã chết, qua đó, người chết sẽ nhận được thức ăn mà con cháu gửi cho mình.

Kết thúc nghi lễ mời cơm, đồ ăn được dọn lên cho mọi người. Khi ăn, mọi người đều xé một miếng thịt và một ít cơm thả xuống gầm sàn để mời tổ tiên của gia đình mình và cho ma ngoài ăn.

2.2.2 Nghi lễ trong tang ma

2.2.2.1. Lễ hiến sinh chó (Thừ tìa xia):

Chó (*thừ*) theo quan niệm của người Cống là con vật trung thành, được nuôi để trông coi nhà cửa, luôn biết đường về dù có đi lạc. Trong đám ma, chó được hiến sinh để đưa đường, dẫn lối hồn người chết về với tổ tiên. Trong nhiều nghi thức tang ma của các tộc người thiểu số khác, chó cũng được coi là một con vật hiến sinh mà con cháu phải dâng cho người chết với ý nghĩa đưa

đường và tiếng chó sủa còn có tác dụng xua đuổi ma xấu có thể làm hại hồn người chết.

Trong nghi lễ cúng đưa đường, chó được người con rể đưa vào trước thi hài người chết và khấn “*Đây là chó nhà mình, biết đường đi lối lại, biết dẫn đường ông (bà) đi, có nó làm bầu bạn, không phải lo sợ gì đâu nhé*”. Khấn xong, người con rể (hoặc em rể) đưa con chó ra chân cầu thang rồi đập chết, mổ lấy một miếng nhỏ gan (*ăn pè*), một miếng thịt nhỏ ở mông (*tòng pè xà*), lấy que để xiên lên nướng. Mâm cúng được để phía đầu của người chết. Thầy cúng khấn mời cơm: “*Ông (bà) đã chết, nay gia đình có một con chó để cúng đưa đường cho ông bà, ông bà phù hộ cho con cháu luôn mạnh khỏe, đừng làm hại mọi người*”. Vừa khấn, thầy cúng vừa lấy một ít cơm trộn với ít thịt vè tròn và thả xuống khe của nhà sàn. Khấn xong lần thứ hai, người con trai trưởng thực hiện nghi lễ mời cơm bố (mẹ): “*Nay bố (mẹ) đã qua đời, chúng con giết chó mà gia đình nuôi đã lâu để dẫn đường, nấu cho bố (mẹ) cơm ngon để cúng cho bố (mẹ) ăn. Bố (mẹ) ăn no thì giúp cho gia đình luôn mạnh khỏe, bố (mẹ) về với tổ tiên được thuận lợi, có cuộc sống sung sướng, tốt đẹp, đừng làm hại con cháu*”. Cúng xong, nhà bếp mới dọn đồ ăn lên cho mọi người.

2.2.2.2. Nghi lễ nhận mặt tổ tiên (tặng nga tặng mì lói).

Buổi tối đầu tiên sau khi đưa người chết vào quan tài, người Công thực hiện nghi lễ cho người chết nhận mặt tổ tiên. Nghi lễ này được thực hiện nhằm mục đích cho tổ tiên nhận mặt người chết và cũng để người chết nhận mặt, nhớ lại tên từng người để khi về tầng trời nhận ra nhau. Để chuẩn bị cho nghi lễ nhận mặt tổ tiên, người con rể cả dùng da trâu bện thành sợi dây dài chằng giữa hai cột đối diện với cửa chính. Trong quan niệm của người Công, sợi dây này là cây cầu nối bắc qua suối *mà lẳng tèm ma* nối giữa tầng trời và tầng đất, nối giữa thế giới của người sống và người chết.

Vào nghi lễ, người con trai khấn gọi hồn người chết về để nhận mặt tổ tiên. Người con rể cả của người chết nằm ngang trên sợi dây với ý nghĩa dẫn hồn ông bà tổ tiên về, tay cầm quạt gọi tên từng người đã mất trong gia đình cả

bên nội sau đó bên ngoại, lần lượt ba đời để người chết biết khi lên đến tầng trời nhận mặt.

Có thể nói, nghi lễ nhận mặt tổ tiên của người Cống không chỉ có ý nghĩa đối với người chết mà nó còn là “cơ hội” giúp cho các thành viên trong gia đình, dòng họ nhớ lại những người đã khuất, đồng thời giúp cho những thành viên nhỏ tuổi hiểu biết thêm ông bà, tổ tiên của gia đình, họ tộc mình. Đây được coi là một nét sinh hoạt văn hóa có ý nghĩa nhân văn sâu sắc, đồng thời cũng có ý nghĩa giáo dục to lớn mà qua đó, người Cống muốn thể hiện sự nhớ thương, sự biết ơn và tôn kính của những người đang sống với ông bà, tổ tiên, những người đã khuất.

2.2.2.3. Cúng đưa đường người chết

Đây là nghi lễ quan trọng nhất của một đám ma người Cống. Nghi lễ được thực hiện dưới sự chủ trì của thầy cúng và diễn ra từ chiều tối đến gần sáng ngày hôm sau mới kết thúc. Theo quy định, trong nghi lễ này, chỉ có những người trong dòng họ của người chết mới được phép tham dự.

Để chuẩn bị cho lễ cúng đưa đường, người Cống thịt một con trâu làm lễ vật cúng. Trước khi thịt, con trâu được cột ở chân nhà sàn, thầy cúng dùng dao cắt một ít lông ở tai và ở đuôi mang lên khăn trước quan tài, đại ý “*Hôm nay gia đình làm lễ cúng đưa ông (bà) về tầng trời, gia đình mổ trâu làm đồ lễ vật đi đường, ông bà về tầng trời gặp lại tổ tiên, giúp cho gia đình làm ăn tốt, con cháu đều khỏe. Giúp cho tôi nói hay, nói tốt đưa được ông về tầng trời*”. Nói xong, thầy cúng cho phép người nhà giết thịt trâu để làm mâm lễ cúng. Mâm lễ được bày phía bên trái quan tài của người chết, trên mâm để đầu trâu, một ít gan, một bát tiết, một ít thịt ở mông, một gói xôi được bọc trong lá dong. Trong truyền thống, trâu còn được coi là một tài sản quý giá của người Cống. Vì vậy, khi trong nhà có người chết, việc thịt trâu có ảnh hưởng rất lớn đến kinh tế và đời sống của đồng bào. Nếu trong nghi lễ cúng đưa đường gia đình chưa chuẩn bị kịp thì có thể bỏ qua song đến lập bàn thờ mới thì nhất định phải làm.

Vào nghi lễ, thầy cúng ngồi phía trước mâm lễ, gọi hồn người chết về chúng nhận lễ vật rồi mới thực hiện bài cúng đưa đường để người chết về với tổ tiên. Bằng lời nói kết hợp với điệu bộ, có sự thay đổi “vai” giữa thầy cúng và người chết, thầy cúng dẫn dắt linh hồn của người chết đi xuống cầu thang, ra đến ngoài bản rồi qua nhiều bản làng, nhiều thác ghềnh. Trên đường đi, hồn người chết gặp nhóm trẻ vui chơi, những người đánh bắt cua, những người chặt cây, hai vợ chồng chọc lúa tra hạt, gặp ông bà già hiếm muộn muốn bắt hồn lại, gặp người xin cơm, gặp nhóm có nhiều người chết do hồ vồ, rắn cắn, chết trôi giữ lại; gặp đám lễ hội có nhiều người tham gia... Ban đầu, khi xuống cầu thang, linh hồn người chết lúc này còn là trẻ con, ham chơi nên chỗ nào cũng sa vào, thầy cúng phải dụ dỗ, nhiều khi linh hồn chơi trốn tìm, thầy cúng phải lật từng hòn đá, tìm từng gốc cây, khe suối, tìm dưới chiếc lá để tìm; gặp người khó khăn, thầy cúng phải bỏ tiền mua lại hồn người chết; gặp trẻ con đòi quà, thầy cúng phải chia quà; gặp suối vàng suối bạc phải bỏ tiền để qua... Trải qua chặng đường dài, đến suối *mà lảng tèm ma* linh hồn người chết lúc này đã lớn dần và trở thành người trưởng thành. Để đi qua suối ngăn cách tầng trời và tầng đất, thầy cúng phải lấy dây sắn rừng bện làm dây thừng làm cầu để qua. Vào đến tầng trời, linh hồn người chết được gặp lại người vợ (chồng) đã mất, được gặp lại bố, mẹ, ông bà tổ tiên. Trước sự chứng kiến của thầy cúng, bố mẹ của người chết tổ chức đám cưới lại cho đôi vợ chồng, chia của cải để làm ăn. Thầy cúng dặn dò đôi vợ chồng ở lại chăm chỉ làm ăn, giúp đỡ con cháu dưới trần gian làm ăn tốt, luôn mạnh khỏe.

Có thể nói, qua lời cúng, cuộc sống của người chết từ lúc sinh ra đến khi về già đã được thầy cúng tái hiện lại một cách sống động. Mặt khác, nó cũng thể hiện quan niệm về cái chết và sự sống của người Công: cái chết không phải là hết mà chỉ là sự bắt đầu của một cuộc sống mới: cuộc sống ở tầng trời, sung túc, đầy đủ và hạnh phúc hơn.

2.2.2.4. Nghi lễ tìm đất chôn (*chong gia sa lê*)

Nghĩa địa (*lòng pêm chông*) của người Cống thường nằm ở phía cuối bản (*phụ lục ảnh số 8*). Do người Cống không có phong tục cải táng mà chỉ chôn một lần nên nơi được chọn để chôn cất người chết rộng rãi đủ chỗ chôn người chết cho cả bản. Bên cạnh đó, nơi chôn người chết còn phải đáp ứng được các tiêu chí: là bãi bằng, quang đãng, nhất thiết phải cách bản một khe nước (*lăng khảm*) hoặc một con suối (*nậm*). Khe nước hay con suối ở đây có ý nghĩa như ranh giới phân chia giữa nơi ở của người sống và nơi ở của người chết.

Con trai cả (hoặc em trai hoặc nhờ anh em trai trong họ) trước ngày chôn sẽ được cất cử đi tìm đất. Người con trai tay cầm quả trứng khấn xin với người chết phù hộ tìm được đất : *“Hôm nay là ngày tốt, bố mẹ đi theo chúng con để tìm đất ở, ung chỗ nào thì cho quả trứng vỡ, giúp cho anh em đào mộ được thuận lợi, đi đường được may mắn”*. Khấn xong, người con trai cả cùng với 3-5 người trong gia đình đi về khu nghĩa địa để tìm đất. Lễ vật cầm đi có 1 quả trứng gà sống (tượng trưng cho linh hồn người chết), một ít tro, một ít cám được gói trong lá dong, nhất thiết phải có đoạn thanh tre nửa đã đánh dấu kích thước của quan tài.

Khi tới nghĩa địa, người con trai lấy cám và tro đã được chuẩn bị rải xuống đất và khấn *“Con đưa bố (mẹ) đi tìm đất cho bố (mẹ) ở, bố mẹ ung ở chỗ nào thì làm cho quả trứng vỡ, chúng con sẽ làm mộ đẹp cho bố (mẹ) ở đấy”*. Khấn xong, người con trai thả quả trứng xuống. Nếu quả trứng vỡ (lòng đỏ và lòng trắng hòa với nhau, không còn nguyên vẹn) coi như người chết ưng thuận nằm ở đó, nếu không thì phải tìm chỗ khác. Sau lần thả đầu tiên không vỡ, các lần sau, người con trai sẽ theo hướng của quả trứng lăn, quả trứng dừng ở đâu sẽ phải khấn lại và thả quả trứng lần nữa cho đến khi được mới thôi. Thông thường, người ta phải gieo 2-5 lần mới được. Cá biệt, theo người dân bản Pô Lếch kể lại: trường hợp bà Sáng Thị Pàn (bản Bó Lếch) mất khoảng năm 1956 gieo hết một ngày mà quả trứng không vỡ, người nhà đành phải về, hôm sau gieo tiếp.

Sau khi tìm được chỗ người chết ưng thuận, các thành viên đi theo phát quang và dựng các thành phần của khu mộ: huyệt mộ (*lòng pêm tù ê*), nhà mồ (*lòng pêm dim suôi*), cột cờ (*Cào tung nghe*), cột chia của (*pàn dung*), cột thiêng (*me khá*) (*phụ lục ảnh số 8, 9, 10*).

Huyệt mộ được đào sâu 1,2m, có kích thước phụ thuộc vào kích thước của quan tài. Đầu huyệt mộ theo truyền thống luôn hướng về các con suối, những nơi ở gần sông Đà thì đầu hướng lên thượng nguồn của sông Đà. Để tránh cho đất tại các cạnh mộ bị lở, người Cống dùng các thanh gỗ để nẹp mép của huyệt mộ. Việc các huyệt mộ có đầu hướng về thượng nguồn sông Đà hay đầu nguồn suối được chị Lò Thị Lom (bản Pô Lếch) cho biết “*Theo các cụ nói lại phải để người chết nằm xuôi theo dòng nước mới thuận, người chết mới phù hộ cho gia đình, nếu nằm ngược lại là ngược với dòng nước, không tốt, không thuận cho con cháu, dễ ốm đau, bệnh tật, làm ăn không tốt*”. Điều này cho thấy mối quan hệ lệ thuộc, “*ứng xử*” hòa hợp với yếu tố “*nước*”, với tự nhiên của người Cống.

Nhà mồ của người Cống được dựng bằng các thân gỗ tạp (ngang 3 cột, dọc 3cột) cao 1,3-1,5m, chiều dài 2,2m, rộng 1,8m; thung vách bằng tre đan, mái lợp cỏ tranh. Các xà và cột được buộc bằng dây lạt tre.

Cột cờ được làm bằng tre, cao 5-6m, luôn nằm ở phía trên bên trái của nhà mồ. Cột cờ gồm 3 phần: Phần tái hiện hình tượng người: Đây là phần nằm phía trên cùng của cột cờ: trên cùng là một chiếc nón, tiếp theo là một hình nộm người đan bằng tre với đầy đủ quần áo (khăn, áo, váy nếu là nữ hoặc quần nếu là nam). Nơi chia của là súc vật cho người chết (*xà duê pu chur ê*) được treo đầu, xương trâu và đầu của các con vật được giết thịt trong đám ma như bò, lợn, dê... Phía trên cùng của cột cờ được gắn dải vải (*xả lam cà kha lê*) biểu thị con đường đi lại của người chết giữa tầng trời và tầng đất. Tùy theo dòng họ, cách trang trí của cột cờ có sự khác nhau: Họ Lò ở Pô Lếch dùng hai dải vải, họ Chang, họ Lý ở Nậm Khao thì dùng một dải. Trên dải vải trang trí 19 quạt giấy (nếu là nam giới) và 12 quạt giấy nếu là nữ giới

2.2.2.5. Lễ đưa người chết ra mộ (*chang à phuên nê*)

Thời gian để đưa người chết ra khỏi nhà nằm trong khung giờ tốt và phải kiêng trùng ngày với ngày sinh của người chết. Ví dụ: người chết sinh ngày Tuất (*núng khừ*) thì ngày chôn cất không được chọn ngày Tuất mà phải chọn ngày khác. Đến giờ tốt để đưa người chết ra mộ, người nhà thực hiện nghi thức dùng dây rừng bện, buộc ba vòng ở đầu, thân và chân của quan tài cho chắc, cúng cơm lần cuối cho người chết rồi khiêng ra khỏi cửa. Người ta dùng hai đòn tre dài, sử dụng các sợi dây rừng bện làm võng rồi đặt quan tài vào giữa để khiêng.

Người ta chọn 6-8 thanh niên trong dòng họ, cộng đồng để khiêng quan tài người chết. Đi đầu quan tài là người con trai trưởng, tay trái cầm bát cơm, tay phải cầm con dao. Đi sau quan tài là các con cháu của người chết và những người thân trong họ hàng, mỗi người cầm theo ghế, chăn, chiếu, đồ dùng sinh hoạt, công cụ lao động được làm bằng gỗ, tre... là những thứ mà người chết sử dụng khi còn sống. Người em gái của người chết gửi xương đầu, xương của súc vật được giết thịt trong đám ma để chia cho người chết (*phụ lục ảnh số 18*).

Khi ra đến cửa nhà, thường là người anh em trai của người chết tay cầm bó sa nhân đứng chờ ở phía trước. Với quan niệm cây sa nhân có thể xua đuổi được hồn vía, khi đoàn tang lễ đến nơi ông dùng bó sa nhân vạt vào từng người làm phép để hồn vía người sống biết đường quay về nhà, không cho đi theo với người chết và cũng để không cho những hồn người chết trên đường, ở khe suối, ở rừng đi theo người sống về nhà làm ảnh hưởng đến cuộc sống của họ. Đây là một nét riêng biệt trong tang ma của người Cống mà không thấy ở một số dân tộc khác.

Đến khu mộ, người con trai trưởng lấy bó đuốc bằng tre đuổi hết hồn vía nằm ở dưới huyết mộ rồi cho phép hạ quan tài xuống huyết mộ (*phụ lục ảnh số 19*). Mộ của người Cống được đắp bằng đất, cao so với mặt đất khoảng 50cm. Đầu mộ được kê hòn đá để đánh dấu vị trí. Hai bên cạnh mộ được người ta sắp

xếp đồ dùng của người chết đã dùng khi còn sống để người chết có đồ dùng ở thế giới bên kia.

Trong lúc này, hàng rể phụ trách việc dựng cột cờ (*hàng tung nghê*), việc dựng cột cờ phải hoàn thành trước khi mộ được đắp xong (*phụ lục ảnh số 20*). Điều này thể hiện quan niệm của người Công: cột cờ biểu tượng cho người chết và con đường đi lại giữa tầng trời và tầng đất, do đó, cột cờ phải dựng xong trước khi mộ được đắp để người chết có thể “sử dụng”. Người thân trong gia đình sẽ sắp xếp vật dụng chia lại cho người chết (*phụ lục ảnh số 21*).

Mộ được đắp xong, con cháu trong gia đình bung ba mặt khu mộ bằng vách tre chỉ để hở một bên cạnh. Người con trai trưởng lấy bó sa nhân xua đuổi hồn của những người đang sống ra khỏi mộ rồi mới đóng vách tre còn lại để bao kín lán mộ. Họ hàng tay cầm ống lam và quả trứng ở đầu ống lam đưa vào trong nhà mồ để gọi hồn của mình và gia đình thu vào ống lam, tránh hồn lưu lạc hoặc vẫn vương người chết mà ở lại nghĩa địa (*phụ lục ảnh số 22*).

Trước khi ra về, người Công có tục chia vòng vàng, vòng bạc cho người chết tại cột *me khá* phía trước. “Vòng vàng” và “vòng bạc” là cách gọi tượng trưng song nó được làm bằng một đoạn tre mỏng uốn tròn. Theo quy định, mỗi một thành viên trong gia đình, dòng họ phải làm 2 vòng, một vòng vàng và một vòng bạc để chia cho người chết với ý nghĩa chia của cho người chết để có thể có cuộc sống sung túc, đầy đủ ở tầng trời.

Theo truyền thống, trên đường về, mỗi một thành viên trong đoàn phải ngắt một cành lá xanh có gai mang theo bên mình với ý nghĩa không cho ma ác bám theo về bản để làm hại. Khi về đến nhà tang chủ, cành lá gai này được ném vào lửa. Trước khi vào nhà, người con trai trưởng vào nhà trước làm nghi lễ đuổi hồn người sống. Người con trai trưởng cầm dao chạy lên nhà làm động tác xua đuổi với ý nghĩa đuổi hết hồn người sống xung quanh các góc nhà xuống dưới để mọi người trong đoàn đưa tang lúc này cầm ống lam với quả trứng hướng lên trên để hứng hồn của mình và những người thân trong gia đình mình vào ống lam và đồng thanh hô to ba lần “Hồn đã về”. Người Công cho

rằng nếu không làm như vậy hồn sẽ không cùng về một lúc sẽ dẫn đến người đó ốm đau và có thể đi theo người chết (*phụ lục ảnh số 23*). Trở về nhà mình, ông com lam và quả trứng được trộn vào nhau, chia cho mỗi thành viên trong gia đình một ít ăn với ý nghĩa thu giữ lại hồn của mình.

Sau nghi lễ đuổi và thu hồn vía, các thành viên là họ hàng của người mất mới trở về nhà mình để tắm rửa và sau đó quay lại nhà người chết ăn bữa cơm cộng cảm, chia buồn với gia đình. Trong truyền thống của người Công, con gái, em gái, em rể và con rể được chủ nhà đeo cho một vòng cổ bằng bạc để cảm ơn.

2.2.3. Tập quán và nghi lễ sau đám tang

2.2.3.1. Xem điềm lành dữ (*Nề già thồm me*).

Đây là nghi thức nhằm xem người chết đã yên ổn ở nơi ở mới chưa hay có thể về quấy phá gia đình và cũng nhằm xua đuổi hồn người chết khỏi nhà một cách có chủ ý. *Nề già thồm me* được tổ chức vào tối của hôm gia đình làm lễ chôn cất cho người chết xong. Để chuẩn bị cho nghi lễ này, người ta kê 3 viên gạch thành bếp để ở cửa chính. Trên bếp là chảo và chảo xôi. Bên trong chảo là một nắm xôi đỏ (*hàng nê*), một nắm xôi vàng (*hàng xu*), một nắm xôi trắng (*hàng piêu*) được nắm chặt và xếp gọn.

Nghi lễ được tổ chức khoảng 9h tối, tất cả thành viên tập trung ở phía trong nhà, đèn được tắt hết và phải ngồi im không được gây ra tiếng động. Người anh rể và chị gái ở bên ngoài, thắp một bó đóm, tay cầm một ống nước gõ vào chân cầu thang và hô “*Eo lau – Về đi*” ba lần rồi vút ống nước lên sàn. Người anh rể và chị gái đi thẳng về nhà, đầu không được phép ngoảnh lại nhìn. Những thành viên ở trong nhà khi nghe tiếng ống nước gõ vào chân cầu thang thì ngay lập tức thắp hết đèn có ở trong nhà và đồng thanh “*lêu, lêu, lêu, lêu – tức là đi, đi, đi*” với mục đích xua đuổi hồn người chết ra khỏi nhà.

Mọi người cùng xem chảo xôi, nếu có vết cắn dở ở nắm xôi là điều không tốt, nghĩa là người chết vẫn về và sẽ còn có người chết tiếp. Trong trường hợp

này, gia đình phải mời thầy về cúng gọi hồn cho tất cả các thành viên trong gia đình.

2.2.3.2. Tục đưa cơm cho người chết (hàng xa ê)

Ba ngày sau khi chôn cất người chết, người vợ và người con trai trưởng sẽ mang cơm ra ngoài mộ. Việc đưa cơm được tiến hành 3 ngày một lần và cũng chỉ thực hiện một lần trong ngày vào lúc sáng sớm. Đồ ăn mang theo gồm một ít cơm và một ít cá nướng (hoặc đồ ăn do nhà nấu hàng ngày) được bọc trong lá dong, một ống nước, một khúc củi đun dở. Khi đến mộ, người vợ trải lá dong lên cầu chia của rồi khăn mời người chết về ăn. Tục đưa cơm này được người Công duy trì cho đến Tết Ngô mới chấm dứt. Gia đình làm lễ cúng lập bàn thờ mới tại gia đình, lúc này, linh hồn người chết có thể về gia đình để thụ hưởng lễ vật cúng.

2.2.3.3. Tục để tang (Chang hã xia lòng mia)

Giống như các dân tộc khác, người Công có tục để tang và sử dụng màu trắng để báo hiệu cho việc để tang này. Khi trong nhà có bố (hoặc mẹ) mất, người con trai và con dâu phải mặc bộ quần áo bằng vải trắng, đầu quấn khăn trắng. Nếu là con gái và con rể thì chỉ cần mặc áo ngắn màu trắng. Nếu chồng hoặc vợ chết thì người còn lại chỉ cần quấn khăn trắng ở trên đầu.

Trong thời gian để tang, các thành viên trong gia đình tang chủ không được phép tham gia các hoạt động mang tính cộng đồng như vui chơi, lễ hội, đám cưới, dựng nhà mới.... Việc để tang này kéo dài đến Tết Ngô (1/6 AL) cùng với việc lập bàn thờ mới trong gia đình mới kết thúc.

2.2.3.4. Lễ lập bàn thờ (hà me tơ nghê)

Lễ lập bàn thờ mới được thực hiện vào ngày 30/5 âm lịch (trước tết Ngô một ngày). Lễ lập bàn thờ do người con trai cả thực hiện. Từ sáng sớm, người con trai cả vào rừng, chặt một lóng tre mới mang về. Về đến nhà, đoạn tre được chẻ để lấy 2 mảnh dài và được cài vào vách buồng ngủ. Ở giữa cài 2 gói lá dong mới (một cho tổ tiên và một cho người chết), bên trong để 3 hạt gạo.

Mâm cúng được đặt phía trước gồm có: 1 bát gạo với một vòng tay bằng bạc được để ở giữa, hai đôi đũa (một đôi cho tổ tiên và một đôi cho người chết), một chén nước và một chén rượu và một con gà trống.

Người con trai quỳ trước bàn thờ mới lập, cầm gà trống cúng : “Hôm này là ngày tốt, gia đình lập bàn thờ mới cho bố (mẹ) và tổ tiên ở. Bố (mẹ) giúp cho con cháu làm ăn được tốt, đừng quấy nhiễu gì”. Khấn xong, người con trai cả nhổ một ít lông ở hai bên cánh và cài lên bàn thờ. Con gà được cắt tiết, lấy một ít gan và thịt để cúng lần thứ hai.

Thực hiện xong nghi lễ lập bàn thờ tổ tiên cũng là kết thúc quy trình tổ chức một đám ma. Người nhà có thể bỏ khăn tang, áo tang và cũng không phải đưa cơm ra mộ. Mộ của người chết từ lúc này sẽ không cần phải chăm sóc thường xuyên nữa.

2.2.4. Một số tục lệ và trò chơi trong đám ma.

Trong đám ma của người Công diễn ra nhiều tục lệ và các trò chơi. Do quá trình tổ chức đám ma trong truyền thống có thể kéo dài từ 4 đến 7 ngày (hay thậm chí trước đây còn nhiều hơn), người Công tổ chức nhiều tục lệ và trò chơi vừa nhằm lấp đầy khoảng trống vào các buổi tối, vừa để gia chủ bớt đau buồn và cũng vừa để anh em họ hàng có thêm một không gian để vui chơi sau một ngày vất vả. Trong quá trình điền dã tại thực địa, chúng tôi thấy, người Công ở Nậm Khao có một số tục lệ và trò chơi được tổ chức trong đám ma. Trong đó, một số tục lệ và trò chơi chỉ xuất hiện trong đám ma mà không được tổ chức trong các dịp lễ tết hay các hoạt động cộng đồng khác.

2.2.4.1. Múa xòe của người chết (nệ già kha kha già nê)

Nghi lễ này được tổ chức vào các tối sau khi diễn ra nghi lễ nhập quan cho người chết và chỉ thực hiện trước khi đưa người chết ra nghĩa địa. Địa điểm tổ chức được diễn ra gian chính của ngôi nhà. Múa xòe cho người chết vừa là nghi lễ với ý nghĩa đưa hồn của những người đã khuất về (thông qua chiếc gùi được nhập hồn) để vui chơi với con cháu, anh em họ hàng, vừa là trò diễn rất được người Công ưa thích bởi sự tò mò, tính tâm linh khó lý giải tại sao chiếc

gùi có thể thể múa theo các điệu múa truyền thống và cũng để “gặp lại” những người đã khuất.

Để chuẩn bị, người ta lấy một chiếc gùi đã qua sử dụng, úp ngược lại, để một quả bầu tròn lên phía trên để làm đầu, phần giữa gùi xỏ một cành cây ngang để làm tay. Quả bầu được quấn khăn, cành cây ngang được xỏ áo, phần miệng gùi được xỏ váy cho chùng xuống.

Trước khi tiến hành nghi lễ, người con rể cả thấp đèn sáp ong tại cửa chính, miệng huýt sáo, tay phải dùng quạt phe phẩy rồi khấn mời người chết về nhập vào chiếc gùi. Gùi được đặt lên tay hai người con gái của người chết (hoặc em gái). Theo đồng bào, khi hồn nhập, chiếc gùi sẽ chuyển động theo các động tác múa xòe: lên, xuống, sang trái, quay phải hay thậm chí lộn ngược mà không bị rơi. Người giữ chiếc gùi chỉ thuận theo hướng di chuyển của chiếc gùi mà chuyển chân tay cho phù hợp. Điệu múa dừng lại khi tổ tiên đang “nhập” không muốn múa nữa. Điểm khác biệt trong múa *Nệ già kha kha già nê* là người gọi hồn ngoài gọi hồn người chết còn có thể gọi bất kỳ ai đã mất trong họ hàng bên nội, bên ngoại của người chết. Điều này khiến cho đêm múa xòe trở nên sôi động và hào hứng. Có thể nói, đây là một nét khác biệt và thể hiện rõ đặc trưng văn hóa của người Cống.

Tham dự một đám ma của người Cống, có thể thấy rằng, người Cống không quá đau buồn, khóc lóc, tiếc thương như ở người Kinh mà ở một vài nghi lễ nó lại có phần sống động bởi họ quan niệm: cuộc sống ở thế giới tầng trời mới là cuộc sống sung sướng, no đủ, tổ chức nhiều nghi lễ, trò chơi là để mong muốn người chết có một cuộc sống vui tươi, tốt đẹp hơn khi người đó còn sống và cũng để giảm bớt không khí u buồn thường thấy trong đám ma.

2.2.4.2. Tục canh nhà sàn (*mì chà hê thỏ a lô ê*)

Tục canh nhà sàn được diễn ra tất cả các buổi tối của tang lễ. Theo quan niệm của người Cống, ở các gia đình có việc tang, vào các tối thường có ma cà rồng (*pa pa lô ê*) đến để ăn trộm gia súc, bắt hồn vía của mọi người trong gia đình. Để ngăn chặn việc này mọi người phải đốt lửa ở bên cạnh cầu thang và ở

phía trước cửa ma, cùng thức để trông. Họ còn cho rằng, nếu ai muốn ngủ thì phải bôi nhọ (*mì na lế*) để ma cà rồng không nhận ra mới không bị bắt đi.

2.2.4.3. Tục dùng sinh thực khí (*pha xi tờ nghê*)

Đây là trò chơi mang tính phần thực rõ nét với vật dụng mang tính sinh thực khí của người đàn ông (một chiếc chày hoặc một đoạn gỗ) và sinh thực khí của người phụ nữ (một ống tre). Cách chơi cũng thể hiện sự phần thực rất rõ: người đàn ông cầm đoạn cây gỗ đuổi người phụ nữ cầm ống tre chạy xung quanh nhà tang chủ. Khi đuổi được, người đàn ông phải tìm cách đưa được đoạn gỗ vào trong ống tre. Tùy thuộc sự đồng ý hay không mà người phụ nữ sẽ đưa ống tre ra đỡ trong tiếng reo hò của những người chứng kiến. Cũng giống như trò đổ quả, trò chơi này chỉ được chơi trong các dịp đám ma, tuyệt đối không chơi các dịp lễ tết, hội khác của người Cống.

2.2.4.4 Trò giấu quả (*má lệ me cai*)

Người ta dùng một quả *má lệ* để đạo cụ để chơi. Một nhóm từ 7-10 người ngồi xôm thành một vòng tròn, một người đứng (hoặc ngồi ở giữa vòng tròn). Cách chơi: quả *má lệ* được chuyển dưới tay của những người chơi ngoài vòng tròn, người ở giữa phải đoán được xem quả *má lệ* đang ở tay người nào, đoán đúng thì người đang cầm quả *má lệ* phải vào thay cho người đoán.

Trò chơi đổ quả mang tính cộng đồng, đơn giản về luật lệ và đạo cụ chuẩn bị (nếu không có quả *má lệ* có thể dùng bất cứ vật dụng nào nhỏ gọn), thu hút được nhiều nam nữ thanh niên và trung tuổi tham gia. Đây là trò chơi được ưa thích không chỉ ở tính đơn giản, dễ chơi mà thực tế nam nữ trong quá trình chơi được phép đụng chạm vào nhau (để tìm quả *má lệ*) hay thậm chí quá đà còn có thể sờ mó mà không bị trách phạt. Tuy nhiên do tính có thể “đụng chạm” người khác giới mà trò đổ quả chỉ được cộng đồng người Cống tổ chức trong các dịp đám ma, không được sử dụng trong các dịp lễ, tết, hội khác.

Ngoài trò đổ quả, theo lời những người già ở đây, người Cống trước đây còn có hình thức chơi bài bằng các lá bài gỗ (*phài tô ê*), trên có khắc các dấu chấm từ một cho đến chín và một số ký hiệu khác. Tuy nhiên, cách chơi và số

lượng bài không còn ai nhớ được. Ngày nay, hình thức chơi bài này không còn trong đám ma của người Cống.

2.2.5. Tang ma dành cho người chết không bình thường

Trong cuộc sống, người Cống rất kiêng kỵ và lo sợ những cái chết không bình thường mà người Cống gọi là chết ngoài nhà (*mơ oa xi kháy*). Họ quan niệm đây là sự xui xẻo của gia đình và những cái chết này là không tốt, linh hồn của những người này đã bị thất lạc, không còn ở trong nhà, tổ tiên sẽ không nhận.

Những cái chết không bình thường như chết do tai nạn do hổ vồ, chết đuối, chết ở trong rừng, chết không tìm thấy xác hoặc do bệnh tật đột ngột.... gia đình không thông báo rộng rãi, không tổ chức lớn, không được để lâu và không mời thầy cúng đưa đường cho người chết. Trong quá trình thực hiện các nghi thức cũng chỉ có người thân trong gia đình, không có sự tham dự của các thành viên trong cộng đồng như những cái chết bình thường. Theo ông Chảo Văn Sơn (thầy cúng bản Nậm Luông) cho biết: Sở dĩ người Cống thực hiện nghi thức tang ma đối với những trường hợp chết ngoài nhà như vậy do họ quan niệm đây là những cái chết xấu, hồn của người chết không được ma nhà bảo vệ, phải lang thang ở bên ngoài để kiếm ăn, có thể trở thành ma ác hại người. Về điểm này, một số dân tộc thuộc cùng nhóm ngôn ngữ và sống trong tỉnh Lai Châu như La Hủ hay Hà Nhì có những điểm tương đồng. Người La Hủ và Hà Nhì ở đây coi những trường hợp chết ngoài nhà là những trường hợp chết xấu như chết trong rừng, chết, người chết ở đâu sẽ được chôn ở đó và không tổ chức làm ma lớn như đối với các trường hợp chết ở trong nhà.

Với những người chết ở trong rừng, chết đuối song vẫn tìm được thấy xác, người ta sẽ để thi thể của người chết tại chỗ. Những người thân trong gia đình sẽ tìm gỗ, khoét thành quan tài, dùng vải trắng quấn rồi chôn ngay tại chỗ. Mâm cúng cơm trước khi chôn chỉ có bát cơm, ít thịt nướng (hoặc luộc) từ gà (trong trường hợp này, gia đình ít khi dùng lợn để cúng). Mộ để bằng và không dựng nhà mồ, phía đầu được đánh dấu bằng một hòn đá. Hồn người chết trong

trường hợp này không được nhập vào bàn thờ tổ tiên do đó không mời thầy cúng và cũng không dựng cột cờ. Hằng năm, gia đình đến Tết Ngô, đồng bào làm một mâm cơm cúng để ở ngoài cổng để những người này về nhận chứ không làm mâm cơm cúng trước bàn thờ tổ tiên.

Với những người chết không tìm thấy xác do lũ cuốn, chết trên sông, chết do thú rừng ăn thịt, người Cống sẽ phải làm một hình nộm bằng cỏ tranh, cho mặc quần áo cũ của người chết rồi làm nghi lễ gọi hồn về nhập vào trong hình nộm. Sau khi hồn nhập vào xác, người nhà sẽ chôn hình nộm tại nơi xảy ra. Những người chết ở hình thức này không làm mộ cao, không làm nhà mồ, không làm cột cờ. Hằng năm, đồng bào cũng sẽ làm mâm cơm cúng ở ngoài cổng như các hình thức chết ngoài nhà khác.

Trẻ em dưới 1 tuổi không may qua đời sẽ được người Cống tổ chức song phạm vị bó hẹp chỉ các thành viên trong gia đình. Đồng bào quan niệm, do trẻ “chưa được cúng cấp, hồn của nó cũng vậy” nên dù có thương tiếc thì cũng không được nhập vào bàn thờ tổ tiên. Trong trường hợp này, gia đình dùng một dải vải trắng để bao bọc, làm một mâm cơm nhỏ cúng cho ăn rồi đưa ra nghĩa địa để chôn. Trẻ em dưới 15 tuổi khi chết không mời thầy cúng đưa ma, chỉ làm mâm cơm cúng, lấy ván ghép lại thành quan tài rồi đem đi chôn.

Đặc biệt, người Cống kiêng kỵ người khác chết ở trong nhà, nhất là người khác họ. Trong trường hợp này, gia đình phải đưa người chết ra lán tạm ở ngoài bản, mổ gà, làm lễ gọi vía cho tất cả các thành viên của gia đình rồi dùng bó cây sa nhân để xua đuổi hồn người chết ra khỏi nhà. Gia đình có người chết cũng phải chịu một con lợn khoảng 30 cân để gia đình làm lễ cúng tổ tiên.

Tổ chức đám ma cho người chết là một nghi thức để tiễn đưa người chết về với thế giới bên kia. Đây vừa là hình thức báo hiếu, thể hiện tình cảm của người sống với người chết, vừa thể hiện cách ứng xử giữa những người đang sống với nhau. Tùy thuộc cái chết ở dạng thức nào mà đồng bào có cách ứng xử phù hợp.

Tiểu kết chương 2

Tang ma của người Cống phản ánh những tín ngưỡng của cộng đồng với quan niệm về sự tồn tại của linh hồn, về cái chết. Thông qua tiến trình và cách thức tổ chức có thể thấy, tang ma của người Cống là phức hợp các quan niệm gắn với nghi lễ tang ma và các mối quan hệ ứng xử giữa người sống với người chết, người sống với người sống. Trong tang ma, những người thân trong gia đình phải tiến hành các nghi lễ nhằm thỏa mãn đời sống tâm linh của người sống và mong muốn sự phù hộ, giúp đỡ của người chết khi đã được làm hài lòng.

Làm ma cho người chết là việc hiếu, do đó, các nghi lễ được tổ chức chu đáo để tỏ lòng hiếu kính với bố mẹ, dù có tốn kém về vật chất.

Các bước trong nghi lễ tang ma của người Cống ở xã Nậm Khao còn giữ được khá nguyên vẹn so với truyền thống. Nhiều nghi lễ còn được bảo tồn gần như nguyên vẹn như lễ khâm liệm cho người chết, lễ cúng cơm, lễ hiến sinh đưa đường, nghi lễ đưa hồn người chết về tầng trời.... Thông qua lời dẫn đưa đường của thầy cúng có thể thấy rõ quan niệm chu kỳ của một đời người ở dương thế cũng giống như chu kỳ một đời người sau khi chết.

Tang ma của người Cống chứa đựng hệ thống ứng xử gia đình và xã hội, tác động nhất định đến con người và xã hội của cộng đồng người Cống. Tổ chức tang ma cũng là một hình thức nhằm cân bằng lại cuộc sống tinh thần của người sống.

Chương 3

MỘT SỐ GIÁ TRỊ VĂN HÓA TỘC NGƯỜI VÀ SỰ BIẾN ĐỔI TRONG CÁC NGHI LỄ TANG MA

3.1. Đặc trưng văn hóa thể hiện trong tang ma

3.1.1. Tang ma biểu hiện xã hội tộc người.

Tang ma của người Cống biểu hiện sâu sắc vai trò của gia đình, dòng họ và làng bản. Ở góc độ gia đình, tính phụ quyền được thể hiện khá rõ nét, đó là vai trò của các thành viên là nam giới trong gia đình, nổi bật là con trai trưởng và chủ đám (*xu cà*). Trong đám ma của người Cống, người con trai trưởng luôn gánh trách nhiệm lớn: luôn có mặt và thực hiện hầu hết các công việc chính trong đám ma cho bố (mẹ) mình : dỡ bàn thờ và vách ngăn, tắm rửa và mặc quần áo mới cho bố, đi mời thầy cúng, túc trực bên quan tài, thực hiện nghi lễ mời cơm, dẫn đầu đoàn đưa bố (mẹ) ra nghĩa địa... Đối với người con trai thứ là việc đi báo tin, dẫn đầu đoàn đi lấy gỗ làm quan tài, cúng mời cơm cùng với người anh cả, tiếp đón khách đến viếngkhiên quan tài của bố (mẹ) mình... Trong một đám tang, bao giờ cũng có vai trò của một chủ đám (*xǎng xưng*) để lo toan mọi việc trong đám tang. Qua tìm hiểu tại thực địa, chỉ có các thành viên là nam giới có mối quan hệ huyết thống với người chết mới đảm đương chức vụ này. Các thành viên khác phải chịu sự chỉ đạo từ chủ đám thực hiện các công việc. Nếu như trong công việc thường ngày, các thành viên trong gia đình được phân công thực hiện một công việc cụ thể thì trong đám tang của người Cống, từng thành viên tùy theo vị trí, vai trò trong quan hệ với gia đình tang chủ sẽ có những công việc tương ứng của mình. Việc phân công này được quy định một cách chặt chẽ và hầu như không đổi trong đám tang của người Cống.

Trong tang ma của người Cống, việc phân định vị trí ngồi hết sức rõ ràng. Những thành viên là nam giới và có quan hệ huyết thống với người chết được ngồi ở khu vực bên trái (gần với nơi để quan tài) trong khi các thành viên là nữ giới chỉ được ngồi ở phía bên phải. Trong đó, các thành viên lớn tuổi hơn được gọi gần với quan tài hơn và ngược lại. Điều này hoàn toàn tương đồng

trong việc sử dụng mặt bằng sinh hoạt trong gia đình của người Cống khi phân chia hai phần với việc chú trọng không gian thờ cúng tổ tiên của gia đình.

Đối với hàng rế (bác rế, chú rế, con rế, cháu rế) thì nhiệm vụ chính luôn là công việc nấu nướng, chuẩn bị các lễ vật cúng và dựng cột cờ.... Trong số này, người rế cả bên đảng nội đóng vai trò quan trọng, anh ta phải thực hiện lễ hiến sinh và lễ nhận mặt tổ tiên, ngoài ra anh ta có thể phân công và điều chỉnh hoạt động của các thành viên là “hàng rế” của mình. Trên thực tế, qua khảo sát thực địa, hầu như không có sự khúc mắc hay không vừa lòng trong việc thực hiện vì hầu như các thành viên “hàng rế” đều nhận thức được công việc và chú tâm vào công việc được giao với mong muốn hoàn thành tốt nhất để được các thành viên nhà vợ “nhìn vào” và công nhận. Các thành viên trong họ tộc thì mỗi người mỗi việc: tham gia vào đoàn đi tìm cây làm quan tài, tìm dây rừng để bện, xẻ da trâu bện làm dây trong lễ mời tổ tiên về nhận mặt, chuẩn bị các vật dụng để cúng...

Với các thành viên là nữ giới, luôn có một đến hai người là em gái (hoặc chị gái nếu không có em gái) thực hiện công việc tìm đất, làm nhuyễn và liên tục trát các kẽ hở của quan tài. Từ đầu cho đến hết đám tang, người em gái này không cần phải tham gia các công việc khác mà chỉ cần đảm nhận công việc trát đất vào kẽ hở của quan tài. Người Cống cho rằng, chỉ có người em gái chịu khó, cần mẫn mới bỏ công bỏ sức làm nhuyễn đất, tỉ mỉ trát kín khe hở quan tài cho người anh của mình. Việc người em gái không được giao công việc khác phần vì đây là công việc tốn nhiều thời gian, phần vì người Cống quan niệm, làm công việc này bẩn, mất vệ sinh nên không được giao công việc khác. Các thành viên là chị em khác đảm nhiệm công việc khâu các bộ tang phục, làm các dải cờ, quạt để trang trí trong nhà mồ. Đối với hàng dâu, họ có trách nhiệm tắm rửa và mặc quần áo mới cho mẹ chồng, trải vải trắng lót dưới quan tài và phụ giúp các thành viên là nữ giới khác trong việc khâu tang phục, làm dải cờ, quạt... Trẻ em trong gia đình tuy không phải tham gia vào các công việc song cũng được người lớn nhắc nhở không được đi chơi sang nhà khác, chỉ được phép quanh quẩn trong gia đình.

Vai trò của dòng họ khá rõ nét trong tang ma của người Cống. Dòng họ (*sín*) của người Cống gồm những họ chính như họ Lò, họ Chang, họ Chảo, họ Khoàng, họ Lý, họ Sếng.... Với quan niệm có nhiều kiêng kị liên quan đến việc bảo vệ phần hồn của con người, đặc biệt là trong đám tang, người Cống thường ngày đã kiêng kị khi nhắc đến và càng kiêng kị tham gia. Do đó, chỉ có những người thân trong gia đình, anh em trong dòng họ mới tham gia trực tiếp vào các công đoạn của đám tang. Nhiều nghi lễ qua khảo sát thực địa chỉ có anh em dòng họ là được tham gia như lễ cúng đưa đường cho người chết về tầng trời.

Tang ma của người Cống thể hiện một quy tắc ứng xử giữa các thành cá nhân trong gia đình, dòng họ với cộng đồng thôn bản. Cách ứng xử đó tạo nên mối giao ước và những quy tắc không chỉ liên quan đến người chết, mà còn ràng buộc những người sống với nhau, buộc con người sống trong cộng đồng phải có nghĩa vụ, trách nhiệm với cộng đồng

Một số cách chế biến lễ vật cúng thể hiện tàn dư của quan niệm phân chia người nghèo và người giàu. Ở người Cống, trong quá trình thực hiện các nghi lễ cúng, một số dòng họ khi giết gia súc, gia cầm họ cắt tiết khi còn sống rồi lấy một số bộ phận để nướng rồi mới cúng, một số khác thì dùng cây gỗ đập chết rồi mới cắt tiết song lại luộc để cúng. Theo lời ông Chảo Văn Sơn (bản Nậm Luông) và ông Lý Văn Lam (bản Nậm Khao) cho biết: những gia đình dùng cây gỗ, que đập chết trước đây là những gia đình nghèo, phải đi ăn trộm của những gia đình giàu, do sợ cắt tiết bị lộ nên phải dùng que đập chết. Sau này con cháu nhớ đến ông bà khi giết thịt con vật để cúng đều làm như vậy.

3.1.2. Tang ma biểu hiện giá trị nhân văn trong đời sống tộc người.

Trong cuộc sống, người Cống luôn thể hiện sự hiếu kính, dành những gì tốt đẹp nhất cũng như sự chăm sóc đối với những người lớn tuổi. Khi có người thân qua đời, các thành viên trong gia đình không chỉ thể hiện sự hiếu kính của mình qua thái độ, hành vi ứng xử mà còn thông qua việc không tiếc của cải vật chất, thời gian và công sức, cố gắng tổ chức tang lễ sao cho chu đáo, đưa được hồn người thân của mình về với tầng trời, sum họp với ông bà, tổ tiên. Đó vừa

là mục tiêu nhưng đồng thời cũng thể hiện sự tôn trọng, đạo hiếu của những người còn sống đối với người đã khuất.

Sự tôn trọng và hiếu kính này không chỉ được thể hiện ở trong phạm vi các thành viên trong gia đình tang chủ mà còn ở các thành viên trong họ tộc và trong cộng đồng. Trong cuộc sống thường ngày, mối quan hệ giữa các thành viên trong cộng đồng được diễn ra liên tục, bền bỉ, mọi người đều biết mặt nhau, đều có sự thăm hỏi, chia sẻ trong cuộc sống. Khi trong bản có một gia đình tổ chức tang lễ, dù việc thông báo ít được diễn ra một cách rầm rộ và quan niệm về hồn vía trong tang ma còn nặng nề song những người khi biết tin đều tự nguyện đến với gia đình, cố gắng giúp những gì trong khả năng có thể.

Nghi lễ tang ma của người Cống thể hiện một hệ thống các quan niệm về thế giới quan, linh hồn và cái chết với hệ thống các nghi lễ theo một quy trình chặt chẽ, mang đậm bản sắc tộc người. Trong nghi lễ cúng đưa đường người chết và nghi lễ mời tổ tiên về nhận mặt, nội dung các bài khấn đều hướng đến việc hiếu kính với những người đã khuất, hướng đến việc đưa linh hồn người chết về đến tầng trời để sum họp với tổ tiên. Trong nghi lễ mời tổ tiên về nhận mặt còn có ý nghĩa giáo dục ý thức của các thành viên trong gia đình luôn nhớ về tổ tiên, nhớ về ông bà, bố mẹ đã mất. Việc nhắc lại tên những người đã khuất còn được coi là một nét sinh hoạt văn hóa có ý nghĩa nhân văn sâu sắc, đồng thời cũng có ý nghĩa giáo dục to lớn mà qua đó, người Cống muốn thể hiện sự nhớ thương, sự biết ơn và tôn kính của những người đang sống với ông bà, tổ tiên. Điều này biểu hiện sâu sắc đạo hiếu, đạo nghĩa, cách ứng xử của người sống dành cho người chết, người sống với người sống.

3.1.3. Tang ma biểu hiện đời sống vật chất tộc người.

Một trong những đặc trưng trong cư trú của người Cống ở xã Nậm Khao là sinh sống mật tập theo từng bản, ít có dân tộc khác sống cộng cư. Khi trong bản có tang lễ, gia chủ chỉ cần dùng súng kíp báo hiệu là anh em họ hàng đều biết tin và đến giúp đỡ trong thời gian ngắn. Đối với các thành viên khác bản, trong truyền thống, việc báo tin này thường được thực hiện bằng cách đi

thuyền, mải dọc theo sông Đà hay đi bộ theo các lối mòn (song sẽ mất thời gian hơn).

Bên cạnh đặc trưng sống mật tập, một trong những đặc trưng trong tang ma của người Cống là khu vực nghĩa địa luôn nằm ngoài phạm vi bản, thường được tổ chức ở phía cuối bản và phải cách ít nhất là một lạch nước chảy ngang. Việc nghĩa địa nằm cách xa bản và cách một lạch nước vừa đảm bảo công tác vệ sinh, môi trường, cảnh quan của bản song cũng vừa “đảm bảo” người sống khó quay về nếu không được gia đình “mời”.

Với đặc trưng nhà ở là loại hình nhà sàn, không gian tổ chức tang ma được diễn ra chủ yếu ở trên sàn nhà. Trên không gian này, người Cống quy định các khu vực cụ thể, phù hợp với mặt bằng sinh hoạt thường ngày, như: quan tài của người chết được để vị trí thường nằm, không gian giành cho nam giới luôn là bên trái cửa ra vào, phía trước bàn thờ tổ tiên; khu vực của nữ giới là ở bên phải; khu vực nấu ăn luôn nằm ở bếp ngoài nhà. Cũng như vậy, không gian thực hành các nghi lễ của thầy cúng luôn ở phía bên phải của quan tài, đây là khu vực hạn chế nữ giới ra vào.

Nếu chưa đến Tết Ngô của đồng bào (1/6 âm lịch), một đặc trưng trong ngôi nhà có người vừa mất là không có sự hiện diện của bàn thờ tổ tiên cũng như các vách buồng chủ nhà ở phía bên trái ngôi nhà. Điều này được quy định bởi quan niệm lập bàn thờ và dựng vách mới chỉ được phép tiến hành trong dịp tổ chức Tết Ngô của người Cống.

Tang ma của người Cống phản ánh rõ nét văn hóa âm thực truyền thống. Trong tang ma của người Cống, ta có thể thấy hình tượng quả trứng và bát gạo xuất hiện lặp đi lặp lại khá nhiều. Trong quan niệm của người Cống, quả trứng là nơi có thể lưu giữ, bảo vệ linh hồn của người chết lúc này còn đang nhỏ và yếu (người Cống quan niệm sau khi chết, hồn người chết khi xuống cầu thang trở thành trẻ con, qua bài cúng đưa đường mới lớn dần trở thành người trưởng thành, và ngược lại với người chết trẻ), bát gạo vừa là lương thực quan trọng của người Cống, vừa được coi là “vật dụng” nuôi dưỡng linh hồn của người chết trong quá trình thực hiện các nghi lễ.

Trong truyền thống, cây ngô chiếm một vị trí quan trọng trong cơ cấu bữa ăn của người Cống (điều này được chứng minh qua ý nghĩa, vai trò và lễ vật phải có trong Tết Ngô – một lễ tết quan trọng nhất của đồng bào Cống), tuy nhiên gạo (chủ yếu là nếp) là một lương thực quan trọng không chỉ được sử dụng chủ yếu trong các bữa ăn trong tang ma mà còn được sử dụng để cúng cơm và nuôi dưỡng linh hồn cho người chết. *“Dù nhà nghèo hay không còn gạo cũng phải xoay trở để có được ít gạo để cúng, dù có phải dùng đến thóc giống”*, ông Chang Văn Phấn (bản Pô Léch) cho biết.

Đối với các lễ vật cúng, ngoài lễ vật trong lễ cúng đưa đường, các lễ vật trong lễ cúng cơm thường chỉ là một ít cơm, một ít thịt từ gan, mỡ của con vật được xiên que nướng lên. Bên cạnh đó, tuy ít dùng ống lam để đồ cơm hằng ngày nhưng trong đám ma nhất thiết phải có ống lam và quả trứng ở phía trên dùng để gọi hồn vía. Điều này góp phần phản ánh hình thức chế biến cơ bản bằng lửa truyền thống của người Cống. Ông Lò Văn Hom (thầy cúng bản Pô Léch) cho biết *“Trước đây, việc nấu ăn của người Cống thô sơ và đơn giản, ông bà chỉ dùng ống tre, ống bương để nấu cơm, đồ rau”*.

Trong các con vật được giết thịt thì trâu, chó, lợn, gà... là những con vật gần gũi trong cuộc sống hằng ngày. Trừ chó chỉ được giết thịt hiến sinh trong đám ma, các con vật còn lại đều được người Cống nuôi thả quanh nhà, cung cấp sức kéo và nguồn thực phẩm cần thiết cho gia đình.

Đồ uống sử dụng trong tang ma người Cống chủ yếu là rượu gạo hoặc rượu sẵn tự nấu. Khi cúng cho người chết, bao giờ cũng có một chén rượu và một chén nước được đặt cạnh bát cơm cúng. Tuy nhiên, đồng bào Cống không quá lạm dụng trong việc sử dụng rượu trong đám ma vì họ quan niệm: đến để giúp tang chủ lo liệu cho người chết, uống nhiều thì không làm được.

Qua khảo sát thực địa, một điểm dễ nhận ra là ẩm thực trong đám ma của người Cống là loại hình món ăn không đa dạng, chỉ có xôi, thịt cắt khúc rang với muối (hoặc gia vị) và một bát canh. Ít bắt gặp các loại rau hay thịt được chế biến, xào nấu công phu như ở một số tộc người khác. Cách bày biện

cũng có phần đơn giản với việc lót lá chuối ở dưới mâm, các đồ ăn được bọc trong lá chuối thành từng gói khác nhau.

Trong một đám tang, bao giờ cũng phải cúng cơm cho người chết ăn trước. Hay như trước khi ăn, bao giờ các thành viên trong mâm cũng lấy một ít cơm viên tròn với ít thịt rồi thả xuống gầm sàn với mong muốn chia cho ma tổ tiên, ma ngoài ăn rồi mới được phép cầm đũa dùng bữa.

Tang ma góp phần phản ánh hệ thống công cụ lao động của người Cống như dao, cuốc, rìu... Trong đó nổi bật là loại hình dao, dao không chỉ có tác dụng trong lúc đi phát quang mở đường (vào rừng, vào khu vực nghĩa địa) mà còn có ý nghĩa là vật trừ tà, các thành viên quan trọng trong đám ma như người con trai trưởng, con trai thứ luôn phải đeo trong lúc thực hiện các lễ nghi quan trọng. Với quan niệm người chết về tầng trời cũng cần công cụ lao động để có thể sản xuất, bên cạnh việc chia các vật dụng thường ngày như bèm đựng quần áo, chiếu, chăn, gói, màn..., người Cống còn chia cho người chết: cuốc, dao, gậy chọc lỗ... được làm bằng gỗ và tre.

Tang ma cũng góp phần phản ánh phương tiện vận chuyển lương thực thực phẩm. Hình ảnh chiếc gùi đựng nông sản, vật phẩm đến viếng hay gùi lễ vật trong đoàn người ra khu mộ là hình ảnh dễ bắt gặp trong tang ma của người Cống.

3.1.4. Tang ma phản ánh tín ngưỡng tộc người.

Tang ma của người Cống gắn chặt chẽ với quan niệm coi mọi vật và con người đều có linh hồn và thế giới có ba tầng: tầng trời, tầng đất và tầng âm. Ở mỗi một tầng là một thế giới có cuộc sống của con người, có ruộng vườn, nhà cửa, trâu bò, có các hoạt động lễ hội, trò chơi... như thế giới của người đang sống. Đây như một tấm gương phản chiếu cuộc sống hiện thực vào thế giới bên kia, phản ánh đời sống tâm linh của đồng bào.

Trong quan niệm về cái chết, linh hồn người chết được thầy cúng dẫn dắt về với tầng trời, sum họp với bố mẹ, ông bà tổ tiên. Linh hồn người chết sau khi chết cần có sự bao bọc bảo vệ trong quả trứng, khi bước xuống cầu thang trở

thành trẻ con, ham chơi, thích vui đùa, khám phá, thầy cúng phải dẫn dắt linh hồn đi qua nhiều nơi, nhiều chốn. Cứ qua một chặng đường, linh hồn dần lớn lên, vào đến tầng trời trở thành người trưởng thành, gặp lại bố mẹ, gặp lại người vợ (người chồng) đã mất, cưới lại và tổ chức cuộc sống mới ở tầng trời.

Quan niệm về số hồn trong cơ thể con người cũng chi phối cách thức làm dải vải tại cột cờ: nếu là nam thì làm 19 quạt, nếu là nữ thì làm 12 quạt để gắn lên dải vải. Dựa vào số quạt, ta có thể biết người mất là nam hay là nữ.

Thông qua tang ma, người Công khẳng định một lần nữa triết lý về thân phận con người, khi sống có 2 phần: phần xác và phần hồn. Khi chết, thân xác ở lại với con cháu, linh hồn sẽ về đoàn tụ với tổ tiên ở tầng trời. Tang ma không phải là sự đứt đoạn của sự sống mà là một cột mốc báo hiệu sự thay đổi để bắt đầu một cuộc sống mới ở một thế giới mới.

3.1.5 Tang ma bảo lưu các loại hình nghệ thuật dân gian tộc người.

Tang ma của người Công lưu giữ nhiều loại hình nghệ thuật dân gian tộc người, đó là các hình thức diễn xướng, nghệ thuật tạo hình (quan tài, cột cờ, nhà mồ...) và các trò chơi dân gian.

Trong đám ma truyền thống, vào các buổi tối, người Công thường tổ chức múa xòe của người chết (*nệ già kha kha già nê*). Thông qua chiếc gùi, hồn của những người đã mất được nhập vào và thực hiện các động tác múa để vui chơi với con cháu, anh em họ hàng. Tuy người cầm gùi chỉ lựa tay để múa theo chiếc gùi song đây là trò diễn rất được người Công ưa thích. Với các điệu múa được biểu diễn, người Công phô diễn các kỹ thuật múa xòe *Già nê* truyền thống của mình với các tư thế lên, xuống, quay vòng...

Trong nghệ thuật tạo hình, bằng bàn tay tài hoa của mình, người Công là một trong những bậc thầy về việc tạo hình quan tài bằng gỗ. Với các kỹ thuật chêm, chặt, đóng, chẻ, đốt lòng... người Công có thể tạo ra quan tài bằng cây nguyên khối phù hợp với yêu cầu của tang chủ. Bên cạnh đó, việc dựng cột cờ với nhiều chi tiết kèm theo thể hiện sự khéo tay của hàng rẫy, dải vải có đẹp hay

không la sự khéo tay của các thành viên là nữ giới trong gia đình. Một số trò chơi mang tính đặc thù, chỉ có trong đám ma như đổ quả (*má lệ me cai*) cũng được bảo tồn.

Nghệ thuật diễn xướng thông qua lời cúng dẫn đường của thầy cúng cũng là một nét đặc trưng trong tang ma của người Cống. Lời cúng khi trình bày chỉ được nói bằng tiếng Cống, tùy từng địa điểm dẫn hồn người chết đến và việc “nhập vai” nào (thầy cúng hay hồn người chết) mà giọng thầy cúng có sự thay đổi: lúc quát mắng khi linh hồn bỏ đi chơi, lúc nhẹ nhàng khi khuyên nhủ, lúc năn nỉ chuộc hồn khi hồn bị đôi vợ chồng hiểm muộn bắt mắt, lúc lo lắng khi tìm mãi không thấy hồn, lúc xúc động khi chia tay từ biệt hồn ở lại tầng trời để trở về, lúc thay mặt người chết căn dặn con cháu... tất cả tạo nên sự cuốn hút người những người tham dự cuộc lễ.

3.2. Biến đổi trong nghi lễ tang ma

3.2.1. Biến đổi trong quan niệm và nhận thức

Trong quá trình hội nhập và toàn cầu hóa, tiếp cận hệ thống giáo dục, quản lý nhà nước, y tế và đặc biệt là các chính sách về kinh tế, xã hội, người Cống bên cạnh nâng cao đời sống cũng có nhiều thay đổi về quan niệm và nhận thức. Một trong những yếu tố quan trọng là sự quan tâm chỉ đạo của Đảng và các cấp chính quyền địa phương như chỉ thị số 27-CT/TW của Bộ Chính trị, Quyết định số 308/2005/QĐ-TTg, Quyết định số 15 /2014/QĐ-UBND Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu quy định về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội đã làm biến đổi khá nhiều về quan niệm và nhận thức của đồng bào, trong đó có tang ma. Nếu trước đây gia đình có bố (mẹ) chết, người Cống nơi đây cho rằng con cháu có hiếu với cha mẹ được thể hiện qua việc làm đám ma cho người chết được để lâu, mổ nhiều trâu, lợn, gà và rượu trong khâu tổ chức. Ngày nay, người Cống cho rằng có hiếu thảo với bố mẹ là sự thể hiện sự hiếu kính, chăm sóc khi còn sống; việc tổ chức tang ma tùy theo điều kiện của gia đình, tránh tốn kém.

Trước đây, đám tang của người Cống ở xã Nậm Khao được tổ chức với quy mô nhỏ, ít người tham dự, chủ yếu bó hẹp trong phạm vi gia đình và mở rộng hơn là dòng họ. Ngày nay, đám tang của người Cống nơi đây có sự biến đổi với quy mô tổ chức và nhiều thành phần tham dự như chi bộ Đảng, Đoàn thanh niên, Hội người cao tuổi, chính quyền quản lý các cấp từ huyện xuống tận thôn bản.

Nếu trước đây đồng bào thường làm ma trong 6 ngày đến 7 ngày đêm, ngày nay đồng bào chỉ làm ma trong 3 đến 4 ngày đêm. Đi cùng với việc giảm thời gian tổ chức là thời gian thực hành các nghi lễ cũng có sự giảm thiểu thời lượng. Ông Lý Văn Lam (thầy cúng bản Nậm Khao) cho biết, nếu như trước đây làm lễ cúng đưa đường có thể kéo dài cả 2 tối thì nay chỉ phổ biến làm trong một tối từ chiều cho đến sáng sớm hôm sau là xong. Tránh mệt mỏi và tốn kém cho tang chủ. Lễ vật cũng đã được đơn giản hóa, nếu như trước đây, trâu là con vật không thể thiếu trong lễ cúng đưa đường thì nay đồng bào quan niệm có thể dùng con vật nào có sừng như bò, dê cũng được.

Đối với trang phục và các đồ dùng, dụng cụ của người chết như chăn chiếu, áo, quần, hòm đựng quần áo... trước đây được đem ra mộ để chia cho người chết. Đến nay, trang phục và các vật dụng của người chết còn tốt không nhất thiết phải đem ra mộ mà có thể để lại cho con cháu sử dụng.

Lễ vật đến viếng cũng đã có sự thay đổi, bên cạnh việc giúp đỡ về lương thực thực phẩm như gạo, gà, lợn... đã có một bộ phận đồng bào chuyển từ các vật phẩm sang tiền mặt thay cho lễ vật trong phúng viếng (Qua khảo sát thực tế trên địa bàn xã phổ biến ở mức 50.000đ đến 100.000đ tùy theo mối quan hệ với tang chủ).

3.2.2. Biến đổi trong các nghi lễ tang ma

Thay đổi trong hình thức báo hiếu: Trước đây, khi trong gia đình có người thân qua đời, người con trai trưởng sẽ dùng súng kíp bắn chỉ thiên để báo hiếu. Hiện nay, \việc cấm sử dụng tàng trữ trái phép các loại vũ khí trên địa bàn

xã được thực hiện tốt, đồng bào không còn sử dụng súng trong săn bắn và bảo vệ, việc thông báo có người mất bằng súng hiện nay không còn, thay thế vào đó là việc đi thông báo trong họ tộc bằng điện thoại.

Trước đây, thường khi nào trong gia đình người chết, anh em họ hàng mới vào rừng tìm gỗ để làm quan tài. Người Công quan niệm không làm sẵn quan tài vì kiêng và vì cộng đồng cho rằng làm vậy là không có hiếu với bố mẹ. Ngày nay, một mặt do sự quản lý rừng của chính quyền các cấp, một mặt gỗ ở rừng hiện nay không còn nhiều cũng đã tạo ra áp lực đối với tang chủ. Vì điều kiện kinh tế và thời gian, một số người làm ăn xa khi mất được để trong quan tài đóng sẵn, người Công cũng thừa nhận và sử dụng chúng như những quan tài bằng cây gỗ truyền thống.

Lễ mời thầy cúng về làm ma của người Công nơi đây đã được đơn giản hóa. Người đi mời không nhất thiết phải là chủ gia đình, có thể là người thân trong gia đình cũng được. Lễ vật mang theo nhất thiết phải có quả trứng và bát gạo song đồng bạc trắng đã được thay thế bằng tiền mặt (500.000 đến 1.000.000 đồng).

Các nghi lễ trong tang ma cũng được rút ngắn và bớt đi nhiều nội dung. Hiện nay, các nghi lễ nhận mặt người chết, nghi thức múa gùi, canh nhà sàn, trò chơi... ít được tổ chức. Thay thế vào đó là hình thức đánh bài (tiền lên, chơi phỏm) vào các buổi tối khá phổ biến.

3.2.3. Biến đổi trong các tập quán và nghi lễ sau khi chôn cất

Trong truyền thống, nghi thức xem diêm lành dữ (*Nè già thòm me*) được tổ chức vào buổi tối đầu tiên sau khi chôn cất. Với người Công, đây là nghi thức khá quan trọng nhằm xem người chết đã yên ổn ở nơi ở mới chưa hay có thể về quấy phá gia đình và cũng nhằm xua đuổi hồn người chết khỏi nhà một cách có chủ ý. Tuy nhiên, với sự nhận thức mới về cái chết và hồn, ma, người Công dần ít thực hành nghi lễ này.

Đề tang và kiêng kỵ trong tang ma của người Công cũng đã có sự thay

đôi. Theo tục lệ của đồng bào Cống nơi đây, trong thời gian để tang, người thân trong gia đình phải cạo trọc đầu, mặc áo trắng và quần khăn trắng, không được tham gia các hoạt động lễ hội, đám cưới, chúc thọ của cộng đồng. Hiện nay, họ chỉ phải quần khăn trắng để tỏ lòng thương tiếc người chết, không phải kiêng tham gia các hoạt động của cộng đồng như xưa nữa.

3.2.4. Một số nguyên nhân tác động đến sự biến đổi và dự báo xu hướng biến đổi trong tang ma.

Nguyên nhân của sự biến đổi trước hết phải nói là sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Nhà nước đối với cộng đồng người Cống, một trong những tộc người có dân số dưới 4.000 người. Bên cạnh đó còn là sự quan tâm, chỉ đạo về kinh tế, văn hóa, xã hội đối tỉnh ủy, UBND tỉnh Lai Châu; đảng ủy, UBND huyện Mường Tè của xã Nậm Khao. Đặc biệt, cùng với việc tái định cư vùng lòng hồ thủy điện Lai Châu đã làm thay đổi rõ nét bộ mặt kinh tế và xã hội của người Cống trên địa bàn xã: thay đổi điều kiện sống (làng bản được quy hoạch, hệ thống cơ sở hạ tầng khá hoàn thiện, diện tích đất canh tác giảm rõ rệt, môi trường sống truyền thống thay đổi...), khả năng tiếp cận các dịch vụ công ích, xã hội, kinh tế được cải thiện, sự tài trợ của nhà nước trên nhiều lĩnh vực (chi trả đền bù, các chương trình hỗ trợ cây giống, con giống, kỹ thuật, tiền...), một bộ phận không nhỏ thanh niên đi kiếm việc tại các địa bàn khác do không đủ đất canh tác...

Quan trọng hơn, đó là sự tự nhận thức của người dân, người Cống nhận thức được cái gì là phù hợp, cái gì không phù hợp trong điều kiện mới của gia đình để điều chỉnh và thực hành các nghi lễ, trong đó có tang ma.

Trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ như hiện nay, dù sự tác động của biến đổi vào cộng đồng người Cống chưa sâu sắc như một số tộc người khác ở nước ta song xu thế này là không thể tránh khỏi. Tang ma cũng vậy, chủ thể của tang ma – người dân và tự thân nó cũng phải có sự

thay đổi để hòa nhập với cuộc sống xã hội ngày càng biến đổi. Theo chúng tôi, sự biến đổi của tang ma của người Cống trong thời gian tới sẽ là:

Trong khoảng thời gian ngắn hạn (10 năm), tang ma của người Cống về cơ bản không có sự thay đổi lớn về các nghi lễ, nghi thức song sự biến đổi trong các yếu tố thuộc về văn hóa vật chất là không thể tránh khỏi. Đó là: việc lựa chọn quan tài bằng cây gỗ do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan sẽ dần không được người Cống coi trọng, họ sẽ dần chuyển sang loại hình quan tài bằng ván gỗ vón đơn giản và thuận tiện hơn, trang phục dùng trong tang ma sẽ được đơn giản hóa chỉ còn quần khăn trắng ở trên đầu; Lễ vật cúng vẫn được cộng đồng duy trì và thực hành song có thể sẽ có những lễ vật mới được cúng cho người chết như các loại bánh kẹo, hoa quả, hay sự xuất hiện của vòng hoa, vàng mã ngày càng được phổ biến. Về quy trình tổ chức, cơ bản vẫn được duy trì, tuy nhiên thời gian tổ chức sẽ giảm và ngày càng có sự tham gia đông đảo của cộng đồng. Một số tập tục sẽ mất hẳn như tục đánh bài, trò đổ quả, tục xem lành dữ. Không gian tổ chức vẫn được duy trì ở trên nhà sàn song bàn thờ có thể có thêm các hình thức làm chắc chắn (nên sẽ không bị đem bỏ). Thời gian tổ chức chỉ kéo dài khoảng 3 ngày là kết thúc, giảm thiểu các chi phí cho tang chủ. Vai trò của các tổ chức đoàn thể như Hội cựu chiến binh, Hội phụ nữ, Đoàn Thanh niên, chính quyền thôn, xã được thể hiện rõ hơn, tham gia nhiều hơn trong công việc giúp gia chủ thực hiện các nghi lễ tang ma dành cho người chết.

Trong khoảng thời gian dài hơn (khoảng 20 năm), tang ma của người Cống có sự thay đổi căn bản. Lúc này, xã hội của người Cống đã có sự giao lưu, tiếp biến mạnh mẽ với cộng đồng các dân tộc, đặc biệt là người Kinh. Họ sẽ tiếp nhận các tri thức xã hội, tri thức văn hóa mới và áp dụng vào trong cộng đồng, dẫn đến sự thay đổi những nét cơ bản trong tang ma. Đó là, các nghĩa địa chôn cất do quỹ đất không còn nên sẽ được quy hoạch, có thể sẽ không còn tục ném trứng để tìm đất nữa. Các nghi lễ chỉ còn tên gọi và phân cốt lõi ý nghĩa của nó, diễn trình thực hiện, con người điều hành và thực hiện nó có sự thay

đổi. Thời gian tổ chức chỉ kéo dài khoảng hai ngày là kết thúc. Các nghi lễ hiến sinh hay giết thịt có thể sẽ không còn.

Tuy nhiên, có thể khẳng định, tang ma của người Cống biến đổi đến đâu, ở mức độ như thế nào còn phụ thuộc vào ý thức của cộng đồng. Việc lựa chọn những yếu tố văn hóa tích cực để bảo tồn và phát huy, loại bỏ những yếu tố không phù hợp là quyết định của chủ thể văn hóa. Các cấp chính quyền địa phương trong vấn đề này cần tuyên truyền, vận động để người dân ý thức, lựa chọn và thực hành văn hóa của mình vừa đúng với truyền thống, vừa phải phù hợp với nếp sống mới.

3.3. Ảnh hưởng của các nghi lễ trong tang ma đến quá trình Xây dựng nông thôn mới và cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”

3.3.1. Quá trình xây dựng nông thôn mới và cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” ở điểm nghiên cứu

Năm 2010, cùng với việc ban hành Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ, chương trình xây dựng nông thôn mới đã được triển khai rộng khắp trong cả nước.

Năm 2011, tỉnh Lai Châu triển khai thực hiện Chương trình xây dựng Nông thôn mới. Tại các xã với xuất phát điểm thấp như tỷ lệ hộ nghèo cao, thu nhập bình quân khu vực nông thôn đạt 605.000 đồng/người/tháng; bình quân tiêu chí nông thôn mới qua đánh giá toàn tỉnh đạt 2,68 tiêu chí/xã. Năm 2014, do sự bất cập ở một số tiêu chí, UBND tỉnh Lai Châu đã ra Quyết định số 1018 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2014 về việc *Ban hành Quy định cụ thể hóa Bộ tiêu chí về xây dựng nông thôn mới và xét công nhận xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lai Châu.*

Đối với xã Nậm Khao, việc triển khai Chương trình nông thôn mới được thực hiện vào cuối năm 2011 cùng với việc ban hành Nghị quyết thực hiện của Đảng ủy và chính quyền xã. Qua 5 năm thực hiện, theo báo cáo của UBND xã

Nậm Khao, đến tháng 9 năm 2015, xã đã đạt 12 trên tổng số 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Các tiêu chí đã đạt được là: quy hoạch; giao thông, thủy lợi; cơ sở vật chất văn hóa; chợ nông thôn; bưu điện; nhà ở dân cư; tỷ lệ lao động có việc làm; hình thức tổ chức sản xuất; giáo dục; hệ thống tổ chức trị; an ninh, trật tự xã hội. các tiêu chí chưa đạt là: điện; trường học; thu nhập; hộ nghèo; y tế; văn hóa; môi trường.

Tang ma được coi như là một trong các thành tố văn hóa tinh thần của người Cống, chính vì vậy, ở nội dung phần này, chúng tôi sẽ chỉ nhấn mạnh đến lĩnh vực văn hóa. Có thể nói, trong thời gian vừa qua, trong lĩnh vực văn hóa, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao được đa dạng hóa và đẩy mạnh ở xã Nậm Khao nói chung và trong cộng đồng người Cống nói riêng. Sinh hoạt cộng đồng đã được quan tâm thực hiện và từng bước đi vào nề nếp với nhiều hoạt động bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Nhiều hoạt động bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc được đẩy mạnh. Sinh hoạt cộng đồng đã được quan tâm thực hiện và từng bước đi vào nề nếp đã có ảnh hưởng và tác động không nhỏ tới đồng bào người Cống.

Bên cạnh quá trình xây dựng nông thôn mới, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” cũng đã tác động tích cực đến đời sống, xã hội của đồng bào dân tộc Cống. Qua hơn 10 năm triển khai, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” được thực hiện sâu rộng trên địa bàn xã. Phong trào văn hóa ngày càng phát triển sâu rộng. Đã có 1/6 bản đạt danh hiệu bản văn hóa (bản Nậm Khao). Đội văn nghệ của xã và của các bản được khôi phục và duy trì. Hiện nay, 6/6 bản của xã Nậm Khao đều có đội văn nghệ với đầy đủ trang phục và đạo cụ biểu diễn.

Bên cạnh đó, năm 2011, UBND tỉnh Lai Châu đã ban hành và triển khai thực hiện Đề án: “Phát triển kinh tế, xã hội, vùng các dân tộc Mảng, La Hủ, Cống trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2020”. Bên cạnh việc hỗ trợ quy hoạch

sắp xếp ổn định dân cư và quy hoạch phát triển sản xuất (mô hình thâm canh lúa, chăn nuôi, hỗ trợ cây giống), đề án chú trọng hỗ trợ tổ chức lễ hội, giao lưu văn hóa, cấp nhạc cụ dân tộc và khôi phục nét truyền thống văn hóa như: trang phục, điệu múa, bài hát. Từ đó kịp thời động viên, khích lệ nhằm giữ gìn bản sắc văn hóa, tăng tính thích ứng, hòa nhập của cộng đồng dân tộc Cống. Đề án bên cạnh việc tăng cường khôi phục nét văn hóa truyền thống cũng đã tích cực ảnh hưởng đến suy nghĩ của đồng bào trong việc bảo tồn văn hóa của dân tộc mình. Nhiều điệu múa xòe, bài hát, trình diễn nhạc cụ đã được phục hồi và trình diễn ở cộng đồng và lưu diễn tại các tỉnh và thành phố Năm 2015 và năm 2016, gần 20 nghệ nhân múa *Già nê* (một điệu múa xòe của người Cống) đã được tham gia trình diễn tại tỉnh và tại Hà Nội. Từ những suy nghĩ tích cực trong vấn đề bảo tồn văn hóa dân tộc, đề án cũng có những ảnh hưởng nhất định đến tang ma của người Cống. Đó là: đời sống được nâng cao, khả năng tiếp cận tri thức mới hiện đại được mở rộng nên cách suy nghĩ và công tác tổ chức tang ma được chu đáo hơn; nhiều trang thiết bị hiện đại được đưa vào trong quá trình tổ chức tang ma như âm li, loa đài; nhiều người được cấp trang phục truyền thống đã mặc đến tham dự tang ma đã góp phần làm sinh động và dễ nhận biết hơn trong một đám tang của người Cống.

Bên cạnh những thành tích đã đạt được, nhiều chỉ tiêu trong xây dựng nông thôn mới và Đề án “Phát triển kinh tế, xã hội, vùng các dân tộc Mảng, La Hủ, Cống trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2020” còn hạn chế. Nhiều chính sách khi đưa vào thực hiện chưa đem lại hiệu quả mong muốn. Về nguyên nhân, báo cáo của UBND xã Nậm Khao cũng đã chỉ ra: nguồn vốn đầu tư ít, trình độ dân trí không đồng đều, việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống còn hạn chế... Tuy nhiên, theo chúng tôi, bên cạnh các nguyên nhân kể trên thì ý thức, quan niệm, lối sống, nền tảng xã hội cổ truyền và vai trò chủ thể của người dân cũng chiếm một vị trí quan trọng.

3.3.2. Ảnh hưởng của phong tục, tập quán và nghi lễ tang ma đối với quá trình xây dựng nông thôn mới tại cộng đồng dân cư

Với vấn đề thứ nhất là vai trò chủ thể của người dân. Người dân ở đây được có thể được hiểu theo hai khía cạnh. Thứ nhất là những người công tác tại xã (chính quyền và đoàn thể) và thứ hai là chính bản thân người dân/người dân tộc thụ hưởng và đồng thực hiện các chương trình và chính sách. Dưới góc độ những người công tác tại UBND xã, tuy đã được tăng cường một phó chủ tịch người Kinh từ dưới xuôi lên song nhìn chung bộ máy chính quyền đa phần được bầu lên từ cộng đồng địa phương. Việc đưa chính sách vào trong cuộc sống của người dân ở đây có phần thuận lợi do những người công tác tại ủy ban xã là người bản địa, nắm vững đời sống xã hội, tâm tư, tâm lý và văn hóa của đồng bào. Tuy nhiên, điểm hạn chế ở đây là chính sách do mang tính diện rộng nên có tính chung chung và định hướng, việc áp dụng cần có sự linh hoạt, sử dụng và vận dụng cho phù hợp với đặc thù của địa phương. Mặt khác, do được bầu từ cộng đồng lên nên trong một số trường hợp, những người làm công tác ở xã có thể rơi vào thế “khó ứng xử” khi đưa và thực hiện các chương trình, chính sách xuống; đặc biệt khi nó xung đột với người thân, gia đình và cộng đồng.

Phong tục tập quán trong nghi lễ tang ma của người Cống thể hiện đậm nét đời sống văn hóa, lưu giữ nhiều giá trị nhân văn sâu sắc, có giá trị cần bảo lưu trong cuộc sống đương đại của tộc người. Tuy nhiên, qua khảo sát tại địa bàn, chúng tôi nhận thấy trong tang ma của người Cống còn có nhiều ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình thực hiện đời sống mới và nông thôn mới tại địa phương. Chẳng hạn như việc để thi hài người chết ở nhà hiện nay thường kéo dài 4 ngày (trước đây từ 4 đến 7 ngày). Điều này một phần do tập quán của đồng bào là sử dụng quan tài bằng cây gỗ (vốn tốn nhiều thời gian để đi tìm và chế tác), một phần do các nghi lễ phải được diễn ra tuần tự, không được bỏ dẫn đến thời gian kéo dài. Tuy nhiên, việc tổ chức kéo dài này sẽ đi ngược lại với mục g, khoản 2, điều 9: “Đối với người qua đời bình thường, phải chôn cất trước

48 tiếng; đối với người qua đời mắc bệnh truyền nhiễm phải chôn cất trước 12 tiếng”. Điều này gây ra sự bất cập giữa chính sách và truyền thống văn hóa của đồng bào và cũng là sự khó ứng xử giữa một mặt là công chức nhà nước và mặt kia là con người thuộc về cộng đồng dân tộc trong cùng một cá thể.

Với vai trò chủ thể của người dân, với mặt bằng dân trí về cơ bản chưa cao như ở vùng đồng bằng nên việc tuyên truyền, giải thích cho đồng bào nắm được lợi ích của xây dựng nông thôn mới, phong trào xây dựng đời sống văn hóa mới còn hạn chế. nếp sống, suy nghĩ, tập tục gắn bó từ hàng đời nay không thể một sớm, một chiều mà thay đổi.

Trong ý thức, quan niệm trong tang ma của người Công hiện nay cũng chứa đựng những mâu thuẫn với điều kiện xã hội hiện nay. *Thứ nhất*, người Công quan niệm việc tổ chức cần có trâu (hay ít nhất là dê) trong lễ đưa đường người chết về tầng trời, lợn và gà được giết thịt cùng với các nhu yếu phẩm khác trong 4 ngày tạo gánh nặng cho gia chủ, đặc biệt là với các gia đình thuộc diện hộ nghèo (Theo thống kê năm 2015 của xã Nậm Khao, con số này chiếm 46,7%). Nếu không có sự chia sẻ của các thành viên trong gia đình và họ tộc thì việc tổ chức tang ma cho người thân sẽ là gánh nặng của gia đình không chỉ tại thời điểm tổ chức tang lễ mà còn kéo dài vài tháng thậm chí là vài năm.

Thứ hai, việc thả trứng tìm đất để chôn người chết là một nghi lễ, tập tục từ lâu đời. Quả trứng lăn và vỡ ở đâu, tức là linh hồn người chết “ưng thuận” ở đó, người nhà chỉ được phép đào huyệt để chôn tại nơi trứng vỡ. Điều này phù hợp với quan niệm truyền thống của đồng bào song sẽ phá vỡ phạm vi địa giới và quy hoạch nghĩa trang của từng bản. Trong khi hiện nay các bản đã định cư, có chỉ giới quy hoạch cho từng bản thì việc các ngôi mộ người Công được lập không theo trật tự và “tùy hứng” thì sớm hay muộn sẽ làm giảm diện tích đất tự nhiên, đất đất canh và đất ở.

Thứ ba, trong truyền thống, người chết phải được liệm trong quan tài bằng cây gỗ nguyên khối và một cây to cũng chỉ được sử dụng một lần. Tuy

nhiên, với điều kiện hiện nay rừng không còn nhiều, kết hợp với quá trình khai hoang để lấy đất canh tác phục vụ cho tái định cư thì việc tìm gỗ để làm quan tài ngày càng khó khăn với người Cống. Trong nhiều trường hợp, họ phải đi nửa ngày đến một ngày đường mới đến rừng để tìm gỗ. Nếu không có biện pháp phù hợp, việc chặt cây lấy gỗ làm nhà, làm quan tài sẽ nảy sinh nhiều vấn đề trong việc bảo vệ tài nguyên rừng cũng như các vấn đề bảo vệ môi trường, môi sinh, phòng chống lũ thượng nguồn... trên địa bàn xã Nậm Khao.

Thứ tư, người Cống đang phải đối mặt với tình trạng số lượng thầy cúng biết cúng đưa đường trong tang ma ngày càng giảm dần. Trong quan niệm truyền thống, linh hồn người chết muốn về với tổ tiên ở tầng trời phải có thầy cúng đưa đường. Tuy nhiên, qua khảo sát thực tế, hiện nay trên địa bàn xã Nậm Khao chỉ còn 4-5 thầy cúng người Cống là còn biết bài cúng dẫn đường cho người chết về với tầng trời song tuổi cũng gần 60 đến hơn 70 tuổi. Thế hệ trẻ làm thầy cúng là ông Lò Văn Hom (46 tuổi), bản Pô Lếch cũng chưa học hỏi được nhiều về bài cúng đưa đường từ các thế hệ đi trước. Tầng lớp thanh niên phần do mãi làm ăn, phần do học cúng và lời cúng khó và không phải lúc nào cũng truyền thụ được. Nếu như trước đây, thầy cúng đảm nhiệm các công việc như lễ nhập quan, mời cơm người chết, cúng đưa hồn về tầng trời, thực hiện các nghi lễ tại mộ... thì hiện nay chỉ đảm nhiệm phần cúng đưa hồn người chết về trời. Các nghi lễ khác có thể do người nhà biết cúng đảm nhiệm. Điều này cho thấy sự “đơn giản hóa” thủ tục và quy trình “tương tác” với người chết. Mặt khác, nếu như trước đây mỗi một bản và mỗi một dòng họ đều có một thầy cúng để đưa đường người chết cho họ của mình thì hiện nay đã phải mời thầy cúng khác họ hoặc cùng họ nhưng khác bản về để làm ma cho người thân trong gia đình.

3.4. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa trong tang ma của người Cống

Tang ma là một thành tố quan trọng trong tín ngưỡng tâm linh của đồng bào Cống. Người Cống đã, đang và sẽ tiếp tục duy trì và thực hành các nghi lễ trong tang ma bởi đây là nhu cầu tâm linh, thỏa mãn tâm lý của người dân, góp

phần củng cố các mối quan hệ giữa cộng đồng, dòng họ và gia đình. Nằm trong xu thế phát triển của xã hội, các nghi lễ trong tang ma đang được vận hành và có sự thay đổi phù hợp. Điều quan trọng là bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa nào phù hợp với văn hóa, suy nghĩ của người dân, phù hợp với đường lối, quan điểm, chính sách pháp luật của Đảng và của Nhà nước.

Đối với chủ thể thực hành văn hóa, tổ chức tang ma là để đưa được người chết về thế giới bên kia một cách trọn vẹn, tốt đẹp; làm thỏa mãn nhu cầu tâm lý tình cảm cũng như thể hiện mối quan hệ và ứng xử. Đó là những quan niệm, niềm tin cốt lõi mang tính tiến bộ, tích cực cho cuộc sống của đồng bào Công hiện nay. Để làm được điều này, thiết nghĩ cần đẩy mạnh công tác nghiên cứu, tuyên truyền, phổ biến để đồng bào nhận thức rõ những mặt tích cực, mặt còn tồn tại hạn chế đồng thời có sự khuyến khích, tạo điều kiện để họ tự lựa chọn, gìn giữ cái gì và loại bỏ cái gì trong việc thực hành văn hóa. Trên thực tế, người Công đã và đang thực hiện quá trình này, nhiều nghi lễ trong tang ma theo đồng bào là quá rườm rà, tốn kém, không phù hợp dần ít được thực hiện.

Ở góc độ chính quyền địa phương cũng cần quan tâm, từng bước vận động người dân bảo tồn và gìn giữ phát huy các giá trị văn hóa, nhân văn trong tang ma, tổ chức tang ma trang trọng, đầy đủ, tiết kiệm, không làm ảnh hưởng đến cộng đồng và môi trường tự nhiên.

Trong quá trình vận hành, một số nghi lễ tập tục cũng đã được người Công dần ít thực hiện như nghi lễ nhận mặt người chết, tục múa xòe của người chết, canh nhà sàn, tục xem điềm lành dữ..., cách thức lựa chọn quan tài cũng đã có cái nhìn thoáng hơn. Nhìn nhận về vấn đề này, ông Chang Văn Thường, cán bộ văn hóa xã Nậm Khao cho biết: *“những tập tục, nghi lễ này có phần chuẩn bị rườm rà, phức tạp, phần thì người Công cũng đã nhận thức được đây là những hủ tục, là phi lý khi cho rằng làm gì có ma mà biết cản đỡ miếng xôi, ma cà rồng trong tục canh lửa cũng làm gì có...”* do đó, người Công dần dần ít thực hành các nghi lễ này.

Tuy nhiên, bên cạnh đó, theo chúng tôi, một số nghi lễ như nghi lễ nhận mặt người chết rất có giá trị trong khi đồng bào lại đang ít thực hành. Nếu gạt bỏ nghi lễ gọi hồn ông bà về (nhập vào rể cả) thì đây là một nghi lễ mang tính tích cực nghi lễ mang tính tích cực, có tính giáo dục sâu sắc về truyền thống ông bà, những người đã sinh thành ra mình và các thế hệ trước, biết về nguồn cội của gia đình.

Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam là một trong những đơn vị có chức năng bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa. Trên cơ sở công tác tư liệu hóa những tài liệu hiện vật mà bảo tàng hiện có, những sắc thái văn hóa, tài liệu hiện vật tại địa phương (mà bảo tàng chưa có hoặc còn thiếu) cần thiết phải bảo tồn, phát huy vốn di sản văn hoá của dân tộc Công ở cộng đồng và Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam. Trước mắt, Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam cần có kế hoạch nghiên cứu và sưu tầm hiện vật. Đi sâu nghiên cứu, sưu tầm các hiện vật chưa có hay còn thiếu, trong đó chú trọng đến công tác quay phim, chụp ảnh tư liệu về người Công ở đây. Trong công tác trưng bày và trình diễn, có thể lựa chọn một số loại hình di sản đặc sắc của người Công như trang phục, hát dân ca, các nghi lễ, tập tục trong chu kỳ đời người để xây dựng thành các chuyên đề trưng bày, trình diễn giới thiệu tới công chúng tham quan. Định kỳ có thể mời nghệ nhân người Công xuống trình diễn hay truyền dạy vốn di sản truyền thống của mình cho các cán bộ Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam. Trong vấn đề tang ma, có thể tổ chức các trưng bày chuyên đề về tang ma như “Tang ma của nhóm Tạng Miến” hay “Tang ma của cộng đồng các dân tộc Lai Châu”.

Trong việc bảo tồn và phát huy các nghi lễ trong tang ma của người Công, điều quan trọng là nhận thức của chủ thể văn hóa – người dân. Họ cần tự xác định cái gì là cần thiết, cái gì phải hạn chế, loại bỏ. Quan trọng hơn nữa là tâm thế ứng xử của con cháu với ông bà, bố mẹ - những người đang sống và với tổ tiên – những người đã khuất, ứng xử với cộng đồng, dòng tộc.

Tiểu kết chương 3

Nằm trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa, vấn đề di dân vùng lòng hồ thủy điện Lai Châu, tác động của các chính sách kinh tế xã hội, sự tự nhận thức của người dân, tang ma của người Cống ở xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu đã và đang có sự biến đổi theo chiều hướng tích cực. Các đặc trưng văn hóa, tín ngưỡng, thể ứng xử của tộc người vẫn được duy trì bền vững, các nghi lễ trong lễ tang mới chỉ biến đổi về các cách thức thực hiện, còn về ý nghĩa và bản chất hầu như chưa có sự thay đổi. Bên cạnh đó, tang ma của tộc người Cống đang dần bộc lộ những điểm tồn tại và hạn chế, thậm chí là đang mâu thuẫn với điều kiện xã hội hiện nay, tạo ra sự thách thức đối với việc gìn giữ và bảo tồn các giá trị văn hóa trong tang ma.

Tang ma là một hiện tượng văn hoá tâm linh, chịu ảnh hưởng và chi phối bởi quan niệm, tín ngưỡng tộc người, luôn có sự biến đổi để phù hợp với điều kiện sống. Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa nói chung và trong tang ma nói riêng luôn là vấn đề được Đảng, Nhà nước và chính quyền các cấp quan tâm. Bảo tồn và phát huy như thế nào để văn hóa tộc người giữ được nguyên các giá trị cốt lõi song vẫn phải đảm bảo được sự phát triển của tộc người, sự phát triển của xã hội. Tuyên truyền, giải thích đồng bộ với việc thực hiện chính sách pháp luật sẽ góp phần bảo tồn các giá trị văn hóa, ổn định cuộc sống cả về mặt vật chất và tinh thần, hạn chế sự xâm nhập của tín ngưỡng, tôn giáo ngoại lai, là nền tảng cho sự phát triển bền vững của văn hóa tộc người Cống.

KẾT LUẬN

Tang ma là nghi lễ đánh dấu sự kết thúc của một đời người và mở ra cuộc sống mới cho cả người chết và người sống. Tang ma phản ánh khách quan các đặc trưng văn hóa tộc người, tổ chức xã hội, quan niệm sống, tín ngưỡng của cộng đồng.

Tang ma và các nghi lễ tang ma đóng vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa của tộc người Cống ở xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu. Với hệ thống các nghi lễ chứa đựng nhiều yếu tố văn hóa cổ truyền, vừa mang các đặc điểm chung, vừa có những sắc thái văn hóa riêng của tộc người, tang ma và các nghi lễ trong tang ma của người Cống biểu hiện sâu sắc quan niệm và niềm tin vào tín ngưỡng tâm linh, đạo hiếu, đạo nghĩa của người sống dành cho người chết, người sống với người sống và giữa con người với thiên nhiên.

Thông qua tiến trình và cách thức tổ chức có thể thấy, tang ma của người Cống là phức hợp các quan niệm gắn với nghi lễ và các mối quan hệ ứng xử giữa người sống với người chết, người sống với người sống. Trong tang ma, những người thân trong gia đình phải tiến hành các nghi lễ nhằm thỏa mãn đời sống tâm linh của người sống và mong muốn sự phù hộ, giúp đỡ của người chết khi đã được làm hài lòng. Các bước trong nghi lễ tang ma của người Cống ở xã Nậm Khao còn giữ được khá nguyên vẹn so với truyền thống. Nhiều nghi lễ còn được bảo tồn gần như nguyên vẹn như lễ khâm liệm cho người chết, lễ cúng cơm, lễ hiến sinh đưa đường, nghi lễ đưa hồn người chết về tầng trời... Vì thế tang ma của người Cống được coi là nơi hội tụ nhiều nhất các đặc trưng sinh hoạt văn hóa, phong tục, tập quán của cộng đồng tộc người, thể hiện được đầy đủ các thành tố văn hóa bao gồm văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần và đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của cộng đồng.

Trong tang ma của người Cống còn mang nhiều dấu ấn của nhiều hình thức tôn giáo nguyên thủy, chẳng hạn như việc sử dụng thầy cúng trong các

nghi thức, nghi lễ, những kiêng kỵ trong quá trình thực hiện lễ tang, trong quan niệm của cộng đồng về các hiện tượng văn hóa biểu hiện trong tang ma. Qua tang ma của người Cống cũng cho thấy sự hình thành và phát triển của tộc người, các mối quan hệ xã hội, tính cố kết cộng đồng, tính tương thân tương ái khá bền chặt trong mỗi gia đình, dòng họ và cộng đồng của người Cống trong truyền thống cũng như hiện nay.

Luận văn đã áp dụng ba lý thuyết cơ bản trong nghiên cứu về nghi lễ trong tang ma của người Cống ở xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu và hoàn toàn phù hợp với quá trình nghiên cứu thực tiễn. Thuyết chức năng cấu trúc cho thấy được các đặc trưng văn hóa được thể hiện qua các nghi lễ trong tang ma của người Cống: được tổ chức theo một quy trình tương đối chặt chẽ, khá riêng biệt so với với nghi lễ trong tang ma của các tộc người khác, các nghi lễ, trò chơi trong tang ma của người Cống đều nhằm thể hiện những mục đích và ý nghĩa riêng cả ở góc độ cá nhân và cộng đồng. Lý thuyết chức năng cho thấy được mối quan hệ tác động qua lại giữa con người – môi trường tự nhiên – xã hội (cả ở góc độ truyền thống và biến đổi) đối với cá nhân và cộng đồng người Cống ở xã Nậm Khao. Tang ma đã điều chỉnh con người như thế nào và ngược lại, con người đã làm thay đổi diện mạo của nghi lễ tang ma ra sao để từ đó hiểu hơn về nhu cầu tâm lý, tình cảm và sự gắn kết giữa con người với con người, con người với thiên nhiên, con người với thế giới thần linh. Lý thuyết về sự giao lưu, tiếp biến văn hóa cho thấy, biến đổi và xu thế tất yếu của văn hóa tộc người. Trong quá trình phát triển, toàn cầu hóa và hội nhập hóa, tuy sự biến đổi chưa sâu sắc như ở một số tộc người khác song quá trình giao lưu và tiếp biến văn hóa đã, đang và sẽ tiếp tục trong cộng đồng dân tộc Cống.

Dưới tác động mạnh mẽ của sự giao lưu, hội nhập kinh tế, văn hóa, xã hội trong thời đại mới; đặc biệt là sự chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, tang lễ của người Cống nơi đây cũng có nhiều biến đổi theo chiều

hướng tích cực. Tuy nhiên, các yếu tố gắn kết với đời sống tâm linh vẫn được duy trì bền vững; các nghi lễ trong lễ tang mới chỉ biến đổi về các thành tố, còn bản chất hầu như chưa thay đổi.

Bên cạnh các yếu tố tích cực, nghi lễ tang ma của người Cống cũng còn một số điểm chưa phù hợp với thực tiễn hiện nay như các nghi lễ nhiều; thời gian kéo dài, chi phí về thời gian vật chất còn lớn, ảnh hưởng đến đời sống kinh tế của đồng bào Cống cũng như quá trình xây dựng đời sống nông thôn mới tại địa phương mà Đảng và Nhà nước ta đang thực hiện.

Bảo tồn các nghi lễ trong tang ma của người Cống còn góp phần bảo lưu các yếu tố văn hóa cổ truyền cộng đồng các dân tộc Việt Nam nói chung và của văn hóa người Cống nói riêng. Việc thực hiện đồng bộ các giải pháp dựa trên nền tảng văn hóa cộng đồng, ý thức và sự lựa chọn của chủ thể thực hành văn hóa là cơ sở vững chắc để bảo tồn, gìn giữ và phát huy các giá trị tốt đẹp trong nghi lễ tang ma truyền thống của người Cống tại xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu một cách bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh (2000), *Việt Nam Văn hóa sử cương*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
2. Ban chỉ đạo tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương (2010), *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009: Kết quả toàn bộ*, NXB Thống kê, Hà Nội.
3. Phan Xuân Biên (Chủ biên) (1998), *Văn hoá và Xã hội người Raglai Ở Việt Nam*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
4. Phan Kế Bính (2005), *Việt Nam phong tục*, NXB Văn học, Hà Nội.
5. Bộ Chính trị, Chỉ thị số 27 - CT/TW, ngày 12/01/1998 “*Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội*”.
6. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2011), *Thông tư số 04/TT - BVHTTDL, ngày 21/01/2011: Quy định thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội*.
7. Nguyễn Từ Chi (1996), *Góp phần nghiên cứu văn hóa tộc người*, NXB Văn hóa Thông tin, Tạp chí văn hóa nghệ thuật, Hà Nội.
8. Lê Đình Cúc (1999), *Lai Châu và các dân tộc Lai Châu*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
9. Nguyễn Trắc Dĩ (1972), *Đồng bào sắc tộc ở Việt Nam*.
10. Khổng Diễm (1995), *Dân số và dân số học tộc người ở Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Khổng Diễm (chủ biên) (1995), *Những đặc điểm kinh tế - xã hội các dân tộc miền núi phía Bắc*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
12. Đồng Văn Dinh, *Tang lễ của người Chăm Bà La Môn trong bối cảnh phát triển nông thôn hiện nay*, Tạp chí Dân tộc học số 4, năm 2001.
13. Ngô Văn Doanh (1995), *Lễ hội bỏ mả Bắc Tây Nguyên*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
14. Đỗ Minh Đức (2015), *Tang ma của người Dao Quần Chẹt ở xã Quân Chu*,

huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Luận văn Thạc sĩ Văn hóa học.

15. Phạm Đức Dương (2002), *Từ văn hóa đến văn hóa học*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội
16. Nguyễn Đăng Duy (2004), *Nhận diện văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
17. Nguyễn Minh Duy (2004), *Báo cáo kết quả Dự án điều tra cơ bản dân tộc Cống*, Ủy ban Dân tộc. Hà Nội.
18. Lê Sĩ Giáo chủ biên (2005), *Dân tộc học Đại cương*, NXB Giáo dục.
19. Trần Văn Hà (2005), *Đời sống song ngữ của người Cống và Hà Nhì ở Tây Bắc*, Tạp chí Dân tộc học.
20. Nguyễn Thị Song Hà (2011), *Nghi lễ trong chu kỳ đời người của người Mường ở Hòa Bình*, NXB Khoa học Xã hội.
21. Nguyễn Thị Song Hà (2009), *Tang lễ của người Mường ở Hòa Bình*, Tạp chí Dân tộc học, số 3.
22. Lương Thị Hạnh (2013), *Tang ma của người Tày tại tỉnh Bắc Kạn*, Luận án Tiến sĩ Nhân học.
23. Lê Như Hoa (2001), *Tín ngưỡng dân gian Việt Nam*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
24. Nguyễn Đình Hoa (1983), *Các dân tộc ở Việt Nam (dẫn liệu Nhân học – Tộc người)*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
25. Nguyễn Công Hoan (2010), *Tiếp cận lý thuyết nghi lễ chuyển đổi trong nghiên cứu nhân học*, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo (số 10), tr 15-22.
26. Vi Hoàng, *Tục lệ cũ và sự đổi mới trong tang lễ của người Sê Đăng (Gia lai – Kon Tum)*, Tạp chí Dân tộc học số 2, năm 1977, tr 72-77
27. Hội khoa học lịch sử Việt Nam (2006), *Những vấn đề nhân học tôn giáo*, NXB Đà Nẵng.
28. Phạm Huy (1998), *Bước đầu tìm hiểu văn hóa dân tộc Cống*, Sở Văn hóa

Thông tin Lai Châu.

29. Nguyễn Văn Huy (1997), *Bức tranh văn hóa các dân tộc Việt Nam*, NXB giáo dục, Hà Nội.
30. Nguyễn Văn Huyền (2003), *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
31. Nguyễn Chí Huyền, Hoàng Hoa Toàn, Lương Văn Bảo (2000), *Nguồn gốc lịch sử tộc người vùng biên giới phía Bắc Việt Nam*, NXB Văn hóa dân tộc.
32. Vũ Ngọc Khánh, Phạm Minh Thảo, Nguyễn Vũ (2002) *Từ điển văn hoá dân gian*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
33. Đinh Gia Khánh (1989), *Trên đường tìm hiểu văn hóa dân gian*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
34. Đặng Thị Ngọc Lan (2012) *Cúng tổ tiên, dòng họ của người Cống (sưu tầm tại bản Nậm Kè, xã Nậm Kè, huyện Mường Khê)*, Thông báo Văn hóa 2012.
35. Trần Thị Mai Lan (2004), *Tang lễ của người Thái Đen ở Yên Châu, Sơn La*, Khóa luận cử nhân dân tộc học.
36. Trịnh Thị Lan (2016), Nghi lễ của người Hà Nhì ở huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai hiện nay. Luận án Tiến sĩ Nhân học.
37. Nguyễn Phúc Liêm (2002), *Tết cổ truyền của dân tộc Cống*.
38. Chu Thùy Liên, Đặng Thị Oanh, Lại Quang Trung (2014), *Văn hóa dân gian người Cống tỉnh Điện Biên*, NXB Văn hóa Thông tin.
39. Nguyễn Văn Minh (1999), *Quan niệm về hồn người, cái chết và thế giới sau khi chết trong tín ngưỡng của người Ve*, Tạp chí Dân tộc học, số 3.
40. Nguyễn Văn Minh (2009), *Tôn giáo tín ngưỡng của người Ve ở Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
41. Bùi Xuân Mỹ, Bùi Thiết, Phạm Minh Thảo (1996), *Từ điển lễ tục Việt Nam*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
42. Hoàng Nam (2002), *Đặc trưng văn hóa các dân tộc Việt Nam*, NXB Văn hóa

dân tộc, Hà Nội.

43. Nguyễn Thị Ngân (2010), *Tang ma của người Nùng Phàn Slinh tại Thái Nguyên*, Luận án tiến sĩ nhân học.

44. Dương Tuấn Nghĩa (2013), Nghi lễ tang ma của người Hà Nhì ở Lào Cai. Tạp chí DSVH, số 2 năm 2013.

45. Đặng Thị Kim Oanh (2010), *Khì Sơ Sơ (Lễ Cúng Đản) của người Cống (Bản Nậm Khao, xã Nậm Khao)*, Thông báo Văn hóa 2010.

46. Đặng Thị Oanh (2010), *Hàng xị - Lễ cơm mới của người Cống tỉnh Điện Biên*, Thông báo Văn hóa 2010.

47. Lê Thị Mai Oanh (2013), *Tang ma của người Cao Lan ở huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang*, Luận văn Thạc sĩ dân tộc học.

48. Lê Mai Oanh, *Tang ma của người Cao Lan ở huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang*, luận văn thạc sĩ dân tộc học.

49. Hoàng Phê (chủ biên) (1992), *Từ điển tiếng Việt*, Trung tâm từ điển ngôn ngữ, Hà Nội.

50. Mua Hồng Sinh (2016), *Tang ma dòng họ Giàng người Hmông Trắng, xã Sủng Trà, huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang*. Luận văn thạc sĩ Dân tộc học, Học viện KHXH Việt Nam, Hà Nội.

51. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lai Châu, Báo cáo chuyên đề: Các phong tục, tập quán trong chu kỳ đời người của dân tộc La Hủ, tỉnh Lai Châu

52. Nguyễn Văn Sửu (2014), *Một số vấn đề về lịch sử và lý thuyết nhân học*, NXB Tri thức.

53. Mai Văn Tâm (2002), *Nghi lễ tang ma cổ truyền của người Mường ở Mường Động, tỉnh Hòa Bình*, Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Văn hóa học, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Hà Nội.

54. Lê Ngọc Thắng, Lâm Bá Nam (1990), *Bản sắc văn hóa các dân tộc Việt Nam*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

55. Nguyễn Hoài Thanh (2014), *Tang ma của người Thái Đen, bản Nà Lạn, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La*, Luận văn Thạc sĩ văn hóa học.
56. Nguyễn Ngọc Thanh (chủ biên) (2016), *Văn hóa các dân tộc vùng lòng hồ thủy điện Lai Châu*, NXB khoa học xã hội, Hà Nội.
57. Hoàng Thị Lê Thảo và Phạm Thị Thu Hà (2013), *Lễ hội dân tộc Cống*, chuyên đề lễ hội 19 dân tộc.
58. Bùi Thiết (1999), *54 dân tộc Việt Nam và các tên gọi khác nhau*, NXB Thanh niên, Hà Nội.
59. Ngô Đức Thịnh (1994), *Trang phục cổ truyền các dân tộc Việt Nam*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
60. Ngô Đức Thịnh (2006), *Văn hóa, văn hóa tộc người và văn hóa Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
61. Ngô Đức Thịnh (2001), *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
62. Đặng Thu (1996), *Một số vấn đề về dân số Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
63. Thủ tướng Chính phủ (2005), *Quyết định số 308/2005/QĐ-TTg, ngày 25 tháng 11 năm 2005 về việc ban hành kèm theo Quy chế thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội*.
64. Vương Xuân Tình, Trần Hồng Hạnh (2012), *Phát triển bền vững văn hóa tộc người trong quá trình hội nhập ở vùng Đông Bắc*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
65. X.A.Tocarev (1994), *Các hình thức tôn giáo sơ khai và sự phát triển của chúng*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội
66. Từ điển Nhân học, bản dịch tiếng Việt, tập 1,2. Thư viện Dân tộc học, ký hiệu TĐ 86, TĐ 89.
67. Hoàng Xuân Tý (2000), *“Vai trò của luật tục vùng cao trong công tác giao*

đất, khoán rừng và quản lý tài nguyên thiên nhiên”, Tạp chí Văn hóa dân gian, số 1.

68. Ủy ban nhân dân xã Nậm Khao (2016), *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh năm 2015; kế hoạch năm 2016 của xã Nậm Khao*.

69. Ủy ban nhân dân xã Nậm Khao (2016), *Báo cáo tổng kết chương trình thực hiện mục tiêu quốc gia, xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2011 – 2015*.

70. Đặng Nghiêm Vạn(2001), *Dân tộc Văn hóa Tôn giáo*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội

71. Đặng Nghiêm Vạn (2001), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

72. Viện Dân tộc học (1978), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*, NXB Khoa học xã hội.

73. Viện Dân tộc học (1980), *Góp phần tìm hiểu bản lĩnh, bản sắc các dân tộc ở Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

74. Viện Dân tộc học (1980), *Những biến đổi về kinh tế - văn hóa các tỉnh miền núi phía Bắc*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

75. Tân Việt (1997), *Một trăm điều nên biết về phong tục Việt Nam*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

76. Bùi Huy Vọng (2010), *Tang lễ cổ truyền của người Mường*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

77. Lê Trung Vũ (1990), *Nghi lễ vòng đời*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

**DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI CUNG CẤP
THÔNG TIN TƯ LIỆU CHO LUẬN VĂN**

TT	Họ và tên	Năm sinh	Dân tộc	Đối tượng	Địa chỉ
1.	Nguyễn Văn Hòa	1979	Kinh	Trưởng phòng văn hóa huyện Mường Tè	Phòng Văn hóa huyện Mường Tè
2.	Lý Văn Hiếu	1981	Cống	Chủ tịch xã	Bản Nậm Khao, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, Lai Châu
3.	Lý Văn Lương	1975	Cống	Phó chủ tịch xã	Bản Nậm Khao, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, Lai Châu
4.	Chang Văn Thường	1966	Cống	Cán bộ văn hóa xã	Bản Nậm Khao, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, Lai Châu
5.	Chang Văn San	1942	Cống	Thầy cúng	Bản Nậm Khao, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, Lai Châu
6.	Lò Văn Sơn	1948	Cống	Thầy cúng	Bản Nậm Khao, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, Lai Châu

7.	Lý Văn Lam	1943	Cống	Thầy cúng	Bản Nậm Khao, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, Lai Châu
8.	Lò Sĩ Bầu	1942	Cống	Thầy cúng	Bản Nậm Khao, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, Lai Châu
9.	Chảo Văn Sơn	1952	Cống	Thầy cúng	Bản Nậm Luông, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, Lai Châu
10.	Khoàng Văn San	1968	Cống	Thầy cúng	Bản Nậm Pục, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, Lai Châu
11.	Lò Văn Chờ	1951	Cống	Thầy cúng	Bản Nậm Pục, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, Lai Châu
12.	Lò Văn Hom	1964	Cống	Thầy cúng	Bản Pô Lếch, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, Lai Châu
13.	Lò Văn Lanh	1969	Cống	Hiểu biết phong tục tập quán	Bản Nậm Khao, xã Nậm Khao, huyện Mường

					Tè, Lai Châu
14.	Chang Văn Sứ	1956	Cống	Hiểu biết phong tục tập quán	Bản Nậm Khao, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, Lai Châu
15.	Lò Văn So	1953	Cống	Biết một số bài cúng	Bản Nậm Khao, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, Lai Châu
16.	Chang A Ngân	1955	Cống	Biết một số bài cúng	Bản Nậm Khao, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, Lai Châu
17.	Chang Văn Páo	1966	Cống	Biết một số bài cúng	Bản Nậm Khao, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, Lai Châu
18.	Khoàng Văn Khừ	1969	Cống	Hiểu biết phong tục tập quán	Bản Nậm Pục, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, Lai Châu
19.	Lò Thị Hôm	1967	Cống	Cung cấp tư liệu về đám tang	Bản Nậm Pục, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, Lai Châu
20.	Chang Văn Phấn	1978	Cống	Trưởng bản Pô Léch	Bản Pô Léch, xã Nậm Khao,

					huyện Mường Tè, Lai Châu
21.	Lò Văn Minh	1964	Cống	Hiểu biết phong tục tập quán	Bản Pô Léch, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, Lai Châu
22.	Lò Thị Bình	1985	Cống	Cung cấp tư liệu về đám tang	Bản Pô Léch, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, Lai Châu
23.	Lò Thị Xói	1950	Cống	Cung cấp tư liệu về đám tang	Bản Pô Léch, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, Lai Châu
24.	Chảo Văn Thân	1980	Cống	Bí thư chi đoàn	Bản Pô Léch, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, Lai Châu
25.	Đỗ Văn Hậu	1969	Kinh	Cung cấp tư liệu kinh tế hiện nay	Bản Pô Léch, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, Lai Châu
26.	Lý Văn Lù	1966	Cống	Hiểu biết phong tục tập quán	Bản Nậm Luồng, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, Lai Châu
27.	Lò Văn Đanh	1962	Cống	Hiểu biết phong	Xã Nậm Khao,

				tục tập quán	huyện Mường Tè, Lai Châu
28.	Lò Thị Lom	1962	Cống	Biết nhiều bài cúng và dân ca	Bản Pô Léch, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, Lai Châu
29.	Lò Văn Điều	1948	Cống	Nguyên trưởng công an huyện Mường Tè	Khu tái định cư, thị trấn Mường Tè, Lai Châu
30.	Lò Thị Sưa	1940	Cống	Biết dân ca	Khu tái định cư, thị trấn Mường Tè, Lai Châu

PHỤ LỤC 1



Bản đồ hành chính huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu
(Nguồn: Phòng Văn hóa Thông tin huyện Mường Tè, 2016)

PHỤ LỤC 2

QUY ĐỊNH

THỰC HIỆN NẾP SỐNG VĂN MINH TRONG VIỆC CƯỚI, VIỆC TANG VÀ LỄ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 15 /2014/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm
2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)*

Chương 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội được tổ chức trong phạm vi tỉnh Lai Châu.
2. Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia vào việc cưới, việc tang và lễ hội tại tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Những nguyên tắc trong tổ chức việc cưới, việc tang và lễ hội

Tổ chức, cá nhân khi tổ chức việc cưới, việc tang và lễ hội phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

1. Không trái với thuần phong mỹ tục của dân tộc; không để xảy ra các hoạt động mê tín dị đoan.
2. Không lợi dụng việc cưới, việc tang và lễ hội để trục lợi, hoạt động nhằm chia rẽ đoàn kết dân tộc, gây mất đoàn kết trong cộng đồng, dòng họ và gia đình.
3. Không làm ảnh hưởng đến an toàn giao thông và trật tự, an toàn công cộng.
4. Không tổ chức hoặc tham gia đánh bạc dưới mọi hình thức.
5. Không sử dụng thời gian làm việc và phương tiện của cơ quan đi đám cưới, lễ hội (trừ cơ quan làm nhiệm vụ); không sử dụng công quỹ của cơ quan làm quà mừng, quà tặng trong đám cưới và viếng đám tang.

6. Các gia đình khi sử dụng tạm thời hè phố cho việc cưới, việc tang phải báo cáo và xin ý kiến UBND xã, phường, thị trấn nơi cư trú.

Chương 2

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1. NẾP SỐNG VĂN MINH TRONG VIỆC CƯỚI

Điều 3. Về đăng ký kết hôn

1. Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn (gọi tắt là cấp xã) chịu trách nhiệm hướng dẫn đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định.
2. Đôi nam nữ để trở thành vợ chồng hợp pháp phải đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn là nơi cư trú của một trong hai người.

Điều 4. Trao giấy chứng nhận kết hôn

Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tổ chức trao Giấy chứng nhận kết hôn cho đôi nam nữ đã hoàn thành thủ tục đăng ký kết hôn, thể hiện sự thừa nhận kết hôn hợp pháp của Nhà nước và pháp luật.

Điều 5. Tổ chức việc cưới

Việc cưới phải được tổ chức theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, pháp luật về đăng ký và quản lý hộ tịch, các quy định pháp luật khác có liên quan và phải thực hiện các quy định sau:

1. Tổ chức lễ cưới sau khi đã được chính quyền địa phương cấp Giấy chứng nhận kết hôn.
2. Cơ quan, đoàn thể, gia đình tổ chức lễ cưới đảm bảo trang trọng, vui tươi, lành mạnh, tiết kiệm, phù hợp với phong tục, tập quán, truyền thống tốt đẹp của địa phương, dân tộc và hoàn cảnh của hai gia đình.
3. Các thủ tục chạm ngõ, rước dâu tổ chức theo phong tục tập quán; không phô trương, hình thức, rườm rà; không nặng về đòi hỏi lễ vật.
4. Địa điểm cưới do hai gia đình lựa chọn; thời gian tổ chức việc cưới không làm ảnh hưởng đến thời gian lao động của Nhà nước; chỉ mời khách dự tiệc

cưới trong phạm vi gia đình, họ tộc thân thích, bạn bè và đồng nghiệp thân thiết.

5. Trang trí lễ cưới cần giản dị, không rườm rà, phô trương; trang phục cô dâu, chú rể gọn gàng, lịch sự, phù hợp với bản sắc văn hóa dân tộc.

6. Âm nhạc trong đám cưới phải lành mạnh, vui tươi; âm thanh đảm bảo không vượt quá 25W. Không mở nhạc trước 6h sáng và sau 22h đêm.

Điều 6. Khuyến khích thực hiện các hoạt động sau trong tổ chức lễ cưới

1. Hạn chế tổ chức tiệc cưới linh đình; chỉ tổ chức tiệc trà, tiệc ngọt trong lễ cưới.

2. Hạn chế sử dụng rượu, bia và không sử dụng thuốc lá tại đám cưới.

3. Cơ quan, tổ chức, đoàn thể đứng ra tổ chức lễ cưới tập thể tại hội trường nhà văn hoá, các địa điểm sinh hoạt văn hoá cộng đồng.

4. Cô dâu, chú rể đặt hoa tại nghĩa trang liệt sỹ, Tượng đài Bác Hồ với đồng bào các dân tộc Lai Châu, di tích lịch sử văn hóa, trồng cây lưu niệm tại địa phương trong ngày cưới.

5. Cô dâu, chú rể và gia đình mặc trang phục truyền thống hoặc trang phục của dân tộc mình trong ngày cưới.

6. Tổ chức lễ cưới tại một địa điểm, trong thời gian một ngày.

Mục 2. NẾP SỐNG VĂN MINH TRONG VIỆC TANG

Điều 7. Khai tử

Khi có người qua đời, gia đình hoặc thân nhân phải đến UBND xã, phường, thị trấn để khai tử (trong thời gian 15 ngày kể từ ngày có người trong gia đình qua đời).

Điều 8. Trách nhiệm tổ chức lễ tang

1. Lễ tang do gia đình người qua đời quyết định tổ chức tại nhà hoặc tại địa điểm công cộng.

2. Trong trường hợp lễ tang do Ban lễ tang tổ chức, Ban lễ tang có trách nhiệm phối hợp với gia đình người qua đời thống nhất quyết định những vấn đề liên quan đến việc tổ chức tang lễ.

3. Nếu người qua đời không có gia đình hoặc thân nhân đứng ra tổ chức lễ tang thì Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phối hợp với các đoàn thể quần chúng chịu trách nhiệm tổ chức khâm liệm và mai táng chu đáo theo phong tục truyền thống.

Điều 9. Tổ chức lễ tang

1. Việc tang phải được tổ chức theo quy định của pháp luật về đăng ký và quản lý hộ tịch, pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về y tế và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Lễ tang được tổ chức tại nhà hoặc tại địa điểm công cộng phải thực hiện các quy định sau:

a) Lễ tang phải được tổ chức chu đáo, trang nghiêm, tiết kiệm, phù hợp với tập quán, truyền thống văn hoá dân tộc và hoàn cảnh gia đình người qua đời.

b) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức lễ tang chu đáo; vận động gia đình có người qua đời xoá bỏ các hủ tục lạc hậu, các hành vi mê tín dị đoan trong lễ tang.

c) Việc quấn ướp thi hài thực hiện theo Thông tư số 02/2009/TT-BYT ngày 26 tháng 5 năm 2009 của Bộ Y tế hướng dẫn vệ sinh trong hoạt động mai táng và hỏa táng.

d) Việc mặc tang phục và treo cờ tang trong lễ tang thực hiện theo truyền thống của địa phương, dân tộc; chỉ treo cờ tang tại địa điểm tổ chức lễ tang.

đ) Không cử nhạc tang trước 06 giờ sáng và sau 22 giờ đêm; âm thanh đảm bảo không vượt quá độ ồn 25W.

Trường hợp người qua đời là đồng bào dân tộc thiểu số, trong lễ tang được sử dụng nhạc tang của dân tộc thiểu số đó; không sử dụng các nhạc khúc không phù hợp trong lễ tang.

e) Cấm rải tiền Việt Nam và các loại tiền của nước ngoài trên đường đưa tang;

f) Người qua đời phải được chôn cất trong nghĩa trang; trường hợp chưa xây dựng được nghĩa trang, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm

hướng dẫn nhân dân tổ chức chôn cất phù hợp với quy hoạch quỹ đất của địa phương;

g) Việc tổ chức ăn uống trong lễ tang chỉ thực hiện trong nội bộ gia đình, dòng họ và phải đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm.

h) Đối với người qua đời bình thường, phải chôn cất trước 48 tiếng; đối với người qua đời mắc bệnh truyền nhiễm phải chôn cất trước 12 tiếng.

i) Nghiêm cấm lợi dụng việc tang để hành nghề mê tín dị đoan dưới mọi hình thức; nghiêm cấm lợi dụng việc tang để cản trở việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ công dân trước pháp luật.

Điều 10. Lễ tang đối với cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước

Lễ tang của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội-nghề nghiệp; sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sỹ quan, chiến sỹ trong các đơn vị lực lượng vũ trang; khi tổ chức ngoài việc thực hiện các quy định trên, cần tuân thủ các quy định tại Nghị định số 105/2012/NĐ-CP ngày 17/12/2012 của Chính phủ về tổ chức lễ tang đối với cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 11. Khuyến khích các hoạt động sau trong tổ chức việc tang

1. Các nghi thức cúng ba ngày, bảy ngày, bốn chín ngày, một trăm ngày, giỗ đầu, giỗ hết, cải táng chỉ thực hiện trong ngày và trong nội bộ gia đình, dòng họ.

2. Thực hiện hình thức hoá táng, điện táng, hung táng một lần vào khu vực nghĩa trang đã được quy hoạch.

3. Việc chôn cất người qua đời thực hiện theo hướng dẫn tại Nghị định số 35/2008/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang.

4. Xoá bỏ các hủ tục mê tín lạc hậu như: yểm bùa, trừ tà, lăn đường, khóc mướn và những nghi thức rườm rà khác.

5. Không rắc vàng mã trên đường đưa tang.

6. Sử dụng băng, đĩa nhạc thay cho ban nhạc lễ.
7. Xây dựng nghĩa trang thành công trình văn hóa tưởng niệm tại địa phương.
8. Hạn chế sử dụng vòng hoa bức trưng mang tính phô trương, lãng phí.

Điều 12. Việc xây cất mộ

1. Việc xây cất mộ thực hiện theo quy chuẩn chung của Bộ Xây dựng (diện tích không quá 1m², cao không quá 0,8m so với mặt đất nơi đặt mộ; những nơi không có phong tục cải táng, việc xây mộ diện tích không quá 02m², cao không quá 01m).
2. Việc bốc mộ của gia đình theo phong tục, tập quán phải đảm bảo vệ sinh, bảo vệ môi trường theo quy định của Bộ Y tế và các quy định khác có liên quan.

Mục 3. NẾP SỐNG VĂN MINH TRONG LỄ HỘI

Điều 13. Loại hình lễ hội

Tổ chức các loại hình Lễ hội thực hiện theo Quy chế tổ chức lễ hội của Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, quy định của pháp luật về hoạt động tôn giáo và những quy định khác có liên quan bao gồm:

1. Lễ hội dân gian.
2. Lễ hội lịch sử, cách mạng.
3. Lễ hội văn hóa, thể thao, du lịch.

Điều 14. Mục đích tổ chức lễ hội

1. Giáo dục truyền thống về lịch sử văn hóa tốt đẹp của dân tộc trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước.
2. Tưởng nhớ, tôn vinh công đức các vị anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa, các liệt sĩ, các bậc tiền bối có công với dân, với nước.
3. Tìm hiểu, thưởng thức những giá trị văn hóa, lịch sử, khoa học của di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh, công trình kiến trúc nghệ thuật tôn giáo tín ngưỡng, cảnh quan thiên nhiên.

4. Bảo tồn và phát huy vốn văn hóa truyền thống, phong tục tập quán tốt đẹp của cộng đồng, dân tộc, đáp ứng nhu cầu văn hóa, tín ngưỡng và các nhu cầu chính đáng khác của nhân dân.

5. Duy trì thực hiện nếp sống văn minh trong lễ hội và không ngừng nâng cao đời sống tinh thần cho đông đảo quần chúng nhân dân.

Điều 15. Thẩm quyền và thủ tục cấp phép lễ hội

1. Những lễ hội sau đây, khi tổ chức phải được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép bằng văn bản:

a) Lễ hội được tổ chức lần đầu.

b) Lễ hội được khôi phục lại sau nhiều năm gián đoạn.

c) Lễ hội đã được tổ chức định kỳ nhưng có sự thay đổi về nội dung, địa điểm, thời gian so với truyền thống.

d) Lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài do tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức Việt Nam tổ chức.

2. Thủ tục cấp giấy phép tổ chức lễ hội: Tổ chức, cơ quan tổ chức lễ hội quy định tại Khoản 1 điều này phải gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước thời điểm khai mạc ít nhất 30 ngày.

a) Hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức lễ hội (ghi rõ nội dung lễ hội hoặc nội dung thay đổi so với truyền thống, thời gian, địa điểm tổ chức, dự định thành lập Ban tổ chức lễ hội và các điều kiện cần thiết để đảm bảo an ninh, trật tự).

- Bản cam kết không vi phạm các nguyên tắc cấm tại Điều 2 Quy định này.

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc sau khi nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép và làm thủ tục cấp giấy phép tổ chức lễ hội. Trường hợp không cấp giấy phép trong thời hạn 10 ngày làm việc sau khi nhận hồ sơ hợp lệ phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Điều 16. Những lễ hội không phải xin cấp phép

Những lễ hội sau đây khi tổ chức không phải xin cấp phép, nhưng phải báo cáo kế hoạch với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về văn hóa, thể thao, du lịch trước thời gian tổ chức lễ hội ít nhất 30 ngày, trong đó nêu rõ về thời gian, địa điểm, nội dung, kịch bản (nếu có) và danh sách Ban tổ chức lễ hội và những nội dung khác liên quan.

1. Lễ hội dân gian đã được tổ chức thường xuyên, liên tục, định kỳ.
2. Lễ hội lịch sử cách mạng tiêu biểu có ý nghĩa giáo dục truyền thống.
3. Lễ hội quy định tại các điểm a, b và c (Khoản 1, Điều 19) Quy định này được tổ chức từ lần thứ hai trở đi.
4. Việc thông báo bằng văn bản về tổ chức lễ hội quy định như sau:
 - a) Lễ hội do cấp xã tổ chức phải báo cáo với Phòng văn hóa và thông tin huyện, thành phố.
 - b) Lễ hội do cấp huyện tổ chức phải báo cáo với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 17. Kinh phí tổ chức lễ hội

1. Kinh phí tổ chức lễ hội tổ chức ở cấp nào, Ủy ban nhân dân cấp đó chịu trách nhiệm chỉ đạo và thực hiện việc quản lý Nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành; không tổ chức lễ hội tốn kém, lãng phí, vượt quá khả năng đóng góp của nhân dân và ngân sách địa phương; không lợi dụng tổ chức lễ hội để trục lợi.
2. Nguồn thu từ công đức, từ thiện, tài trợ, thu phí dịch vụ, vé thắng cảnh và các nguồn khác thu được từ việc tổ chức lễ hội phải được quản lý và sử dụng đúng mục đích, có sự tham gia của chính quyền địa phương thực hiện theo Quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Kết thúc lễ hội Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (gọi tắt là huyện) chỉ đạo Ban tổ chức lễ hội phải thực hiện tài chính công khai, dân chủ.

Điều 18. Nghi thức lễ hội

1. Tiến hành đúng nghi thức trang trọng theo truyền thống văn hóa dân tộc, có sự hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa, thể thao và du lịch có thẩm quyền.
2. Trong khu vực lễ hội, cờ Tổ quốc phải được treo ở nơi trang trọng, cao hơn cờ hội; chỉ treo cờ hội tại địa điểm lễ hội và trong thời gian tổ chức lễ hội.

Điều 19. Thực hiện nếp sống văn minh và quy định của Ban tổ chức lễ hội

1. Tất cả các lễ hội phải thành lập Ban tổ chức. Ban tổ chức lễ hội được thành lập theo quyết định của chính quyền cấp tổ chức lễ hội, đại diện chính quyền làm Trưởng ban, thành viên gồm đại diện các ngành Văn hóa, Công an, Tôn giáo, Mặt trận Tổ quốc, Y tế, đại diện các ngành, đoàn thể hoặc cá nhân khác có liên quan đến việc tổ chức lễ hội. Ban tổ chức lễ hội chịu trách nhiệm quản lý, điều hành lễ hội theo đúng chương trình kịch bản đã báo cáo.
2. Phần lễ: Nội dung nghi thức trang trọng, có tính truyền thống, ý nghĩa giáo dục, tiết kiệm, không kéo dài.
3. Phần hội: Tổ chức các trò chơi dân gian, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, hội thi truyền thống, có nội dung bổ ích, lành mạnh, phù hợp với quy mô, tính chất đặc điểm của lễ hội. Xã hội hóa các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, du lịch phục vụ lễ hội khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4. Không bán ản tén, các ản phẩm cấm lưu hành ở di tích. Hạn chế số lượng các hòm công đức tại các cơ sở thờ tự.
5. Không tổ chức các hoạt động kinh doanh dịch vụ trong khu vực nội tự, khu vực bảo vệ I của di tích lịch sử văn hóa, trên các tuyến chính nơi diễn ra lễ hội gây cản trở giao thông, làm mất mỹ quan không gian lễ hội.
6. Không được bán vé vào dự lễ hội (trừ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được phép nằm trong lễ hội). Các trò chơi, trò diễn, biểu diễn

nghệ thuật, tham quan du lịch, trưng bày triển lãm trong khu vực lễ hội được bán vé theo qui định của pháp luật về tài chính.

7. Tổ chức dịch vụ trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô theo quy định được sự đồng ý và chịu sự quản lý của Ban Tổ chức lễ hội. Giá vé (*Ghi rõ và niêm yết công khai*) thực hiện theo qui định của UBND tỉnh.

8. Có phương án bảo vệ di tích, cổ vật . Đối với lễ hội văn hóa du lịch, bố trí hướng dẫn viên giới thiệu khách tham quan về giá trị của di tích, danh thắng. Thắp hương, đốt vàng theo quy định của Ban tổ chức, đảm bảo an ninh, trật tự khi dự lễ hội.

9. Mọi người tham gia dự lễ hội ăn mặc chỉnh tề, phù hợp với thuần phong mỹ tục; thực hiện Luật Di sản văn hóa, nếp sống thanh lịch - văn minh, ứng xử có văn hóa và tuân thủ những quy định của Ban Tổ chức lễ hội. Không nói tục, xúc phạm tâm linh và ảnh hưởng xấu tới không khí trang nghiêm của lễ hội. Loại bỏ tình trạng lang thang, ăn xin, đeo bám khách.

Điều 20. Thời hạn báo cáo và thay đổi nội dung lễ hội

1. Sau khi kết thúc lễ hội, Ban tổ chức lễ hội phải có văn bản báo cáo kết quả với chính quyền cấp tổ chức lễ hội và cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa, thể thao và du lịch cấp trên trực tiếp.

2. Việc loại bỏ hay bổ sung các yếu tố văn hóa trong lễ hội phải được sự đồng ý cho phép của cơ quan chuyên môn có thẩm quyền và theo quy định pháp luật.

Chương 3.

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, ban, ngành, đoàn thể, lực lượng vũ trang nhân dân, doanh nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm quán triệt, phổ biến, giáo dục, động viên, quản lý cán bộ,

công chức, viên chức trong cơ quan đơn vị mình gương mẫu đi đầu và hướng dẫn nhân dân thực hiện Quy định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo việc hướng dẫn các xã (phường, thị trấn); các bản (khu phố, tổ dân phố, khu dân cư) xây dựng các Quy ước, hương ước về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội phù hợp với phong tục, tập quán từng vùng, từng dân tộc và các nội dung tại Quy định này.

3. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan báo chí tổ chức tuyên truyền, hỗ trợ tích cực việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội theo Quy định.

4. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chỉ đạo thanh tra chuyên ngành phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

5. Giao Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch chủ trì phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh Lai Châu và các tổ chức đoàn thể, các cơ quan thành viên Ban Chỉ đạo phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tỉnh; UBND các huyện, thành phố tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện và giám sát việc thực hiện Quy định này. Định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện .

Điều 22. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội sẽ được Ban Chỉ đạo phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” các cấp trình UBND các cấp khen thưởng theo quy định hiện hành.

2. Các tập thể, cá nhân vi phạm các quy định tại Quy chế này thì Ban vận động, Ban chỉ đạo các cấp có trách nhiệm đề nghị cấp có thẩm quyền không công nhận và công nhận lại các danh hiệu gia đình văn hóa; bản, khu phố

văn hóa; cơ quan, đơn vị văn hóa; trường học có đời sống văn hóa tốt; phường đạt chuẩn văn minh đô thị; xã đạt chuẩn nông thôn mới.

3. Thủ trưởng các cơ quan Nhà nước, lực lượng vũ trang, người đứng đầu cơ quan Đảng, đoàn thể chính trị - xã hội chịu trách nhiệm liên đới khi để các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng điều chỉnh quy định tại Điều 1 của Quy định này thuộc trách nhiệm quản lý có hành vi vi phạm hoặc lợi dụng chức vụ làm trái các Quy định này; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, phát sinh cần sửa đổi, bổ sung đề nghị phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch) để xem xét, điều chỉnh./.

PHỤ LỤC 3

MỘT SỐ HÌNH ẢNH TỔNG QUAN VỀ XÃ NẬM KHOA

(Ảnh do Nguyễn Cảnh Phương chụp, tháng 4 và tháng 5 năm 2016. Tại xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu)



Ảnh 1: Toàn cảnh bản Nậm Khao, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu



Ảnh 2: Nhà sàn hiện nay của người Cống, bản Pô Lếch, xã Nậm Khao



Ảnh 3: Nhà sàn của người Cống thường ba gian, gian bên trái (từ cửa vào) là buồng ngủ của chủ nhà. Đây cũng là nơi để bàn thờ tổ tiên và đồ của chủ nhà



Ảnh 4: Lễ cúng thổ công bản (*Xông lang ê*)



Ảnh 5: Lễ vào nhà mới (*Nhim sử tà lê*)



Ảnh 6: Lễ cúng gọi hồn (*A la xá*)



Ảnh 7: Lễ cúng tổ tiên (*Dim mè khun nê*)



Ảnh 8: Khu nghĩa địa (*lòng pêm chòng*),
bản Nậm Khao



Ảnh 9: Cây me khá, bảo vệ phần mộ
của người quá cố



Ảnh 10: Nhà mồ (*long pêm pàn*)



Ảnh 11: Tục chia của (*già mồ tô ê*)
cho người chết

PHỤ LỤC 4

Một số hình ảnh trong đám ma ông Khoàng Văn Sơn, dân tộc Cống, mất tháng 5 năm 2016. Bản Nậm Luông, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, tỉnh

Lai Châu

(Người chụp: Nguyễn Cảnh Phương, Đỗ Minh Đức)



Ảnh 12: Để ngăn không cho hồn vía lạ vào nhà, cổng và hàng rào của các nhà hàng xóm được treo các cành cà dại trong suốt quá trình tổ chức đám ma



Ảnh 13: Khi chủ nhà qua đời, các vách và bàn thờ được bỏ. Quan tài được để ở nơi người chết nằm



Ảnh 14: Thắp hương viếng người chết



Ảnh 15: Người thân mang lễ vật tới viếng



Ảnh 16: Cúng cơm cho người chết



Ảnh 17: Sau khi thầy cúng mời cơm người chết, lần lượt vợ, con, anh em họ hàng mời cơm người chết



Ảnh 18: Đoàn người đi gồm có: em gái bung bát hương, người rải tiền vàng, người chị gái gánh đồ chia của và anh em họ hàng phụ khiêng quan tài



Ảnh 19: Hạ quan tài xuống huyệt mộ



Ảnh 20: Trước khi mộ được đắp xong, cột cờ (hàng tung nghê) phải được hàng rế dựng lên



Ảnh 21: Người thân trong gia đình sắp xếp vật dụng chia lại cho người chết



Ảnh 22: Những người thân trong gia đình, họ hàng dùng que và ống com lam đưa qua tấm đan của nhà mồ hứng lấy hồn của mình và gia đình



Ảnh 23 Khi về đến nhà, người con trai trưởng sẽ chạy lên trước rồi dùng dao và cành sa nhân xua đuổi hồn người sống xuống, mọi người dùng ống lam và quả trứng để hứng hồn của mình và gia đình